

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

(Giá chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 26/5/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04/06/2015)



HAGL Agrico

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/07/2015)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI (HAGL AGRICO)

Trụ sở chính: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-59) 22 22 283 Fax: (84-59) 22 22 218 Website: haagrico.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 38 24 28 97 Fax: (84-8) 38 24 29 97 Website: www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Võ Thị Mỹ Hạnh

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: (84-59) 22 22 283 Fax: (84-59) 22 22 218 Email: hanh.vo@hagl.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 26/5/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04/06/2015)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 708.143.895 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	: 7.081.438.950.000 đồng (bảy ngàn không trăm tám mươi một tỷ, bốn trăm ba mươi tám triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN**Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

Trụ sở chính

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3824 2897

Fax: (84-8) 3824 2997

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3936 6321

Fax: (84-4) 3936 6311

E-mail: ssi-hn@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 28 - Tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3824 5252

Fax: (84-8) 3824 5250

Email: eyhcmc@vn.ey.com

Website: www.ey.com

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế	8
2. Rủi ro về luật pháp.....	9
3. Rủi ro do đặc thù ngành.....	10
4. Rủi ro pha loãng.....	12
5. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu	12
6. Rủi ro khác.....	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	13
1. Tổ chức niêm yết	13
2. Tổ chức tư vấn.....	13
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết	15
1.1.1 Thông tin chung:	15
1.1.2 Ngành nghề kinh doanh chính:.....	15
1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	16
1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty	17
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty và Cơ cấu trong Tập đoàn.....	20
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	21
3.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	21
3.2 Hội Đồng Quản Trị	21
3.3 Ban Kiểm Soát	22
3.4 Ban Tổng Giám đốc	22
3.5 Các Phòng, Ban chức năng	22
3.5.1 Phòng Kế toán	22
3.5.2 Phòng Tài chính.....	23
3.5.3 Phòng Kỹ thuật	23
3.5.4 Phòng Khai thác – Chế biến.....	23
3.5.5 Phòng Quản lý tưới nước:.....	24
3.5.6 Phòng Bảo vệ thực vật:	24
3.5.7 Phòng Pháp lý:.....	24
4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	25
4.1 Danh sách cổ đông sáng lập.....	25

4.2	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	25
4.3	Cơ cấu cổ đông của Công ty	26
5.	Danh sách Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết.....	26
5.1	Danh sách Công ty mẹ.....	26
5.2	Danh sách các công ty con	27
5.3	Danh sách các công ty liên doanh, liên kết.....	28
6.	Hoạt động kinh doanh.....	29
6.1	Giới thiệu về hoạt động kinh doanh chính của Công ty	29
6.1.1	Trồng và chế biến mủ cao su	29
6.1.2	Mía đường và nhiệt điện.....	33
6.1.3	Cọ dầu	36
6.1.4	Cây bắp.....	39
6.1.5	Chăn nuôi.....	39
6.1.6	Hoạt động xây dựng	46
6.2	Doanh thu và lợi nhuận của Công ty.....	46
6.3	Chi phí	48
6.4	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ	49
6.5	Hoạt động Marketing.....	49
6.6	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	50
6.7	Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết.....	50
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	51
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh	51
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.....	51
7.2.1	Thuận lợi.....	51
7.2.2	Khó khăn.....	52
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	52
8.1	Vị thế của Công ty trong ngành.....	52
8.1.1	Cao su.....	53
8.1.2	Mía đường	54
8.1.3	Cọ dầu	55
8.1.4	Chăn nuôi bò.....	56
8.2	Triển vọng phát triển của ngành và đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	56
8.2.1	Cao su.....	56
8.2.2	Mía đường	58
8.2.3	Cọ dầu	59
8.2.4	Chăn nuôi bò.....	59
9.	Chính sách đối với người lao động.....	60

9.1	Số lượng người lao động trong Công ty	60
9.2	Chính sách đối với người lao động.....	60
9.2.1	Thời gian làm việc và nghỉ phép.....	60
9.2.2	Chính sách đào tạo.....	61
10.	Chính sách cổ tức.....	61
11.	Tình hình hoạt động tài chính	61
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản trong năm vừa qua.....	61
11.1.1	Trích khấu hao tài sản cố định.....	61
11.1.2	Thu nhập bình quân.....	62
11.1.3	Thanh toán các khoản nợ đến hạn.....	63
11.1.4	Các khoản phải nộp theo luật định	63
11.1.5	Trích lập các quỹ theo luật định.....	63
11.1.6	Tổng dư nợ vay	63
11.1.7	Tình hình công nợ.....	68
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	70
12.	Hội đồng Quản trị; Ban Giám đốc; Ban Kiểm soát; Giám đốc tài chính; Kế toán trưởng.....	72
12.1	Hội Đồng Quản Trị	73
12.1.1	Ông Đoàn Nguyên Đức – Chủ tịch HĐQT	73
12.1.2	Ông Võ Trường Sơn – Thành viên HĐQT.....	74
12.1.3	Ông Đoàn Nguyên Thu – Thành viên HĐQT.....	76
12.1.4	Ông Nguyễn Xuân Thắng - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	78
12.1.5	Bà Võ Thị Huyền Lan - Thành viên HĐQT	80
12.1.6	Ông Nguyễn Ngọc Ánh – Thành viên HĐQT.....	82
12.1.7	Ông Nguyễn Quan Anh – Thành viên HĐQT	84
12.2	Ban Giám đốc.....	86
12.2.1	Ông Nguyễn Xuân Thắng – Tổng Giám đốc	86
12.2.2	Ông Trịnh Xuân Nhân – Phó Tổng Giám đốc.....	86
12.2.3	Ông Phan Thanh Thủ - Phó Tổng Giám đốc.....	87
12.2.4	Ông Hoàng Đình Quý - Phó Tổng Giám đốc.....	89
12.2.5	Ông Nguyễn Ngọc Ánh - Phó Tổng Giám đốc	90
12.2.6	Ông Nguyễn Quan Anh - Phó Tổng Giám đốc.....	90
12.2.7	Bà Võ Thị Mỹ Hạnh – Phó Tổng Giám đốc	90
12.3	Ban Kiểm Soát	92
12.3.1	Ông Lê Hồng Phong– Trưởng Ban kiểm soát.....	92
12.3.2	Ông Phạm Ngọc Châu – Thành viên Ban kiểm soát.....	93
12.3.3	Bà Đào Định Phương – Thành viên Ban kiểm soát	94
12.4	Kế toán trưởng.....	95
12.4.1	Ông Đỗ Văn Hải – Kế toán trưởng	95
13.	Tài sản thuộc sở hữu Công ty	97
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2015 và 2016.....	98

14.1	Kế hoạch	98
14.2	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2015 và 2016	98
14.3	Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua	99
14.4	Kế hoạch tăng vốn điều lệ:.....	99
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	99
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:.....	100
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:	100
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	101
1.	Loại chứng khoán:	101
2.	Mệnh giá:	101
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết:	101
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:	101
5.	Phương pháp tính giá	102
5.1	Phương pháp so sánh Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần: Price/Earnings (P/E).....	103
5.2	Phương pháp so sánh hệ số Giá thị trường trên Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/B hay PB):	103
5.3	Tổng hợp giá tham chiếu của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai:.....	104
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	104
7.	Các loại thuế liên quan	105
7.1	Đối với Công ty.....	105
7.2	Đối với nhà đầu tư	106
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	107
1.	Tổ chức niêm yết	107
2.	Tổ chức tư vấn.....	107
3.	Tổ chức kiểm toán:	108
VII.	PHỤ LỤC	108

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông sáng lập.....	25
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần	25
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 15/6/2015	26
Bảng 4: Bảng tổng hợp diện tích trồng cao su	29
Bảng 5: Tiến độ trồng cọ dầu	36
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu của HAGL Agrico giai đoạn 2013 – 2014.....	47
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp của HAGL Agrico giai đoạn 2013 – 2014.....	47
Bảng 8: Cơ cấu chi phí trong những năm gần đây của Công ty.....	48
Bảng 9: Danh sách các hợp đồng dịch vụ có giá trị lớn.....	50
Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.....	51
Bảng 11: Tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm	61
Bảng 12: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	63
Bảng 13: Tổng dư nợ vay của Công ty	63
Bảng 14: Chi tiết khoản vay ngắn hạn ngân hàng	64
Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu.....	68
Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu khách hàng	69
Bảng 17: Chi tiết các khoản phải trả.....	69
Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	70
Bảng 19: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.....	72
Bảng 20: Hàng tồn kho.....	97
Bảng 21: Tình hình tài sản cố định của Công ty	97
Bảng 22: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015 và 2016	98

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty	20
Sơ đồ 2: Cơ cấu trong Tập đoàn.....	20
Sơ đồ 3: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	21
Sơ đồ 4: Quy trình trồng và chăm sóc cây cao su	30
Sơ đồ 5: Quy trình sản xuất chế biến mủ cây cao su	31
Sơ đồ 6: Quy trình sản xuất đường từ mía	34
Sơ đồ 7: Quy trình sản xuất điện.....	35

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HAGL Agrico) là Tập đoàn Nông nghiệp hoạt động trên 3 nước Đông Dương trong các lĩnh vực: trồng và chế biến mủ cao su, trồng mía và chế biến đường thương phẩm, trồng và sơ chế cọ dầu, trồng bắp và chăn nuôi bò. Hoạt động trong nhiều lĩnh vực, tại các quốc gia khác nhau và sản phẩm có liên hệ nhiều đến giá hàng hóa thế giới, hoạt động và hiệu quả kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng nhiều từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro về kinh tế

Sản phẩm của HAGL Agrico được tiêu thụ tại các thị trường mà Công ty có cơ sở trồng trọt, sản xuất, bên cạnh đó, 2 sản phẩm cao su và dầu cọ có thể được xuất khẩu đến các thị trường khác và chịu nhiều ảnh hưởng của giá cả hàng hóa trên các thị trường giao dịch tập trung. Những bất ổn về chính trị cộng thêm nhu cầu hàng hóa thấp làm giá cả nhiều mặt hàng nguyên liệu giảm mạnh so với mức cao thiết lập trong giai đoạn 2010 – 2011. Giá mủ cao su, dầu cọ hay dầu thô đã giảm hơn 50% so với các mức cao đã thiết lập, ảnh hưởng đến các dự phóng tài chính và kế hoạch kinh doanh của Công ty cũng như triển vọng lợi nhuận.

Các yếu tố vĩ mô của Việt Nam đã dần cải thiện từ năm 2013, dự trữ ngoại hối duy trì ở mức cao, tỉ giá ổn định, lạm phát được kiểm soát tốt và mặt bằng lãi suất đã giảm về mức hợp lý, là tiền đề cho các doanh nghiệp trong nước ổn định sản xuất và mở rộng quy mô.

- **Tăng trưởng GDP:** Sau giai đoạn chững lại do các chính sách thắt chặt quản lý tiền tệ và tập trung xử lý nhiều tồn đọng trong hệ thống ngân hàng, nền kinh tế đã có dấu hiệu khởi sắc trở lại khi GDP năm 2014 đạt mức tăng 5,98% và GDP quý một đang ở mức tăng trưởng 6,03% so với cùng kỳ năm trước, đây là cơ sở quan trọng để nền kinh tế có thể hướng đến mục tiêu tăng trưởng 6,2% cho năm 2015. Thị trường trong nước là nơi HAGL Agrico sẽ tiêu thụ các mặt hàng đường, thịt bò và bắp, nền kinh tế tăng trưởng tốt sẽ hỗ trợ cho sức cầu đối với các sản phẩm này.
- **Lạm phát:** Các chính sách điều hành vĩ mô hiệu quả, cộng với giá cả hàng hóa giảm mạnh đã đưa lạm phát Việt Nam giảm xuống mức 6,84% năm 2012, 6,04% năm 2013, so với mức tăng CPI 2 con số các năm 2011 và 2012. Năm 2014, mức lạm phát chỉ còn 4,10%, đây là mức thấp nhất kể từ năm 2005 trở lại đây. Lạm phát thấp giúp Công ty có thể kiểm soát chi phí sản xuất tốt hơn, bên cạnh đó, lạm phát thấp còn giúp chính phủ có thể triển khai nhiều chính sách tiền tệ thông thoáng hơn, giúp Công ty có thể tiếp cận được nhiều nguồn vốn với chi phí phù hợp.
- **Lãi suất:** HAGL Agrico đầu tư phát triển các dự án với xấp xỉ 50% cơ cấu vốn huy động từ các tổ chức tín dụng. Giai đoạn kiến thiết ban đầu thường kéo dài từ ba đến năm năm trước khi dự án có thể thu về dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Lãi suất ngân hàng thấp sẽ giúp giảm chi phí đầu tư, áp lực trả lãi vay và tăng hiệu quả đầu tư và lợi nhuận của Công ty, và ngược lại. Ngược lại, chi phí lãi suất cao sẽ làm tăng chi phí đầu tư ban đầu khi vốn hóa lãi vay vào vườn cây và các tài sản cố định khác, làm tăng chi phí khấu hao phân bổ khi vườn cây đi vào khai thác, làm giảm hiệu quả lợi nhuận của dự án. Ngoài ra,

chi phí lãi vay cao hơn còn có thể tăng áp lực lên dòng tiền của Công ty trong giai đoạn đầu tư cơ bản và ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn vốn vay mới của Công ty, có thể làm chậm quá trình đầu tư dự án mới hoặc giảm hiệu quả đầu tư của dự án mới do lãi suất áp dụng đối với khoản vay mới có thể cao hơn các khoản vay trước đó. Giai đoạn 2015 đến 2017, doanh thu và lợi nhuận của Công ty theo kế hoạch sẽ có sự dịch chuyển cơ cấu sang mảng chăn nuôi. Chăn nuôi bò đòi hỏi nguồn vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng, vốn vay ngắn hạn cho hoạt động chăn nuôi bò thịt nuôi vỗ béo và vốn vay dài hạn cho việc đầu tư đàn bò sinh sản, bảo đảm nguồn cung ứng bò thịt nuôi vỗ béo trong tương lai, giảm sự phụ thuộc vào việc nhập khẩu bò. Chi phí lãi vay cao sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời của lĩnh vực chăn nuôi bò thịt, và làm chậm kế hoạch phát triển đàn bò sinh sản, làm giảm sự chủ động của Công ty đối với nguồn cung ứng bò thịt nuôi vỗ béo.

- **Tỷ giá:** Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác nhau do Công ty hoạt động trên ba quốc gia, các chi phí tại mỗi quốc gia được thanh toán bằng đồng nội tệ. Tỷ giá các đồng tiền dùng trong giao dịch chính tại Lào và Campuchia có thể tăng lên so với Việt Nam đồng, làm tăng chi phí hoạt động của Công ty trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và ảnh hưởng đến hiệu quả lợi nhuận của Công ty. Phần lớn các sản phẩm cao su và cọ dầu dự kiến sẽ tiêu thụ tại thị trường nước ngoài và được giao dịch bằng đồng đô la Mỹ. Tỷ giá đồng Việt Nam có thể tăng lên so với đồng đô la Mỹ, dẫn đến doanh thu xuất khẩu cao su và cọ dầu quy đổi sang đồng Việt Nam khi lập báo cáo tài chính giảm xuống. Đối với lĩnh vực chăn nuôi, giai đoạn đầu Công ty nhập khẩu số lượng lớn bò sữa và bò thịt từ Úc, và tiêu thụ nội địa, chi phí nhập bò được thanh toán bằng đô la Mỹ trong khi doanh thu thu được là đồng Việt Nam, những biến động tăng của tỷ giá đô la Mỹ có thể ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu bò của Công ty, dẫn đến giảm biên lợi nhuận.

2. Rủi ro về luật pháp

Các hoạt động kinh doanh của HAGL Agrico phần lớn chịu sự điều chỉnh của các chính sách quy hoạch, luật và các quy định khác do chính phủ và các cơ quan địa phương khác ban hành tại quốc gia mà chúng tôi hoạt động bao gồm Việt Nam, Campuchia và Lào. Vào từng thời điểm, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể ban hành các quy định mới điều chỉnh các hoạt động này. Vì các luật và quy định này tương đối mới và hệ thống pháp luật tại các quốc gia này tiếp tục phát triển nhanh, việc giải thích các luật, quy định và quy chế thường không thống nhất và khả năng thi hành của các luật, quy định và quy chế này là không chắc chắn, và có thể không thống nhất hoặc không dự báo được so với các nước phát triển hơn. Phụ thuộc vào cơ quan nhà nước và cách thức vụ việc được đệ trình lên các cơ quan này, HAGL Agrico có thể nhận được sự giải thích luật và các quy định kém ưu đãi hơn so với các đối thủ cạnh tranh, hoặc HAGL Agrico có thể nhận được sự giải thích mâu thuẫn với cách giải thích của Công ty. HAGL Agrico không thể dự liệu được hiệu quả của sự phát triển trong tương lai theo các hệ thống pháp luật này, kể cả việc ban hành các luật mới, các thay đổi đối với luật hiện hành hoặc cách giải thích hoặc khả năng thi hành của các luật này, sự ưu tiên áp dụng luật địa phương so với luật được ban hành trên toàn quốc, hoặc việc thay đổi quyết định của cơ quan nhà nước địa phương bởi chính cơ quan đó, cơ quan nhà nước cấp tỉnh hoặc trung ương. Sự không rõ ràng này có thể hạn chế sự bảo vệ dưới luật HAGL Agrico có thể được hưởng và có thể ảnh hưởng

bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh, triển vọng, điều kiện tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn.

HAGL Agrico đã tổ chức bộ máy thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để kịp thời dự báo và ứng phó, giúp Công ty có sự chuẩn bị tốt nhất với những thay đổi chính sách pháp luật.

3. Rủi ro do đặc thù ngành

Trồng trọt:

Cao su, đường và cọ dầu, là những loại hàng hóa giao dịch phổ biến trên thị trường thế giới với giá cả biến động thường nhật. Giá cả những hàng hóa này có thể thay đổi ngoài dự đoán của HAGL Agrico và ảnh hưởng đến các kế hoạch lợi nhuận của Công ty.

Công ty sử dụng một số loại giống cây trồng nhập từ các quốc gia Đông Nam Á, tuy các giống cây này đã được các nước trong khu vực sử dụng rộng rãi, các loại giống cây trồng nhập khẩu có thể không phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và cho năng suất không như hiệu quả tại các nước khác và không đúng với kế hoạch kinh doanh của Công ty. Công ty đã áp dụng các biện pháp canh tác hiện đại, điển hình là hệ thống tưới nhỏ giọt để cải thiện năng suất cây trồng, nâng cao sản lượng để bảo đảm hiệu quả kinh doanh của các dự án trồng trọt. Thực tế quá trình canh tác và khai thác cao su, mía đường đã cho thấy Công ty đã có tỷ suất sinh lời tương đối tốt trong hai năm đầu khai thác là 2013 và 2014.

Lĩnh vực trồng cao su và cọ dầu sử dụng nhiều lao động có tay nghề để tiến hành công tác thu hoạch mủ và quả. Công ty dự kiến mỗi lao động có thể quản lý khai thác từ 2 đến 3 ha cao su và cọ dầu. Như vậy, HAGL Agrico cần tuyển dụng trên 25.000 công nhân cạo mủ. HAGL Agrico có thể phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt lao động lành nghề ở các vườn cây tại Lào và Campuchia. Công ty đã có chính sách đào tạo lao động tại Việt Nam và đưa sang các trang trại tại Lào và Campuchia làm việc, đồng thời thông qua đội ngũ lao động lành nghề từ Việt Nam sang, đào tạo thêm lao động địa phương nhằm bảo đảm nguồn nhân lực ổn định.

Vườn cây của Công ty có thể bị ảnh hưởng với thiên tai như bão, lốc xoáy, lũ lụt, hạn hán kéo dài... Các biến đổi về khí hậu có thể ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng và hoạt động trồng trọt của Công ty. Bên cạnh đó, các hiện tượng thời tiết đặc thù như La Nina và El Nino ngoài tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và sản lượng của các công ty trồng trọt tại Đông Nam Á và châu Úc, còn ảnh hưởng đến giá cả của các loại hàng hóa, trong đó có cao su và cọ dầu.

Công ty áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt rộng khắp các vườn cây của mình, hệ thống tưới đòi hỏi nguồn nước đầu vào ổn định. Việc thiếu hụt có thể xảy ra khi hạn hán, khiến hệ thống tưới không hoạt động hiệu quả, có thể ảnh hưởng đến giá trị thu hoạch tại thời điểm đó.

Riêng đối với ngành mía đường, hiện nay HAGL Agrico vẫn phải xin hạn ngạch nhập khẩu tiêu thụ tại thị trường Việt Nam. Trong tương lai, các rào cản này sẽ được dỡ bỏ, khi đó, HAGL sẽ phải cạnh tranh khốc liệt với đường nhập khẩu từ nước ngoài, đặc biệt là Thái Lan, vốn có chi phí sản xuất rất cạnh tranh. Lợi thế của Công ty là giá nguyên liệu đầu vào khá thấp, và Công ty sẽ không ngừng áp dụng các biện pháp canh tác hiện đại để tăng năng suất nguyên liệu, giảm giá thành sản xuất để có thể cạnh tranh tốt hơn với các mặt hàng nhập khẩu.

Lĩnh vực trồng trọt của HAGL Agrico từng gặp phải các cáo buộc về môi trường. Công ty đã xử lý các vấn đề phát sinh, tuy nhiên, không thể khẳng định là các yếu tố này trong tương lai sẽ

không phát sinh trở lại, gây ảnh hưởng đến hình ảnh Công ty, và xa hơn, có thể ảnh hưởng đến việc tiêu thụ sản phẩm của HAGL Agrico.

Chăn nuôi:

HAGL Agrico triển khai nuôi bò quy mô lớn trên quỹ đất của Công ty tại các tỉnh Gia Lai – Việt Nam, Attapeu – Lào và Ratanakiri – Campuchia. Trong giai đoạn đầu khi triển khai, Công ty chủ yếu nhập khẩu bò. Trong tương lai, lượng nhập khẩu sẽ giảm khi Công ty đã phát triển được đàn bê tại các trang trại của mình.

Để nhập khẩu bò từ các nhà cung cấp của Úc, Công ty cùng các đối tác kinh doanh trong nước phải đáp ứng Hệ thống Đảm bảo chất lượng chuỗi cung ứng của nhà xuất khẩu (gọi tắt là ESCAS) để giám sát động vật xuất khẩu của Australia tới các lò giết mổ đảm bảo rằng động vật được đối xử nhân đạo. Nếu một đối tác của HAGL Agrico vi phạm hệ thống tiêu chuẩn này, việc cung cấp gia súc từ Úc có thể bị gián đoạn, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty do đó sẽ quản lý nghiêm ngặt chuỗi cung ứng để bảo đảm tuân thủ ESCAS.

Đàn gia súc có thể chịu ảnh hưởng của các loại bệnh phổ biến đối với gia súc, dẫn đến giảm số lượng hoặc chất lượng sản phẩm, ảnh hưởng đến chi phí đầu tư và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty đã đầu tư các trạm y tế tại khắp các trang trại, và xử lý vệ sinh các yếu tố đầu vào trực tiếp như thức ăn, nước uống để hạn chế tối đa khả năng phát triển, lây nhiễm các mầm bệnh.

Bò chủ yếu được nhập từ Úc, khí hậu có nhiều khác biệt so với Việt Nam và có thể sẽ phát triển không nhanh như khi được nuôi tại Úc, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, do Công ty chỉ mua bò vào khoảng 18 tháng tuổi, và nuôi vỗ béo từ 6 đến 7 tháng nên rủi ro này không quá lớn, và Công ty có thể nhanh chóng tiêu thụ bò tại thị trường trong nước để thu hồi vốn và lợi nhuận.

Công ty liên kết với nhiều đối tác tại Việt Nam để tiêu thụ các sản phẩm thịt và sữa bò, nhờ vào thế mạnh trong phân phối và thương hiệu của các đối tác này. Người tiêu dùng hiện nay đang có xu hướng ưa chuộng các sản phẩm thịt nhập khẩu trực tiếp từ Úc, nên sản phẩm của HAGL Agrico có thể sẽ gặp phải sự cạnh tranh mạnh mẽ lúc bắt đầu thâm nhập thị trường, khi mức độ phổ biến của sản phẩm chưa cao. Tuy nhiên, thương hiệu Hoàng Anh Gia Lai khá phổ biến tại thị trường Việt Nam từ 15 năm qua nhờ vào các hoạt động xã hội, quảng cáo và bóng đá, quá trình thâm nhập thị trường sẽ thuận lợi hơn.

Công ty có lợi thế về quỹ đất để trồng cỏ làm thức ăn cho bò, với chi phí trồng trọt thấp nhờ áp dụng nhiều phương pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến. Tuy nhiên, tại một số thời điểm, thời tiết có thể không thuận lợi làm giảm sản lượng cỏ, dẫn đến việc Công ty sẽ phải thu mua từ bên ngoài các thức ăn có chứa chất xơ với mức chi phí cao hơn, ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi. Bên cạnh đó, hạn hán kéo dài có thể dẫn đến thiếu hụt nguồn nước uống cho bò, bình quân mỗi con bò có thể tiêu thụ đến 60 lít nước mỗi ngày, với quy mô đàn bò lên đến hàng trăm nghìn con, Công ty cần bảo đảm nguồn cung cấp nước đầy đủ và ổn định. Hiện nay Công ty đang tận dụng nguồn nước từ hệ thống sông ngòi quanh trang trại, với chi phí xử lý tương đối thấp, tuy nhiên, trường hợp hạn hán, mực nước sông có thể giảm và ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nước, Công ty sẽ phải sử dụng các nguồn nước khác như khoan nước giếng, chuyên chở nước

từ nơi khác đến và sẽ làm tăng chi phí trong hoạt động chăn nuôi, giảm tốc độ tăng trưởng đàn bò.

4. Rủi ro pha loãng

Vốn điều lệ của Công ty trong năm 2015 đã tăng mạnh 77% từ mức 3.990 tỷ đồng lên mức 7.081 tỷ đồng, thu nhập ròng trên mỗi cổ phần sẽ điều chỉnh giảm tương ứng với số lượng cổ phần phát hành thêm. Theo kế hoạch, mức tăng trưởng lợi nhuận hàng năm của Công ty trong các năm 2015 và 2016 lần lượt là 95% và 107%, cao hơn mức tăng vốn điều lệ trong năm 2015, bảo đảm mức tăng trưởng dương của thu nhập ròng trên mỗi cổ phần. Tuy nhiên, thị trường có thể diễn biến không thuận lợi, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của Công ty, làm giảm mức thu nhập trên mỗi cổ phần.

5. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu HAGL Agrico niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng; tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển; và chuẩn mực hóa quản trị Công ty, tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu HAGL Agrico sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

6. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc hoàn toàn các cơ sở kinh doanh, trang trại, đồn điền. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty đã thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các loại tài sản, hàng hóa, bảo hiểm gián đoạn sản xuất kinh doanh của Công ty và của khách hàng nhằm hạn chế bớt các rủi ro này.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

Ông Đoàn Nguyên Đức	- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Thắng	- Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Hải	- Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Lê Hồng Phong	- Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Bà Nguyễn Thị Hương Giang	- Chức vụ: Giám đốc Phụ trách phía Nam – Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư
---------------------------	--

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDC TP.HCM: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HSX”)
- Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai
- Công ty/HAGL Agrico: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng Quản trị
- BTGD: Ban Tổng Giám đốc
- TGD: Tổng Giám đốc
- BKS: Ban Kiểm soát
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- ĐKKD: Đăng ký kinh doanh
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- Công ty TNHH MTV: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
- Thuế TNDN: Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- Thuế TNCN: Thuế Thu nhập cá nhân
- TP.HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
- DT: Doanh thu
- DTT: Doanh thu thuần
- GVHB: Giá vốn hàng bán

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

1.1.1 Thông tin chung:

- Tên Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI
- Tên viết tắt: HAGL AGRICO
- Trụ sở chính: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: 84 59 2222285
- Fax: 84 59 2222218
- Website: haagrico.com.vn
- Vốn điều lệ hiện tại: 7.081.438.950.000 đồng (*bảy ngàn không trăm tám mươi một tỷ, bốn trăm ba mươi tám triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng*)
- Nơi mở tài khoản:

STT	Ngân hàng giao dịch	Số tài khoản
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	0291002367431
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	62010000396823

1.1.2 Ngành nghề kinh doanh chính:

- Công ty đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh với các ngành nghề sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây cao su	0125 (chính)
2.	Trồng cây lâu năm	0129
3.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
4.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	01610
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán, ký gửi hàng hóa	8299
6.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng	4659
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

STT	Tên ngành	Mã ngành
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
10.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá	0810
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán xuất khẩu mũ cao su có nguồn gốc hợp pháp và sản phẩm chế biến từ gỗ cao su; bán buôn cao su nguyên liệu.	4669
12.	Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón	0891
13.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
14.	Khai thác quặng sắt	0710
15.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
16.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
17.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
18.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
19.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
20.	Bán buôn thực phẩm	4632
21.	Chăn nuôi trâu bò	0141
22.	Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Trồng cỏ	0199
23.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
24.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
25.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211

- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HAGL Agrico) hoạt động chủ yếu trên hai lĩnh vực (i) trồng cây Công Nghiệp ngắn và dài ngày, bao gồm: mía đường, cao su, cọ dầu và ngô; và (ii) chăn nuôi bò. Công ty chủ trương tham gia từ công đoạn trồng trọt đến thu hoạch và chế biến.

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Những cột mốc phát triển quan trọng	
2010	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HAGL Agrico), được quyết định thành lập khi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai thực hiện chương trình tái cấu trúc tập đoàn. Nhiều công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trước đó được sáp nhập, và chuyển về HAGL Agrico như công ty TNHH Hoàng Anh Attapeu, Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh, Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk.
2011	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ký Hợp đồng với Chính phủ Lào về việc sửa đổi Hợp đồng phát triển Dự án, tăng quy mô Dự án từ 10.000 ha lên 19.950 ha, trong đó diện tích phát triển thêm là 9.950 ha, gồm 7.950 ha cao su và 2.000 ha cọ dầu tại tỉnh Attapeu. Ngay sau đó, ký hợp đồng phát triển dự án trồng mía và xây dựng khu phức hợp mía đường tại Attapeu, Lào. ▪ Ký Hợp đồng thuê đất với diện tích 9.000 ha tại xã Talav và Nhang, huyện Andoung Meas, tỉnh Ratanakiri giữa Chính phủ Hoàng gia Campuchia và Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadao để đầu tư phát triển cao su. ▪ Ký Hợp đồng thuê đất với diện tích 9.470 ha tại huyện Konmum, tỉnh Rattanakiri giữa Chính phủ Hoàng gia Campuchia và Công ty TNHH Hoàng Anh Andoung Meas để đầu tư

Những cột mốc phát triển quan trọng	
	phát triển cây công nông nghiệp. Chính phủ Hoàng gia Campuchia, Ủy ban phát triển Campuchia đã cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư cho Dự án.
2012	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất đường công suất 7.000 tấn/ngày và nhà máy sản xuất nhiệt điện chạy từ bã mía với công suất 30 MW tại Attapeu. ▪ Hoàn thành việc xây dựng nhà máy chế biến mủ công suất 25.000 tấn/năm tại tỉnh Attapeu.
2013	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Khánh thành cụm công nghiệp mía đường và nhà máy chế biến mủ cao su Hoàng Anh Attapeu tại Lào ngày 25/02/2013. ▪ Động thổ dự án sân bay quốc tế Nong Khang, tỉnh Hủa Phăn, Lào vào ngày 14/03/2013.
2014	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Trồng xong 42.500 ha cao su, 17.303 ha cọ dầu, 8.000 ha mía và 5.000 ha bắp tại Việt Nam, Lào và Campuchia. ▪ Đầu tư phát triển mô hình chăn nuôi bò thịt và bò sữa tiên tiến theo tiêu chuẩn Quốc tế. Dự kiến tổng số lượng đàn bò thịt và bò sữa là 236.000 con.
2015	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tháng 4 năm 2015, Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai, đồng thời sáp nhập Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, mở rộng mảng hoạt động kinh doanh. ▪ Đang tiến hành xây dựng nhà máy chế biến dầu cọ công suất 45 tấn quả tươi/giờ và dự kiến đưa vào hoạt động trong quý II/2015. Nhà máy này có thể chế biến 270.000 tấn quả tươi/năm, đủ phục vụ cho khoảng 9.000 ha cọ dầu đưa vào khai thác lứa đầu. Trong tương lai, khi diện tích cọ dầu đưa vào khai thác nhiều hơn, Công ty sẽ có kế hoạch nâng cấp nhà máy hiện tại hoặc xây dựng thêm các nhà máy chế biến mới cho phù hợp.

1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị tính: ngàn đồng

Thời điểm	Vốn thực góp	Giá trị tăng vốn thực góp	Phương thức tăng vốn
Năm 2010 Khi thành lập	484.571.925		
Năm 2011	2.889.788.864	2.405.216.939	<ul style="list-style-type: none"> - Các cổ đông sáng lập góp vốn: 2.264.516.939 - Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược: 140.670.000
Năm 2012	3.646.853.464	757.064.600	<ul style="list-style-type: none"> - Các cổ đông sáng lập góp vốn: 583.664.600 - Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược: 173.400.000
Năm 2013	3.990.670.000	343.816.536	<ul style="list-style-type: none"> - Các cổ đông sáng lập góp vốn
Năm 2015	7.081.438.950	3.090.768.950	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược: 639.723.950; - Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu: 2.292.045.000; - Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Cán bộ công nhân viên: 159.000.000.

- Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 3867/UBCK-QLPH ngày 22/6/2015.

▪ **Tăng vốn đợt 1 trong năm 2011: tăng từ 484.571.925.000 đồng lên 2.889.788.864.000 đồng**

Cơ sở pháp lý:

- Các Nghị quyết liên quan đến việc thay đổi vốn đăng ký kinh doanh để các cổ đông sáng lập thực hiện góp vốn gồm: (i) Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ ngày 30/5/2011 quyết định tăng vốn từ 1.000 tỷ lên 2.000 tỷ; Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ ngày 28/6/2011 quyết định tăng vốn từ 2.000 tỷ lên 2.500 tỷ; Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 10/10/2011 quyết định tăng vốn từ 2.500 tỷ lên 3.850 tỷ; và
- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 02/11/2011 thông qua việc phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược.

Đối tượng phát hành:	Cổ đông sáng lập góp vốn và phát hành cổ phiếu riêng lẻ 14.067.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược
Số lượng cổ phần phát hành:	240.521.694 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành (<i>theo mệnh giá</i>):	2.405.216.939.000 đồng
Thời gian phát hành:	trong năm 2011
Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng:	không bị hạn chế chuyển nhượng
Số lượng cổ đông sau khi phát hành:	06 người
Cơ quan chấp thuận phát hành:	Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai

▪ **Tăng vốn đợt 2 năm 2012: tăng từ 2.889.788.864.000 đồng lên 3.646.853.464.000 đồng**

Cơ sở pháp lý: Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 20/12/2012 thông qua việc phát hành.

Đối tượng phát hành:	Cổ đông sáng lập góp vốn và phát hành cổ phiếu riêng lẻ 17.340.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược
Số lượng cổ phần phát hành:	75.706.460 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành (<i>theo mệnh giá</i>):	757.064.600.000 đồng
Thời gian phát hành:	trong năm 2012
Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng:	không bị hạn chế chuyển nhượng
Số lượng cổ đông sau khi phát hành:	13 người

Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai

▪ **Tăng vốn đợt 3 năm 2013: tăng từ 3.646.853.464.000 đồng lên 3.990.670.000.000 đồng**

Cơ sở pháp lý: Cổ đông sáng lập góp đủ vốn đăng ký, theo Điều 2 - Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 20/12/2012.

Đối tượng phát hành: Cổ đông sáng lập

Số lượng cổ phần phát hành: 34.381.654 cổ phiếu

Tổng giá trị phát hành (*theo mệnh giá*): 343.816.536.000 đồng

Thời gian phát hành: trong năm 2013

Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng: không bị hạn chế chuyển nhượng

Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 11 người

Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai

▪ **Tăng vốn đợt 4 năm 2015: tăng từ 3.990.670.000.000 đồng lên 7.081.438.950.000 đồng**

Cơ sở pháp lý: Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ bất thường ngày 6/4/2015 thông qua việc phát hành cổ phiếu

Đối tượng và phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược; Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu; và Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho CBCNV

Số lượng cổ phần phát hành: 309.076.895 cổ phiếu

Tổng giá trị phát hành (*theo mệnh giá*): 3.090.768.950.000 đồng

Thời gian hoàn tất việc phát hành: ngày 02 tháng 6 năm 2015

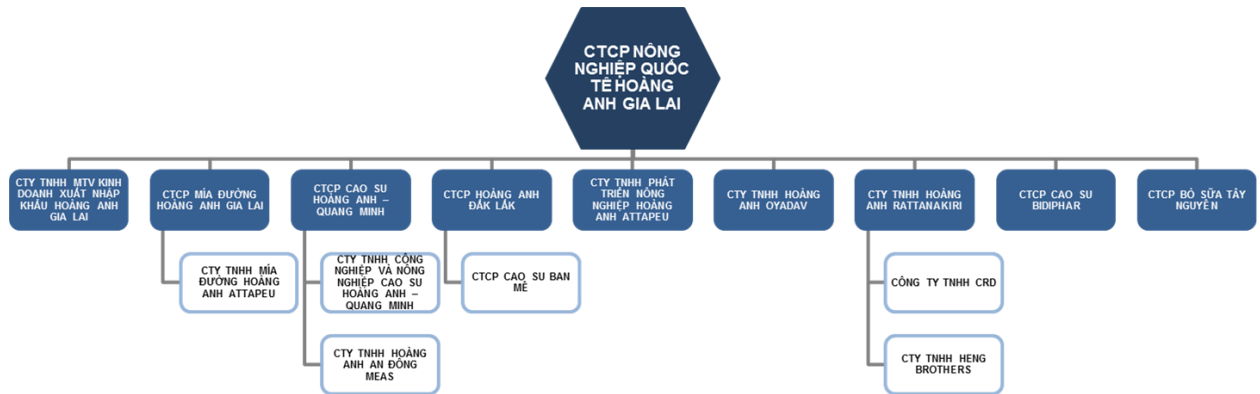
Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng: không bị hạn chế chuyển nhượng

Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 21 người

Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai

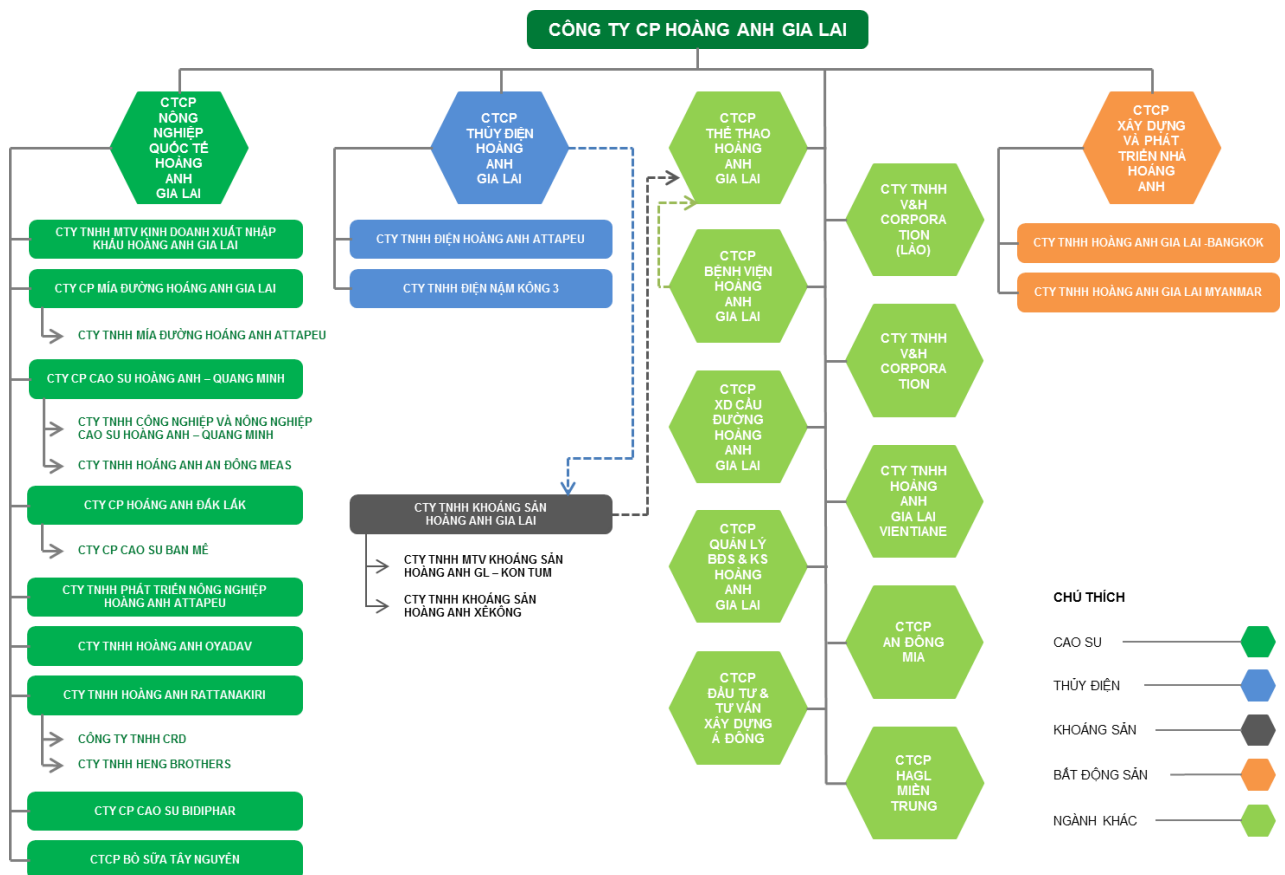
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty và Cơ cấu trong Tập đoàn

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: HAGL Agrico

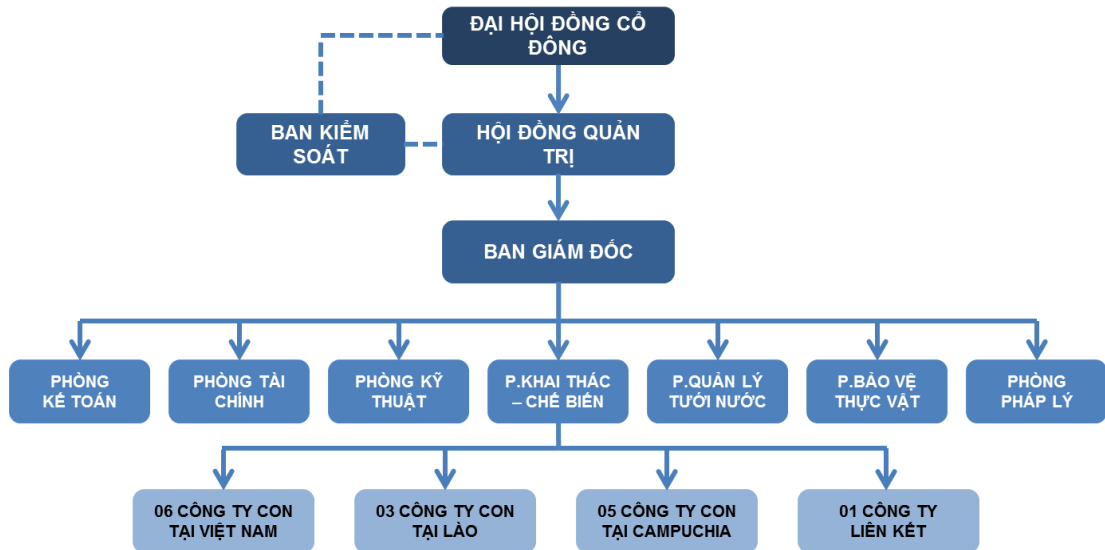
Sơ đồ 2: Cơ cấu trong Tập đoàn



Nguồn: HAGL Agrico

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 3: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Nguồn: HAGL Agrico

3.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo nhằm mục đích bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

3.2 Hội Đồng Quản Trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị của Công ty có 07 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu ra.

1) Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
2) Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT
3) Đoàn Nguyên Thu	Thành viên HĐQT
4) Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên HĐQT
5) Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT
6) Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên HĐQT
7) Nguyễn Quan Anh	Thành viên HĐQT

3.3 Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm.

1) Lê Hồng Phong	Trưởng Ban Kiểm soát
2) Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS
3) Đào Định Phương	Thành viên BKS

3.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc, 06 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

1) Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc
2) Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc
3) Phan Thanh Thủ	Phó Tổng Giám đốc
4) Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
5) Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
6) Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc
7) Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

3.5 Các Phòng, Ban chức năng

3.5.1 Phòng Kế toán

Chức năng:

Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán – thống kê; Quản lý tài chính, tài sản theo Pháp lệnh của Nhà nước, Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty.

Nhiệm vụ:

- Giúp Tổng Giám đốc về công tác kế toán tài chính; Tổ chức hạch toán, phản ánh chính xác, đầy đủ các số liệu, tình hình luân chuyển các loại vốn trong sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra và hướng dẫn nghiệp vụ cho các bộ phận kế toán tại các đơn vị trực thuộc;
- Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước, phản ánh trung thực kết quả hoạt động của Công ty.

3.5.2 Phòng Tài chính

Chức năng:

Tham mưu cho Ban giám đốc xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn, huy động vốn, đầu tư phát triển sản xuất, liên doanh liên kết trong và ngoài Công ty.

Nhiệm vụ:

- Soạn thảo, tham mưu cho Tổng Giám đốc ký kết các Hợp đồng kinh tế; Theo dõi, đôn đốc quá trình thực hiện Hợp đồng kinh tế đã ký, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng;
- Huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh từ các nguồn vay tổ chức tín dụng, phát hành trái phiếu;
- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn và tổng hợp kết quả sản xuất – kinh doanh toàn Công ty;
- Cập nhật, phân tích và tổng hợp các số liệu để giúp Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo điều hành sản xuất – kinh doanh;
- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị trực thuộc tổ chức giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư, báo cáo Tổng giám đốc và các cấp có thẩm quyền theo quy định.

3.5.3 Phòng Kỹ thuật

Chức năng:

Tham mưu cho Ban giám đốc về công tác kỹ thuật, công nghệ, định mức và chất lượng sản phẩm

Nhiệm vụ:

- Xây dựng và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc về quy trình kỹ thuật nuôi trồng và chăm sóc các loại vật nuôi, cây trồng;
- Khảo sát, đo đạc đất nuôi trồng; cập nhật diện tích vườn trồng, số lượng vật nuôi; Vẽ bản đồ đất và bản đồ vườn cây;
- Thanh tra, giám sát công tác nuôi trồng;
- Hoạt động thí nghiệm, phân tích: làm thí nghiệm các mẫu thực vật, chọn, lấy mẫu đất, lá... để phân tích các chỉ tiêu dinh dưỡng, các chỉ tiêu kỹ thuật;
- Thiết kế hệ thống tưới, giám sát kiểm tra việc thi công hệ thống tưới;
- Thực hiện việc tập huấn, đào tạo ngắn hạn và chuyên sâu nghiệp vụ kỹ thuật nuôi trồng.

3.5.4 Phòng Khai thác – Chế biến

Chức năng:

Tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác khai thác và chế biến các sản phẩm như: cao su, cọ dầu, mía, bắp.

Nhiệm vụ:

- Tập huấn, đào tạo kỹ thuật khai thác;
- Tổng hợp số liệu về năng suất của từng loại cây trồng để cung cấp cho Ban Giám đốc trong công tác quản trị sản xuất;
- Tổng hợp nhu cầu vật tư thiết bị phục vụ cho công tác khai thác, chế biến để chuẩn bị đáp ứng kịp thời;
- Tính định mức tiêu hao nhân công và máy móc thiết bị trong công tác khai thác, chế biến.

3.5.5 Phòng Quản lý tưới nước:

Chức năng: tham mưu cho BGD về thiết kế, thi công và vận hành hệ thống tưới áp dụng cho tất cả các loại cây trồng của Công ty (kể cả trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi).

Nhiệm vụ:

- Thiết kế hệ thống tưới ;
- Quản lý, giám sát quá trình thi công lắp đặt hệ thống tưới để đảm bảo đưa hệ thống tưới vào sử dụng hiệu quả, an toàn;
- Dự toán nhu cầu vật tư liên quan lắp đặt hệ thống tưới. Giám sát khâu sản xuất và nhập vật tư để bảo đảm vật tư được cung ứng kịp thời, phù hợp với nhu cầu lắp đặt hệ thống tưới phục vụ vườn cây.
- Giám sát vật tư trong quá trình thi công, kiểm tra hàng tồn kho nhằm tránh thất thoát, lãng phí vật tư sử dụng.
- Định kỳ báo cáo Ban giám đốc hiệu quả sử dụng hệ thống tưới và đề xuất phương án cải tiến.

3.5.6 Phòng Bảo vệ thực vật:

Chức năng: tham mưu cho BGD về kỹ thuật, phương pháp bảo vệ chăm sóc cây trồng để đạt năng suất cao .

Nhiệm vụ:

- Theo dõi bảo vệ thực vật các loại cây trồng, theo dõi tiến độ tăng trưởng;
- Hoạt động thí nghiệm, phân tích: làm thí nghiệm các mẫu thực vật, chọn, lấy mẫu đất, lá... để phân tích các chỉ tiêu dinh dưỡng, các chỉ tiêu kỹ thuật;
- Chọn giống cây trồng, kiểm tra vườn ươm;

3.5.7 Phòng Pháp lý:

Chức năng: tham mưu cho BGD tính pháp lý các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.

Nhiệm vụ:

- Tư vấn pháp lý trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty
- Dự thảo kế hoạch xây dựng ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty

- Thực hiện cập nhật, rà soát, phổ biến các văn bản pháp lý mới ban hành có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Tham gia ý kiến pháp lý đối với các hợp đồng thương mại, hợp đồng tư vấn, thuê tư vấn, hợp đồng liên danh, hợp đồng uỷ quyền và các hợp đồng thương mại khác trong nước và quốc tế khác.
- Là đầu mối tổ chức và triển khai các hoạt động hỗ trợ tư vấn pháp lý cho các đơn vị thành viên của Công ty

4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

4.1 Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 1: Danh sách cổ đông sáng lập

TT	Cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số Cổ phần	Tỷ trọng (%)
1	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	5900377720	15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	563.106.700	79,52%
2	Nguyễn Văn Minh	N1314223	11B Tăng Bạt Hổ, Phường Yên Đổ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	0	0%
3	Nguyễn Xuân Thắng	230527099	118 Nguyễn Thái Bình, Phường Ia Kring, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	5.000	0,0007%
	Tổng cộng			563.111.700	79,52%

Nguồn: HAGL Agrico

Căn cứ Khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11: “Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ”. Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 26 tháng 5 năm 2010, như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần

TT	Cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số Cổ phần	Tỷ trọng (%)
1	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	5900377720	15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	563.106.700	79,52%

Nguồn: HAGL Agrico

4.3 Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm ngày 15/6/2015

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số Cổ phần	Tỷ trọng (%)
1	HĐQT, BKS, BTGD, KTT	4	16.000	0,0023%
2	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
3	Cổ đông trong nước	396	702.984.095	99,27%
-	<i>Cá nhân</i>	388	60.284.500	8,51%
-	<i>Tổ chức</i>	8	642.699.595	90,76%
4	Cổ đông nước ngoài	4	5.143.800	0,73%
-	<i>Cá nhân</i>	-	1.000	-
-	<i>Tổ chức</i>	4	5.142.800	0,73%
	TỔNG CỘNG	404	708.143.895	100%

Nguồn: HAGL Agrico

5. Danh sách Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

5.1 Danh sách Công ty mẹ

Theo quy định tại Khoản 15 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định, một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của công ty đó;
- Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó;
- Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

Thông tin về Công ty Mẹ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Tên công ty:	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
Địa chỉ:	15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Số điện thoại:	(84.59) 2 222 249
Số Fax:	(84.59) 2 222 247
Vốn điều lệ:	7.899.679.470.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh:	Hoạt động chính của Tập đoàn là: (i) phát triển căn hộ để bán và cho thuê; (ii) xây dựng; (iii) trồng cao su, mía và các cây trồng khác; (iv) xây dựng và kinh doanh thủy điện; (v) khai khoáng; (vi) Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; (vii) Kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và (viii) các hoạt động về thể thao và giải trí.
Tỷ lệ sở hữu tại HAGL Agrico	79,52%

5.2 Danh sách các công ty con

Hiện nay, Công ty có 14 Công ty con, gồm 6 Công ty có trụ sở tại Việt Nam, 3 Công ty có trụ sở tại Lào và 5 Công ty có trụ sở tại Campuchia.

Tên công ty con	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn điều lệ	Lĩnh vực kinh doanh
(1) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	97,54	200.000.000.000 đồng	Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su, trồng mía; Chăn nuôi trâu, bò.
(2) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Đắc Lắc, Việt Nam	99,46	320.000.000.000 đồng	Kinh doanh bất động sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su, hồ tiêu, cà phê; Trồng cỏ.
(3) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Đắc Lắc, Việt Nam	99,38	25.000.000.000 đồng	Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng, khai thác, chế biến cao su
(4) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	100,00	100.000.000.000 đồng	Xuất nhập khẩu các sản phẩm được sản xuất từ mía, đường, cọ dầu, cao su; Mua bán phân bón; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác.
(5) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	99,99	815.000.000.000 đồng	Sản xuất đường; Trồng cây mía, cao su; Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
(6) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	70,90	550.000.000.000 đồng	Chăn nuôi trâu, bò; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; ...
(7) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	97,54	25.000.000 USD	Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su;
(8) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	100,00	85.000.000 USD	Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su; Trồng cây cọ dầu, chế biến tinh cọ dầu
(9) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	99,99	35.000.000 USD	Sản xuất đường; Trồng cây mía, cao su; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; ...
(10) Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Rattanakiri, Campuchia	97,54	42.500.000 USD	Trồng cây cọ dầu, chế biến tinh cọ dầu
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	100,00	67.000.000 USD	Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su.

(12) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	100,00	17.000.000 USD	Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su.
(13) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	100,00	57.000.000 USD	Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su.
(14) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	100,00	16.000.000 USD	Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su.

Nguồn: HAGL Agrico

5.3 Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên kết	Vốn điều lệ	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
			Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ (đồng)
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	212.800.000	Trồng cây cao su	45,22%	248.460.551	39,63%	210.374.407.000

Nguồn: HAGL Agrico

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Giới thiệu về hoạt động kinh doanh chính của Công ty

HAGL Agrico hoạt động trên lãnh thổ ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia, với các ngành nghề chính bao gồm: (i) Trồng và chế biến mủ cao su; (ii) Trồng và chế biến thô dầu cọ; (iii) Trồng và chế biến mía đường, cùng các sản phẩm phụ; (iv) Trồng bắp và (v) Chăn nuôi bò thịt và bò sữa.

Cả năm lĩnh vực hoạt động của Công ty đều yêu cầu phải có quỹ đất lớn và nguồn lực tài chính mạnh, do giai đoạn đầu tư kéo dài. Bên cạnh đó, việc áp dụng các phương pháp trồng trọt – chăn nuôi hiện đại cũng đòi hỏi nguồn vốn lớn để đầu tư hạ tầng và quản lý.

Công ty đã được chính phủ các nước Việt Nam, Lào và Campuchia cấp phép sử dụng và khai thác khoảng 88.000 ha đất để triển khai các dự án nông nghiệp, với thời hạn thuê đất 50 năm tại Việt Nam và Lào, và 70 năm tại Campuchia. Quỹ đất lớn, liền thửa và bao bọc bởi hệ thống sông lớn giúp việc sản xuất kinh doanh thuận lợi, bảo đảm nguồn nước cho chăn nuôi cùng hệ thống tưới nhỏ giọt trong trồng trọt.

6.1.1 Trồng và chế biến mủ cao su

a) Tổng quan

HAGL Agrico tham gia lĩnh vực nông nghiệp từ năm 2007 bằng việc trồng 438 ha cao su đầu tiên tại tỉnh Sê Kông, Lào. Tính đến ngày 31/12/2014, HAGL Agrico đã trồng được 38.428 ha cao su, trong đó 24.563 ha tại Lào, 2.394 ha tại Việt Nam và tại Campuchia là 11.471 ha.

Năm 2013, doanh thu từ cao su đạt 240,86 tỷ đồng (chiếm 8,69% cơ cấu tổng doanh thu năm 2013). Trong năm 2014, do ảnh hưởng giá cao su giảm mạnh từ 2.250 USD/tấn còn 1.400-1.660 USD/tấn, doanh thu từ cao su của HAGL Agrico giảm nhẹ 6% còn 227 tỷ đồng

Bảng 4: Bảng tổng hợp diện tích trồng cao su

STT	Công ty	Địa điểm	Lũy kế đến ngày 30/06/2015 (ha)
I	LÀO		24.563
1	Công ty TNHH PTNN Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu	14.858
2	Công ty TNHH CNNN Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Tỉnh Attapeu và Sê Kông	6.031
3	Hợp tác kinh doanh		3.674
II	VIỆT NAM		2.394
1	Công ty cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	2.394
III	CAMPUCHIA		11.471
1	Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Tỉnh Rattanakiri	8.230
2	Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Tỉnh Rattanakiri	3.241
TỔNG CỘNG (I + II + III)			38.428

Nguồn: HAGL Agrico

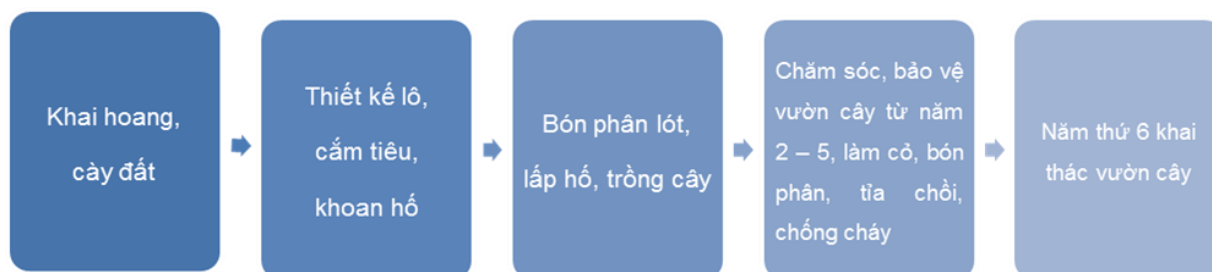
HAGL Agrico hiện có 45 nông trường cao su tại Việt Nam, Lào và Campuchia. Tại Việt Nam, HAGL Agrico trồng cao su ở Đắk Lắk. Các nông trường này thuộc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk và Công ty CP Hoàng Anh Ban Mê mà HAGL Agrico sở hữu trên 99%. Tại Campuchia, HAGL Agrico tiến hành trồng tại các huyện Andong Meas, huyện Koum Mom, Bar Kaev và Ou Chum, tỉnh Rattanakiri và giao cho các công ty con do HAGL Agrico sở hữu chi phối, bao gồm Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav, Công ty TNHH Heng Brothers và Công ty TNHH CRD, Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas. Các nông trường cao su tại Lào chủ yếu nằm ở hai tỉnh Sê Kông và Attapeu, do hai Công ty mà HAGL Agrico sở hữu và quản lý điều hành là Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu và Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh Quang Minh. Ngoài ra, HAGL Agrico còn có 01 công ty liên kết là Công ty cổ phần Cao su Bidiphar, thực hiện dự án trồng cây cao su tại Lào.

b) Trồng cây

HAGL Agrico sử dụng lao động địa phương tại cả ba nước để tiến hành công việc trồng cây và trả công theo ngày làm việc, tùy thuộc vào năng suất làm việc. HAGL Agrico đặt yêu cầu tỉ lệ cây sống tối thiểu phải đạt 98% trong năm đầu tiên và không thấp hơn 90% sau 5 năm. Thông thường mỗi nhân công sẽ chịu trách nhiệm trồng và chăm sóc từ hai (02) đến ba (03) ha cây cao su tùy thuộc vào tỷ lệ số cây cạo mủ của các khu vực vườn cây. HAGL Agrico dự định sẽ ký hợp đồng hợp tác với lao động địa phương ở Việt Nam, Lào và Campuchia đối với các thỏa thuận hiện thời.

HAGL Agrico mua giống cao su từ các nhà cung cấp Việt Nam, Thái Lan và Malaysia. Sau khi làm đất, cày xới, khoan hố, công nhân sẽ tiến hành bón phân và trồng cây cao su theo lô thiết kế sẵn. Công nhân sẽ tiếp tục bón phân và chăm sóc cây theo các đặc tính của cây và điều kiện thực tế.

Sơ đồ 4: Quy trình trồng và chăm sóc cây cao su

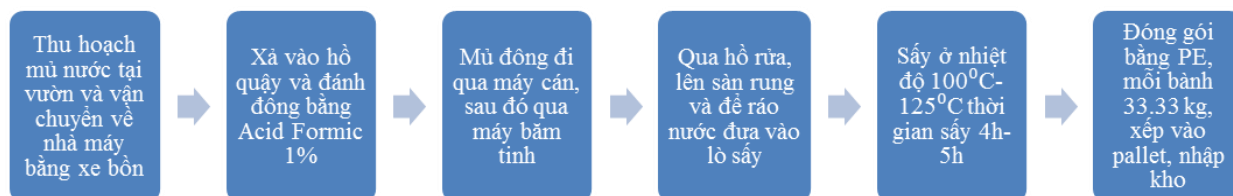


Tại Việt Nam, Đắk Lắk có các điều kiện thích hợp để cây cao su phát triển, địa hình thuận tiện cho việc cày xới chuẩn bị đất trồng, bố trí vườn cây và phát triển cơ sở hạ tầng. Khí hậu cũng tương đối thuận lợi cho cây cao su. Thêm vào đó, các vùng trồng cao su tại Lào và tỉnh Rattanakiri, Campuchia chỉ cách trụ sở chính Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai khoảng 200km, giúp HAGL Agrico có thể quản lý và kiểm soát hoạt động kinh doanh tốt hơn.

Chu kỳ cây cao su là 25 năm, trong đó 5 năm đầu tiên là giai đoạn kiến thiết cơ bản, 20 năm sau là giai đoạn khai thác, theo đó sản lượng sẽ tăng đạt đỉnh vào năm thứ 10 khai thác và sau đó sẽ giảm dần. Việc khai thác không nhất thiết dựa trên độ tuổi của cây, trong điều kiện thuận lợi, khi chu vi cây cao su đạt đến 45 cm thì có thể tiến hành mở miệng để khai thác mủ cây. Công ty sử dụng giống cây trồng mới và áp dụng các biện pháp canh tác khoa học hiện đại, nhờ đó đã rút ngắn thời gian trồng và chăm sóc từ 6 năm xuống còn 4 – 5 năm. Hiện tại, diện tích cao su trồng vào năm 2007, 2008 (tương đương cây đã được 4-5 tuổi) của Công ty tại Lào đang trong giai đoạn mở miệng (cạo lần đầu). Sản lượng mủ trung bình đạt được 2,5 tấn/ha do điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu khá phù hợp cho loại cây trồng này.

Sơ đồ 5: Quy trình sản xuất chế biến mủ cây cao su

Quy trình chế biến mủ SVR 3L như sau:



Quy trình chế biến mủ SVR 10 như sau:



c) Cơ sở sản xuất

Ngày 25 tháng 2 năm 2013 HAGL Agrico đã khánh thành Nhà máy chế biến mủ công suất 25.000 tấn/năm tại Lào. Ngoài ra, Công ty cũng đã lên kế hoạch xây dựng 02 nhà máy chế biến mủ cao su tại Gia Lai và Campuchia, nâng tổng số nhà máy chế biến mủ cao su lên 03 nhà máy.

d) Sản phẩm chính:

Mủ SVR 3L: Được sản xuất từ mủ nước, thành phẩm được sử dụng chế tạo lốp xe, con lăn công nghiệp và các ứng dụng khác đòi hỏi cao su chất lượng cao, màu sáng. Ngoài ra SVR 3L còn được sử dụng thay thế một số loại cao su thiên nhiên khác do độ nhớt thấp cho phép thời gian chế biến nhanh hơn.

Mủ SVR 10: Được sản xuất từ mủ đông, mủ tạp. Thành phẩm được sử dụng trong sản xuất lốp xe, ống nước và các mặt hàng giày dép chất lượng cao

e) Sản phẩm phụ:

Gỗ cao su: đến thời kỳ thanh lý vườn cây 1 ha cao su cho khoảng 58,8m³ gỗ, đơn giá 1m³ gỗ cao su khoảng 5,25 triệu đồng/m³.

Hạt cao su: giá trị không cao nên chưa có trong kế hoạch doanh thu từ sản phẩm này.

f) Chi phí đầu tư

Chi phí đầu tư chủ yếu của hoạt động trồng cây cao su bao gồm chi phí đất và khai hoang, trồng cây, mua cây giống, phân bón và lương nhân công. Chi phí năm đầu tiên thường cao hơn, do chi phí đất, khai hoang và trồng trọt phát sinh trong năm đầu. Các năm tiếp theo, phần lớn chi phí phát sinh từ chăm sóc cây trồng.

g) Chi phí hoạt động:

Bên cạnh các chi phí nguyên liệu cao mủ, phân bón và khấu hao phân bổ, chi phí nhân công chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu giá thành. HAGL Agrico trả lương cho công nhân theo cơ chế khoán trung bình 11.150 đồng/kg mủ khô. Một công nhân sẽ được giao quản lý, chăm sóc và khai thác từ hai (02) đến ba (03) ha.

Ngoài các chi phí phải chi định kỳ trên một yếu tố khác của giá thành là khấu hao vườn cây, tuy nhiên, đây là chi phí đã phát sinh trong năm kiến thiết vườn cây. Chi phí đầu tư mỗi ha cao su của Công ty trung bình khoảng 7.000 USD, khi đưa vào khai thác, chi phí đã phát sinh này sẽ được phân bổ theo lộ trình sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 20	Giá trị còn lại

h) Khai thác vườn cây

Trong năm 2013 và 2014, Công ty đã tiến hành cạo mủ lần lượt khoảng 3.021 và 6.072 ha cao su, thu hoạch được 3.956 và 7.464 tấn mủ cao su. Sản lượng tiêu thụ năm 2013 và 2014 lần lượt là 3.956 và 6.625 tấn.

Sản lượng cao su năm 2014 tuy tăng 89% so với năm 2013, nhưng do giá mủ cao su toàn cầu năm 2014 giảm sâu, doanh thu đã giảm 6% so với cùng kỳ năm trước. Giá bán bình quân năm 2013 là 60,9 triệu/tấn, năm 2014, giá bán bình quân chỉ còn 34,2 triệu/tấn. Tỷ suất lợi nhuận gộp trong năm 2013 và 2014 lần lượt là 67% và 49%.

Diện tích cạo mủ trong các năm 2015 – 2019	2015	2016	2017	2018	2019
Diện tích khai thác (ha)	7.524	13.826	21.180	28.892	38.528

i) Thị trường tiêu thụ

HAGL Agrico sẽ chế biến mủ khai thác từ vườn cây thành mủ khối theo tiêu chuẩn Việt Nam (SVR) để bán. Lĩnh vực cao su cũng hưởng lợi từ việc Việt Nam có vị trí gần với các thị trường tiêu thụ cao su lớn. Trung Quốc và Malaysia là hai thị trường nhập khẩu cao su Việt Nam lớn nhất với khối lượng nhập khẩu năm 2014 là 470.339 và 202.095 tấn, tiếp đến là Ấn Độ với 90 ngàn tấn. Các bạn hàng nhập khẩu

cao su Việt Nam khác bao gồm nhiều quốc gia có nền kinh tế phát triển như Hoa Kỳ, Đài Loan, Đức, Hàn Quốc. Năm 2014, cao su Việt Nam đã được xuất khẩu đến 86 thị trường khác nhau (năm 2013 là 72 thị trường). Việt Nam có 250 nhà xuất khẩu mủ cao su, 20 doanh nghiệp dẫn đầu chiếm 60% về lượng và 61,5% về giá trị.

Là doanh nghiệp lớn, thương hiệu được nhiều người nhận biết cùng năng lực tài chính tốt, Công ty có thể bảo đảm nguồn cung ứng số lượng mủ lớn và ổn định, qua đó, có thêm lợi thế cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ.

6.1.2 Mía đường và nhiệt điện

HAGL Agrico đã hoàn tất đầu tư cụm công nghiệp mía đường tại huyện Samakhixay và Phouvong, tỉnh Attapeu với tổng vốn đầu tư xấp xỉ 70 triệu USD và đưa vào vận hành từ tháng 2 năm 2013. Dự án bao gồm một vùng nguyên liệu 8.000 ha, nhà máy đường công suất ép mía 7.000 tấn/ngày và nhà máy nhiệt điện 30MW để tận dụng bã mía.

Tính đến 31/12/2014, diện tích mía thu hoạch của HAGL Agrico là 8.000 ha mía tại tỉnh Attapeu, CHDCND Lào. Công ty dự định sẽ giảm diện tích trồng mía còn 6.000 ha để phù hợp với công suất của nhà máy đường. 2.000 ha cắt giảm sẽ phục vụ cho lĩnh vực chăn nuôi bò thịt.

Năm 2013, Công ty đã khai thác 6.140 ha mía và sản xuất 65.577 tấn đường thương phẩm, và tiêu thụ 60.472 tấn. Giá bán đường bình quân của Công ty năm 2013 vào khoảng 13,7 triệu đồng/tấn. Tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2013 của lĩnh vực sản xuất đường là 64%.

Năm 2014, Công ty đã khai thác 7.682 ha mía và sản xuất 97.222 tấn đường thương phẩm, và tiêu thụ 83.346 tấn. Giá bán đường bình quân của Công ty năm 2014 vào khoảng 12,5 triệu đồng/tấn, giảm 9% so với năm 2013. Tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2014 của lĩnh vực sản xuất đường là 49%

a) Nhà máy đường

Ngày 25/02/2013, HAGL Agrico đã khánh thành và đưa vào hoạt động một nhà máy đường công suất ép 7.000 tấn mía/ngày và một nhà máy nhiệt điện công suất 30 MW. Hiện tại các nhà máy đã hoạt động ổn định và trong năm 2013, 2014 sản phẩm đường RS đầu tiên của HAGL Agrico đã được sản xuất và tiêu thụ tại Lào. Năm 2015, HAGL Agrico có thể nhập đường về tiêu thụ tại thị trường Việt Nam theo hạn ngạch được cấp là 50.000 tấn, với mức thuế suất nhập khẩu là 2,5%.

Nhà máy nhiệt điện tận dụng nguồn bã mía dư thừa trong quá trình ép mía tạo ra nguồn điện năng phục vụ cho nhu cầu sản xuất và bán sản phẩm để tăng thêm doanh thu. Tổ hợp được trang bị hệ thống dây chuyền thiết bị sản xuất điện theo công nghệ lò hơi làm quay turbine máy phát điện và tạo ra điện năng. Tổ hợp này được đặt cạnh nhà máy sản xuất đường có diện tích rộng 30.950 m². Công suất phát điện của tổ hợp sẽ đáp ứng toàn bộ nhu cầu điện năng của quy trình sản xuất đường và phục vụ hệ thống tưới cao su, cọ dầu, đồng thời còn bán cho Công ty Điện lực Lào, tuy nhiên, phần lớn sẽ phục vụ cho nhu cầu nội bộ.

Nhà máy phân vi sinh công suất 50.000 tấn/năm đã hoàn thành đi vào hoạt động từ đầu năm 2015. Bã mía sẽ được đốt làm đầu vào cho sản xuất điện, sau khi đốt sẽ được làm phân vi sinh cung cấp phân bón cho chính các hoạt động trồng trọt hiện tại.

b) Quy trình sản xuất đường và quy trình sản xuất nhiệt điện

❖ Quy trình trồng và thu hoạch mía đường

Công ty áp dụng toàn bộ cơ giới hoá trong khâu trồng, chăm sóc và thu hoạch mía. Áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt để đạt được năng suất thu hoạch cao. Năng suất mía trong đợt thu hoạch vừa qua trung bình đạt 110 tấn/ha. Đây là năng suất cao hơn rất nhiều so với năng suất của các công ty mía đường trong nước.

Mía trồng sau thời gian 10 đến 12 tháng sẽ được thu hoạch và vận chuyển về nhà máy. Công đoạn thu hoạch mía được Công ty tiến hành bằng máy móc. Với phương án thu hoạch mía theo phương pháp cuốn chiếu khi đến mùa thu hoạch, mỗi ngày Công ty sẽ thu hoạch bình quân khoảng 60 ha, lượng mía cây cần vận chuyển khoảng 7.000 tấn. Khoảng cách vận chuyển từ vùng nguyên liệu về nhà máy là 40-60 km. Bình quân 1 ngày, mỗi xe vận chuyển được 4 chuyến/ngày (thời gian vận chuyển đi và về là 3 giờ, thời gian chờ bốc mía là 1 giờ).

❖ **Sản phẩm**

Đường trắng RS: là nguyên liệu chính để tiêu dùng hàng ngày và phục vụ cho ngành công nghiệp sản xuất bánh kẹo và sữa.

Sản phẩm phụ: là năng lượng điện từ bã mía và phân vi sinh.

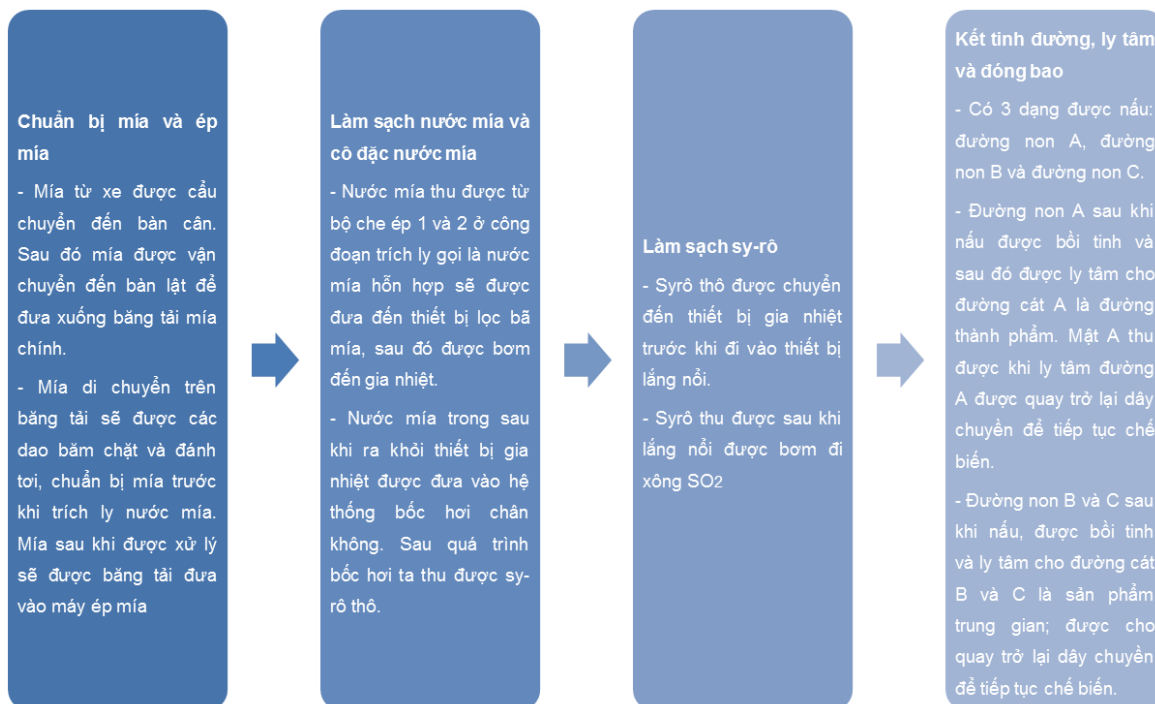
❖ **Quy trình sản xuất đường**

Nhà máy đường sẽ sản xuất hai loại đường (đường trắng RS và đường tinh luyện RE). Trước mắt, nhà máy đường của HAGL Agrico sẽ chỉ sản xuất đường trắng RS.

Đường nhà máy sản xuất theo công nghệ Sulfit hóa có kết hợp lắng nổi mật chèn, dây chuyền thiết bị được nhập từ Trung Quốc (thiết bị nhập khẩu mới 100%). Phương pháp này ưu điểm hơn phương pháp sulfit hóa vì có sử dụng hệ thống lắng nổi syrô nhằm tách các tạp chất mang màu có tỷ trọng nhỏ hơn nước mía, làm độ màu và độ đục của syrô giảm do đó chất lượng đường được cải thiện đáng kể. Trong khi hiện nay đa số các nhà máy mía đường ở Việt Nam đều sử dụng công nghệ sulfit hóa và thiết bị nhập từ Trung Quốc. Công nghệ này thuộc mức trung bình ngành của thế giới.

Sơ đồ 6: Quy trình sản xuất đường từ mía

Quy trình sản xuất đường từ mía: gồm giai đoạn chính là ép mía và sản xuất đường



Với năng suất đạt được 110 - 120 tấn/ha trong niên vụ 2013 - 2014, HAGL Agrico có năng suất mía cao hơn so với mặt bằng chung của ngành bởi các lý do sau:

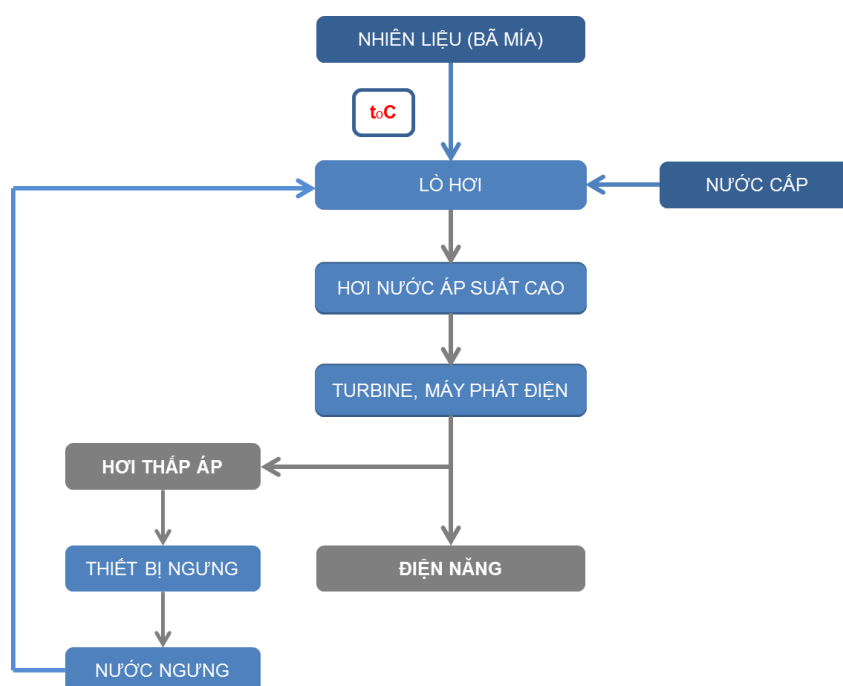
- Kết quả phân tích từ phẫu diện đất cho thấy thành phần chủ yếu là sét hoặc sét pha, tỷ lệ sét tương đối cao, đất có kết viên, độ tơi xốp khá, độ thoát nước khá tốt, tầng dày hữu ích sâu trên 1m. Đất phù hợp với việc trồng mía.
- Áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt: Khu vực trồng mía của HAGL Agrico được bao quanh bởi hệ thống sông Sê Kông của Lào, nhờ đó, Công ty có thể dễ dàng lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt Israel giúp nâng cao tốc độ tăng trưởng của cây và giảm sự thất thoát phân bón.
- Cơ chế quản lý chặt chẽ và khoa học: Không như các công ty cùng ngành vốn giao lại phần lớn việc trồng và chăm sóc cây cho người công nhân, HAGL Agrico có đội ngũ lãnh đạo, giám sát, chuyên gia và nhân công trực tiếp tham gia trồng và chăm sóc cây. Việc giám sát chặt chẽ quá trình phát triển của mía công với việc áp dụng công nghệ hiện đại giúp Công ty kịp thời xử lý các sai sót và tạo điều kiện tốt nhất cho cây phát triển.
- Ngoài ra, một phần lớn diện tích mía của Công ty nằm ngay sau lưng nhà máy, đó là điều kiện rất thuận lợi để tiết giảm chi phí vận chuyển, cũng như giảm thất thoát chừa đường.

Sự vượt trội về năng suất mía và chừa đường cao giúp Công ty có mức chi phí giá thành tính trên 1 tấn mía thấp hơn giá thành của các công ty thu mua mía từ công nhân từ 70 – 80%. Việc tự cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào với giá thành thấp giúp mía đường HAGL Agrico sẽ có khả năng sinh lời và cạnh tranh tốt so với các công ty khác. Chi phí trồng và chăm sóc mỗi tấn mía của HAGL Agrico bình quân khoảng 400.000 đồng.

❖ *Quy trình sản xuất điện*

Sau khi ép mía, nước mía được chuyển qua chế biến đường còn bã mía được đưa vào lò hơi để đốt thông qua băng tải bã. Quá trình đốt sẽ sản sinh ra một lượng hơi quá nhiệt với áp suất 3,82 MPa. Lượng hơi này sẽ làm quay turbine máy phát và phát ra điện năng.

Sơ đồ 7: Quy trình sản xuất điện



c) Nguyên liệu

Trong cơ cấu yếu tố đầu vào của lĩnh vực trồng mía đường, ngoài yếu tố nhân công ra, chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành là phân bón và cây giống, gần 30% giá thành.

- Phân bón: Công ty chủ động trong việc cung cấp phân bón cho cây trồng, phần lớn được sản xuất tại nhà máy sản xuất phân bón của Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai tại khu Hàm Rồng, tỉnh Gia Lai gồm phân vi sinh và phân NPK.
- Cây giống: Công ty chọn các giống có nguồn gốc từ Việt Nam và Thái Lan có năng suất cao, phù hợp với khí hậu và thổ nhưỡng bao gồm các loại giống mía K.84-200, MY, Sufan, R579, K2000-89, Khong Kaen 3, 88-92.

d) Khách hàng

Khách hàng tiêu thụ sản phẩm đường của Công ty gồm:

- Tại Việt Nam: Công ty đã được cấp hạn ngạch nhập khẩu 50.000 tấn đường vào Việt Nam trong năm 2015, với thuế suất thế nhập khẩu là 2,5%.
- Tại Lào: Công ty sẽ phân phối cho các doanh nghiệp kinh doanh phân phối đường tại Lào.

Công ty sẽ không thành lập hệ thống phân phối lẻ mà bán hàng trực tiếp đến các đơn vị mua đường theo phương thức sau:

- Tại Việt Nam: Xuất hàng trực tiếp từ kho tại Gia Lai đến các đơn vị mua đường.
- Tại Lào: Xuất hàng trực tiếp từ kho của nhà máy đến các đơn vị mua đường.

6.1.3 Cọ dầu

Đến ngày 31/12/2014, HAGL Agrico đã trồng được 17.303 ha cọ dầu, trong đó tại tỉnh Attapeu, Lào là 3.380 ha và tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia là 13.923 ha. Trong kế hoạch sắp tới, Công ty sẽ phát triển diện tích trồng cọ dầu chủ yếu tại Campuchia với quy mô lên đến hơn 30.000 ha. Quỹ đất trồng cọ dầu của Công ty nằm trong khu vực liền vùng tại huyện Koun Mom tỉnh Rattanakiri. Kế hoạch khai thác bắt đầu sau 30 tháng kể từ khi trồng. Thời gian khai thác bùng quả quanh năm. Như vậy, Công ty sẽ thu hoạch cọ dầu vào năm 2015 cho vườn cây đã trồng trong năm 2012.

Dưới đây là tổng quan các dự án cọ dầu dự tính đến ngày 31/12/2015 của HAGL Agrico:

STT	Địa điểm	Quy mô (ha)
1	Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào	3.380
2	Huyện Koun Mom, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia	26.620
	Tổng cộng	30.000

Bảng 5: Tiến độ trồng cọ dầu

STT	Công ty	Địa điểm	Lũy kế đến 2013	Trồng 2014	Lũy kế đến 2014
1	LÀO				
	Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu	2.371,1	1.009,6	3.380,7
2	CAMPUCHIA				

STT	Công ty	Địa điểm	Lũy kế đến 2013	Trồng 2014	Lũy kế đến 2014
	Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Tỉnh Rattakiri	3.459,3	1.064,7	4.524,0
3	HỢP TÁC KINH DOANH				
	Các công ty tại Campuchia	Tỉnh Rattakiri	1.525,1	7.873,6	9.398,7
	Tổng cộng		7.355,5	9.947,9	17.303,4

Công ty sẽ hoàn tất việc trồng cọ dầu trong năm 2015.

Cọ dầu là một cây trồng công nghiệp mà thời gian trồng đến thời gian khai thác ngắn, chỉ trong khoảng 3 năm. Trong 3 tháng đầu tiên, cây được gieo trong bầu nhỏ; 9 tháng tiếp theo, được chuyển sang bầu lớn và sau đó mới được trồng xuống đất. Sau 3 năm, cây được đưa vào khai thác. Năng suất khai thác tăng mạnh từ năm thứ 5 trở đi. Cây có vòng đời khai thác từ 25 đến 30 năm.

So với cây cao su, ngoài yếu tố mang lại lợi ích kinh tế sớm hơn, cây cọ dầu còn có suất đầu tư thấp hơn, trung bình khoảng 3.000 USD mỗi ha, nhờ đó, giảm áp lực lên dòng tiền đầu tư hàng năm của Công ty.

a) Chi phí hoạt động

Hiện nay cọ dầu vẫn đang trong giai đoạn kiến thiết cơ bản, theo kế hoạch kinh doanh, chi phí khai thác và chế biến của cọ dầu gồm các yếu tố sau:

b) Năng suất ước tính

Gần giống như cây cao su, cọ dầu cũng có sản lượng tăng dần khi đưa vào khai thác, và đạt đỉnh vào độ tuổi 9 – 10 năm với năng suất có thể lên đến 27 tấn buồng quả trên mỗi ha (FFB – Fresh Fruit Bunches).

Độ tuổi của cây	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
Sản lượng buồng quả	9	15	23	23	25	30	30	30	30	28	26	26	24	22	22	20	20	18	18	18	18	16	16

Nguồn: nghiên cứu của Tập đoàn Selda Malaysia

Buồng quả sau thu hoạch sẽ được chiết xuất thành dầu cọ thô từ thịt và hạt của quả cọ với tỷ lệ 22% và 2,5% sản lượng buồng quả.

c) Nhà máy chế biến cọ dầu

Nhà máy chế biến dầu cọ của Công ty xây dựng vào năm 2014 với sự giám sát của các chuyên gia từ Malaysia trong toàn bộ quá trình xây dựng. Máy móc thiết bị của nhà máy một phần được nhập khẩu từ Malaysia, Trung Quốc và một phần được sản xuất trong nước. Giai đoạn đầu nhà máy có công suất là 45 tấn buồng quả tươi mỗi giờ, bảo đảm nhu cầu chế biến cho vùng trồng cọ dầu khoảng 10.000 ha. Diện tích khai thác tính đến năm 2017 dự kiến vào khoảng 7.356 hecta. Công ty sẽ nâng công suất nhà máy lên 60 tấn/giờ và 90 tấn/giờ vào các năm 2019 và 2020 để đáp ứng nhu cầu ép buồng quả tươi.

Khi diện tích khai thác cọ dầu đi vào khai thác đạt khoảng 25.000 hecta, Công ty sẽ tiến hành đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thứ hai với công suất thiết kế từ 15 đến 30 tấn quả tươi mỗi giờ

d) Thành phẩm

Cây cọ dầu là loại cây có năng suất dầu cao nhất trong các loại cây có dầu, thành phần dầu phong phú, giá trị dinh dưỡng cao, sản phẩm chế biến từ cây cọ dầu đa dạng và hầu như có thể sử dụng hết toàn bộ cây. Với những công dụng hữu ích từ dầu cọ cộng với việc dầu thô trên thế giới ngày càng tăng cao, cây cọ dầu ngày càng được rất nhiều người quan tâm, đặc biệt những nơi đang có những loại cây trồng không cho giá trị kinh tế cao thì cây cọ dầu là lựa chọn thay thế. Trong tương lai cọ dầu sẽ có giá trị cao và cho hiệu quả về mặt kinh tế lâu dài và ổn định. Dưới đây là các sản phẩm từ cây cọ dầu:

❖ *Sản phẩm chính:*

- Dầu cọ thô chế biến từ thịt của quả cọ (CPO) sẽ chiếm tỷ trọng 22%/sản lượng buồng quả. Dầu cọ thô là nguyên liệu chính để chế biến dầu cọ tinh để tiêu dùng hàng ngày và phục vụ cho ngành công nghiệp thực phẩm.
- Dầu cọ tinh chế biến từ hạt (PKO) chiếm tỷ lệ 2,5%/sản lượng buồng quả.

❖ *Sản phẩm phụ:*

- Xơ quả sau khi ép hết dầu thì có thể sản xuất xà phòng, bánh dầu....
- Bã hạt cọ được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc làm nguyên liệu cho nhà máy nhiệt điện.
- Căng buồng cọ có thể dùng để chế ra một thứ bột tẩy trắng một nửa để dùng hoặc làm giấy loại thô, hoặc pha 30% với bột gỗ cây lá nhiệt đới để sản xuất giấy gói bán trên thị trường. Căng buồng còn dùng làm chất phủ trong các vườn ươm. Đem ủ men, nó là một loại phân bón tốt để cung cấp cho vườn cọ.
- Khi vườn cây cọ dầu đến hết thời kỳ kinh doanh khai thác buồng quả, Công ty sẽ thực hiện việc thanh lý vườn cây. Ruột cây sẽ dùng làm bột giấy, vỏ cây được dùng làm bàn ghế, phần còn lại được băm làm phân bón.

e) Khách hàng/Hệ thống phân phối

Sản phẩm sẽ được Công ty vận chuyển về Việt Nam và tiêu thụ theo 3 phương án chính:

- Tạm nhập tái xuất (tạm nhập về Việt Nam và sẽ xuất đi các nước bằng đường biển tại cảng Đà Nẵng, Quy Nhơn, Thành phố Hồ Chí Minh tùy thuộc vào hợp đồng).
- Nhập về kho tại Gia Lai sau đó xuất khẩu đi các nước.
- Tiêu thụ tại thị trường Việt Nam.

Về khách hàng xuất khẩu, Công ty sẽ hướng đến các quốc gia tiêu thụ dầu cọ lớn như: Ấn Độ, Trung Quốc...

Về cách thức mua bán, Công ty sẽ áp dụng linh hoạt các phương pháp tập trung và phân tán tùy vào từng điều kiện cụ thể. Giao dịch mua bán cũng sẽ dựa trên các hợp đồng sẽ ký với các đối tác.

Doanh thu của ngành dầu ăn trong nước ước đạt 30.000 tỷ đồng mỗi năm, Agrico có kế hoạch sẽ tham gia cung ứng nguyên liệu đầu vào cho thị trường nhiều tiềm năng và có quy mô lớn này, thay vì tập trung vào xuất khẩu. Theo thống kê của Bộ Công Thương, hiện thị trường có tổng cộng gần 40 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dầu ăn. Trong đó, dầu cọ là sản phẩm dầu thực vật chính chiếm 70% thị phần, dầu nành chiếm 23%, còn các loại dầu thực vật khác chiếm 7%. Nguồn cung ứng nguyên liệu dầu cọ đầu vào hiện nay chủ yếu nhập khẩu từ các nước Đông Nam Á, với khoảng cách vận chuyển đến các thị trường lớn của Việt Nam tương đối xa so với khoảng cách từ khu vực trồng cọ của HAGL Agrico.

Chi phí trồng trọt cạnh tranh cùng chi phí vận chuyển thấp giúp HAGL Agrico có thêm nhiều lợi thế cạnh tranh trong chính sách giá cả khi đưa dầu cọ vào tiêu thụ tại thị trường Việt Nam.

6.1.4 Cây bắp

Năm 2014 là năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ bắp. Bắp được tiêu thụ bắt đầu từ tháng 06/2014, vì vậy doanh thu chỉ mới có từ quý 2 vừa qua. Tính đến 30/6/2014, Công ty tiêu thụ được 22.860 tấn, doanh thu đạt mức 113,8 tỷ đồng, đóng góp 7% doanh thu của toàn Công ty. Năm 2014, doanh thu từ bắp đạt 205 tỷ đồng.

- Sau quá trình trồng thử nghiệm thành công cây bắp vào cuối năm 2013, đầu năm 2014 Công ty đã tiến hành trồng đại trà trên diện tích 5.000 ha bắp tại Lào và Campuchia. Vụ mùa đầu tiên bắt đầu thu hoạch từ cuối tháng 3/2014 với năng suất bình quân khoảng 10 tấn/ha.
- Năm 2015 Công ty triển khai trồng 3.000 ha, trồng 2 vụ/năm và đạt mục tiêu năng suất 10 tấn/ha/vụ; tuy nhiên, bắp không nằm trong kế hoạch lợi nhuận của Công ty, do sẽ được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi trong nội bộ Tập đoàn.

6.1.5 Chăn nuôi

BÒ THỊT

Công ty bắt đầu hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi bò thịt và bò sữa từ giữa năm 2014, và chọn giống bò Úc làm sản phẩm chính của Công ty trong giai đoạn đầu. Bò thịt nuôi vỗ béo và bò sinh sản được Công ty nhập khẩu từ Úc, sau khi Công ty cùng các đối tác giết mổ đã đáp ứng được các tiêu chuẩn Hệ thống Đảm bảo chất lượng chuỗi cung ứng của nhà xuất khẩu do Chính phủ Úc quy định (Exporter Supply Chain Assurance System, gọi tắt là ESCAS) để giám sát động vật xuất khẩu của Australia tới các lò giết mổ đảm bảo rằng động vật được đối xử nhân đạo. ESCAS chỉ áp dụng cho xuất khẩu gia súc vỗ béo hoặc gia súc giết mổ. Không áp dụng cho xuất khẩu gia súc giống.

ESCAS là 1 hệ thống đảm bảo dựa trên 4 nguyên tắc:

- Quyền lợi động vật: Việc xử lý và giết mổ động vật phải đáp ứng với các khuyến nghị của Tổ chức thú y thế giới (OIE).
- Kiểm soát thông qua chuỗi cung ứng: Nhà xuất khẩu phải kiểm soát tất cả chuỗi cung ứng như vận chuyển, quản lý và giết mổ.
- Truy xuất nguồn gốc động vật thông qua chuỗi cung ứng.
- Kiểm tra độc lập: các chuỗi cung ứng của nước nhập khẩu được kiểm tra độc lập.

Để nhập khẩu bò vỗ béo từ một nhà xuất khẩu của Úc, Công ty và các đối tác tham gia trong chuỗi cung ứng phải tuân thủ các quy định đề ra, việc tuân thủ/không tuân thủ sẽ do một tổ chức độc lập của Úc đánh giá. Từ báo cáo ban đầu của kiểm tra viên độc lập, Chính phủ Úc sẽ quyết định cấp/không cấp giấy phép xuất khẩu cho nhà xuất khẩu. Sau khi được cấp giấy phép xuất khẩu tất cả các quá trình từ khâu vận chuyển, đưa bò lên, xuống tàu cho đến khâu vận chuyển bò về trang trại, quá trình nuôi vỗ béo, cho đến khâu giết mổ cuối cùng sẽ luôn được Chính phủ Úc giám sát thông qua các kênh thông tin từ một bên thứ ba. Nếu như công ty và các đối tác trong chuỗi cung ứng vi phạm các quy định bắt buộc và không có biện

pháp khắc phục kịp thời thì Chính phủ Úc có quyền tước giấy phép xuất khẩu của nhà cung cấp bò hoặc kiện các công ty nêu vi phạm các quyền lợi động vật được Tổ chức thú ý thế giới quy định.

Một minh chứng cho điều này là Indonesia, đầu năm 2014 Chính phủ Úc đã bỏ lệnh cấm các nhà cung ứng xuất khẩu bò sang Indonesia sau hơn 6 năm nước này bị cấm vì các vi phạm liên quan đến các quy định trong ESCAS.

HAGL Agrico đã hoàn tất các thủ tục phê duyệt cần thiết để có thể nhập khẩu bò hợp pháp từ bốn (04) nhà cung ứng của Úc. Công ty sẽ dành ra trên 10.000 ha trong quỹ đất của mình tiến hành trồng cỏ voi Pakchong 1, đáp ứng nguồn thức ăn chứa nhiều chất xơ cho đàn bò. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ tận dụng tối đa các phụ phẩm nông nghiệp như đợt mía, mật đường, hạt bắp, thân bắp, cành cọ dầu và bã cọ dầu để chủ động nguồn thức ăn cho bò, gia tăng tính khép kín hoạt động nông nghiệp.

HAGL Agrico đặt kế hoạch lĩnh vực chăn nuôi vỗ béo bò thịt sẽ bắt đầu tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay từ năm 2015, và lứa bê sinh sản tại trang trại của Công ty sẽ bắt đầu mang lại lợi ích kinh tế từ 2017.

a) Đầu tư hạ tầng chăn nuôi

HAGL Agrico nhập khẩu bò có trọng lượng từ 270kg đến 300kg và bắt đầu nuôi vỗ béo trong khoảng 6 đến 8 tháng, tùy thuộc vào mức độ tăng trọng của các cá thể bò, và đưa vào tiêu thụ khi trọng lượng đạt trên 500 kg. Đối với bê con sinh ra tại trang trại, thời gian chăm sóc và vỗ béo kéo dài khoảng 25 tháng. Đàn bò tiêu thụ nhiều các loại thức ăn có hàm lượng chất xơ cao như cỏ, bã mía, thân bắp, bã cọ dầu..., bình quân tương đương 10% trọng lượng của bò, trong đó cỏ vẫn là thành phần quan trọng nhất. Công ty dự kiến sẽ trồng 10.300 ha cỏ và 1.684 ha bắp tại các khu vực chăn nuôi.

Giống cỏ được chọn là Cỏ voi Pakchong 1, là loại cỏ dạng như cây trúc, thân thảo, cao lớn, mọng trắng, có năng suất cao, chất lượng tốt, phiến lá rộng, mềm, có hàm lượng dinh dưỡng rất cao, nhiều nước, khẩu vị ngon, hệ số tiêu hoá cao, là thức ăn tốt nhất cho các loại gia súc. Giống cỏ Pakchong 1 chịu rét, chịu hạn, có bộ rễ phát triển cực mạnh, dài tới 3-4m, rễ dài nhất tới 5m, mọc tập trung. Đường kính thân 2 – 3cm, lớn nhất 4cm, chống gió tốt, là cây chống xói mòn có hiệu quả, cũng là một loại cây lý tưởng trồng trên đất có độ dốc cao, kể cả đất có độ dốc trên 25%.

Cỏ voi Pakchong 1 thích hợp với nhiều loại đất. Thời gian lưu gốc được 8-10 năm. Chi phí đầu tư mỗi ha cỏ vào khoảng 350 ngàn đồng, 60% trong đó là chi phí thuê đất dài hạn từ 25 đến 50 năm, chi phí cỏ giống và lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt ước khoảng 12% chi phí, và được phân bổ trong 8 năm. Hệ thống tưới nhỏ giọt giúp cỏ sinh trưởng tốt hơn, mỗi năm có thể thu hoạch 6 vụ với tổng năng suất vào khoảng 400 – 500 tấn/ha/năm. Thu hoạch cỏ lúc 60 ngày tuổi sẽ cho hàm lượng Protein phù hợp với việc nuôi bò thịt là 14%. Cỏ khi thu hoạch, cây cao khoảng 160-200cm, khi cắt cỏ thì cắt cách mặt đất 10cm, không cắt quá thấp để tránh ảnh hưởng xấu đến tái sinh, tránh cắt vào ngày mưa vì dễ gây sâu bệnh.

Cỏ sau khi thu hoạch được đưa vào máy cắt nhuyển ra ngay tại trang trại, và đưa vào hệ thống máy trộn thức ăn với các loại thức ăn tinh khác. Thức ăn sau khi trộn được đưa đến từng cụm chuồng trại bằng xe chuyên dụng.

Với quỹ đất rộng lớn cùng chi phí thuê hàng năm tương đối cạnh tranh, Công ty có thể nhanh chóng thi công xây dựng chuồng trại nuôi bò với mật độ 300 con/chuồng. Mỗi chuồng có diện tích 3.000m², trong đó dùng 600m² làm khu điều trị. Chi phí đầu tư một chuồng bò xấp xỉ 2.7 tỷ, tương đương đơn giá xây dựng 897.000 đồng/m². Chi phí xây dựng hệ thống nhập trại và hàng rào trang trại không đáng kể, chỉ bằng khoảng 1% chi phí xây dựng chuồng. Chuồng trại xây dựng theo kiểu đối xứng, có lối đi ở giữa để xe cơ giới có thể dễ dàng di chuyển cung cấp thức ăn và nước uống cho bò. Mỗi trang trại đều có hồ chứa và hệ thống xử lý nước đầu tư hoàn thiện nhằm xử lý nước uống cho bò, xử lý nước thải và cung cấp nước cho hệ thống tưới cỏ.

Đối với bò cái sinh sản và bê, Công ty dự kiến sẽ không nuôi tập trung tại chuồng, mà sẽ tiến hành khoanh vùng một phần diện tích các trang trại cao su, cọ dầu để nuôi thả, khi bê con phát triển đến một trọng

lượng nhất định sẽ bắt đầu được đưa về chuồng nuôi tập trung vỗ béo. Nhờ vậy, chi phí chăn nuôi bê giai đoạn chưa trưởng thành sẽ tương đối thấp, do không phải đầu tư mạnh vào hạ tầng chăn nuôi, chuồng trại.

Các hạng mục đầu tư cơ sở vật chất khác bao gồm khu vực văn phòng, đường sá di chuyển nội bộ trong khu trang trại, hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải, hệ thống điện, khu vực chế biến thức ăn có chi phí đầu tư không đáng kể, với tổng mức đầu tư khoảng 80 tỷ cho một trang trại hơn 60.000 con bò.

b) Nguồn nước

Các trang trại bò hàng ngày sử dụng một lượng nước rất lớn cho các mục đích chính, gồm: (i) nước uống cho bò (ii) cung cấp cho hệ thống tưới cỏ nhỏ giọt và (iii) vệ sinh chuồng trại. Công ty sử dụng nguồn nước ngầm và hệ thống sông bao quanh các trang trại để đáp ứng nhu cầu nước hàng ngày. Bình quân một con bò cần 60 lít nước mỗi ngày.

c) Cơ cấu giá thành

HAGL Agrico mới chỉ triển khai ngành chăn nuôi được một năm nên đàn bò chủ yếu là nhập khẩu về Việt Nam. Từ năm thứ 3 trở đi, Công ty sẽ có thêm lượng bò nuôi do lựa bò đầu tiên sinh sản.

▪ Cơ cấu giá thành của bò thịt mua về nuôi:

i. Chi phí mua bò:	74%
ii. Chi phí thức ăn:	16%
iii. Khấu hao chuồng trại:	7%
iv. Nhân công, bảo hiểm, khác:	3%

▪ Cơ cấu giá thành của bò thịt nuôi bán:

i. Chi phí thức ăn:	47%
ii. Khấu hao bò mang thai:	24%
iii. Khấu hao chuồng trại:	11%
iv. Nhân công trực tiếp:	7%
v. Chi phí phối giống:	6%
vi. Bảo hiểm:	1%
vii. Khác:	4%

Giá thành một con bò thịt mua về nuôi tại thời điểm đạt trọng lượng 500 kg, đáp ứng tiêu chuẩn đưa vào cung ứng tiêu thụ là khoảng 23 triệu đồng. Chi phí tương ứng đối với bò thịt nuôi để bán là 15,2 triệu đồng, thấp hơn khoảng 34%. Tổng chi phí mua bò và vận chuyển về trang trại hiện tại vào khoảng 17 triệu đồng một con.

d) Thức ăn chăn nuôi

Ngoài chi phí mua bò, thức ăn lần lượt chiếm 16% và 47% chi phí chăn nuôi của bò thịt mua về và bò thịt nuôi để bán. Thức ăn cho bò được chia thành 03 loại:

STT	Định mức thức ăn (kg/con/ngày)	Giai đoạn chăm sóc			Giai đoạn vỗ béo		Giai đoạn sinh sản
		0-6 tháng tuổi	7-10 tháng tuổi	11-14 tháng tuổi	15-24 tháng tuổi	Bò nhập về nuôi	Thời kỳ mang thai
1	Thức ăn thô		10.00	20.00	30.00	35.00	40.00
2	Thức ăn tinh		0.80	1.00	1.20	1.50	-
3	Thức ăn bổ sung (5%)	-	0.50	1.00	1.50	1.75	2.00
	Cộng (kg/con/ngày)	-	11.30	22.00	32.70	38.25	42.00

Nguồn: HAGL Agrico

Thức ăn thô gồm cỏ, đọt mía, thân cây bắp, củi và thân bắp sau vụ thu hoạch chiếm đến hơn 90% lượng thức ăn hàng ngày. Đơn giá của thức ăn thô, tinh và bổ sung vào khoảng 160 đồng, 3.900 đồng và 1.000 đồng một kilogram.

Để đáp ứng nhu cầu thức ăn thô, Công ty dành ra quỹ đất 13.645 ha tại Việt nam, Lào và Campuchia để trồng cỏ với hệ thống tưới nhỏ giọt. Sau 2 tháng chăm sóc, mỗi ha Công ty kỳ vọng có thể cung cấp 500 tấn cỏ mỗi năm, và Công ty dự kiến sẽ canh tác 5 đến 6 vụ trong một năm. Chi phí đầu tư cơ bản ban đầu, bao gồm mua đất và khai hoang, làm đất, trồng cỏ, lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt, mua cỏ giống... ước tính khoảng 255,4 triệu đồng/ha. Các hạng mục đầu tư này được phân bổ khấu hao trong 8 năm, riêng chi phí mua đất chiếm 75% chi phí kiến thiết ban đầu được phân bổ trong 25 năm. Các chi phí hoạt động ước tính khoảng 66 triệu/ha/vụ, trong đó, lớn nhất là chi phí phân bón, nhiên liệu và nhân công, chiếm khoảng 70% chi phí hoạt động.

Các loại thức ăn khác như mật rỉ, bã cọ dầu, khô bắp sẽ được Tập đoàn phân bổ và vận chuyển từ các cơ sở sản xuất trong tập đoàn đến từng chuồng trại chăn nuôi bò.

Công ty đã thuê các chuyên gia nước ngoài nghiên cứu, phân tích và thiết lập công thức phối trộn thức ăn TMR (total-mixedration) cho từng nhóm bò. TMR là thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh được trộn bằng máy theo khẩu phần đầy đủ, bảo đảm đủ các chất dinh dưỡng cần thiết cho bò tăng trọng nhanh. TMR giúp loại bỏ sự mất cân đối trong các loại hỗn hợp thức ăn khác, ví dụ, thức ăn tinh hỗn hợp thì thiếu chất xơ, premix thì thường thiếu tinh và thô trong khẩu phần.

TMR giúp tận dụng được nhiều loại nguyên liệu để sản xuất: cỏ khô, cỏ ủ, ngũ cốc, ...nhất là các loại phụ phẩm của ngành công nghiệp thực phẩm mà nếu cho ăn riêng lẻ bò khó thể ăn được vì không hợp khẩu vị (do mùi vị hoặc quá cứng,...); khi được trộn chung vào một khẩu phần thật đều, bò không thể chọn lựa loại nguyên liệu này bỏ loại khác. Do vậy bò ăn được nhiều loại thức ăn.

e) Nhập khẩu và chăn nuôi bò

Công ty nhập khẩu giống bò Brahman của Úc bằng đường biển, thông qua đường cảng Quy Nhơn và đưa về các trang trại bằng đường bộ. Mỗi chuyến tàu biển có thể vận chuyển được từ 2.500 đến 4.000 con bò bằng tàu nhỏ, và 15.000 – 20.000 con mỗi chuyến bằng tàu lớn. Những năm đầu tiên, Công ty sẽ nhập đồng thời bê con vỗ béo và bò cái sinh sản, những năm tiếp theo, Công ty sẽ cho phối giống bò cái sinh sản để dần chủ động nguồn bê nuôi vỗ béo.

Do giới hạn tải trọng, một chuyến xe chỉ có thể chuyên chở 20 con bò cái tơ hoặc 40 con bê thịt trọng lượng 250 kg. Thùng xe được phân thành 3 – 4 ngăn để sắp xếp bò phù hợp, tránh va đập trong khi di chuyển. Xe vận chuyển luôn duy trì tốc độ dưới 50km/h để bảo đảm an toàn và sức khỏe cho đàn bò, tránh va đập trong thùng xe.

Đến tháng 6 năm 2015, Công ty đã nhập khẩu 86.700 con bò về các trang trại, trong đó, lượng bò nuôi để sinh sản, tạo ra nguồn bò thịt trong tương lai mới chỉ chiếm xấp xỉ 10% số lượng bò. Còn lại là bò thịt để nuôi vỗ béo, dự kiến sẽ được tiêu thụ hết trong năm 2015. Tốc độ tăng trưởng bò mang thai và bê con trong 2 năm đầu tiên gần như không đáng kể. Số lượng bê con ra đời tại các trang trại được kỳ vọng sẽ tăng 67% và 130% so với năm đầu tiên kể từ năm thứ 3 và thứ 4, tức năm 2017 và 2018.

Bê con cần được nuôi lớn và vỗ béo khoảng 25 tháng để có thể đạt đến trọng lượng 450 - 550 kg và đưa vào tiêu thụ, do đó, lứa bê con đầu tiên chỉ có thể bắt đầu mang lại doanh thu đáng kể từ năm 2016, tương đương với độ trễ khoảng 2 năm.

Giá thành của bò nuôi từ lúc mới sinh so với bò thịt mua về vỗ béo thấp hơn khoảng 34%, do đó, giả định giá bán không thay đổi đáng kể, tỷ suất lợi nhuận của Công ty sẽ dần tăng thêm khi tỉ trọng bê con tăng lên.

Kế hoạch phát triển đàn bò thịt năm 2015:

- Việt Nam: 145.000 con
- Lào: 54.000 con
- Campuchia: 17.000 con

Ngoài ra, Công ty sẽ nhập khẩu lần lượt 15.000 con và 20.000 con bò cái sinh sản về Lào và Campuchia, chăn thả trong phạm vi các trang trại cao su, cọ dầu.

Kế hoạch mua và phát triển đàn bò:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Bò nhập về nuôi	216.000	81.000	150.000
Bò cái sinh sản	35.000	155.000	20.000
Bê con nuôi kinh doanh	-	-	16.625
Tổng cộng	251.000	236.000	186.625

Thành phẩm

Phần lớn giống bò dự kiến nuôi tại Việt Nam được nhập từ Úc. Lứa bò nhập về dự kiến có độ tuổi trên 18 tháng, mỗi ngày tăng trọng 1-1,4 kg. Sau 7 tháng có thể đạt trọng lượng trên 500 kg và có thể xuất bán cho Vissan và các công ty chế biến khác để giết mổ. Theo khảo sát của Công ty, giá bò Úc nhập là 3,2 USD/kg hơi, giá bán lẻ 300.000 đồng/kg thịt. Công ty dự kiến giá bán bò nguyên con vào khoảng 70.000 – 75.000 đồng/kg thịt hơi.

Công ty có lợi thế ban đầu về quỹ đất và chủ động được 1 phần thức ăn cho bò. Bò sữa, do đặc thù khí hậu và đất đai tại Việt Nam sẽ phải áp dụng phương thức nuôi tại chuồng thay vì bò được chăn thả và ăn trên đồng cỏ. Về giống bò, có thể sẽ là bò HF với năng suất trung bình từ 6 – 9 tấn/chu kỳ sữa (300 ngày).

Ngoài nguồn thu từ thịt thành phẩm, các dự án chăn nuôi còn có thêm nguồn thu đáng kể từ nguồn phân bò. Nguồn phân này sẽ được sử dụng cho các hoạt động trồng trọt, giảm chi phí mua ngoài, nâng cao hiệu quả kinh doanh của mảng trồng trọt.

f) Khách hàng/Hệ thống phân phối

Trên cơ sở lễ ký kết hợp tác kinh doanh giữa Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và Vissan, Nutifood ngày 09/06/2014. Dự án liên kết ba bên này được mô tả như sau: (1) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai cung cấp bò thịt cho Vissan giết mổ, chế biến và tiêu thụ, (2) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai cung cấp sữa nguyên liệu để Nutifood sản xuất sữa tươi.

BÒ SỮA

Dự án chăn nuôi bò sữa của Công ty được triển khai tại huyện Ia Grai, Gia Lai, Việt Nam. Công ty hiện tại không triển khai dự án bò sữa tại Lào và Campuchia, do khí hậu tại đây tương đối nóng, và khâu vận chuyển sữa tươi về nhà máy của đối tác Nutifood sẽ mất nhiều thời gian và không bảo đảm độ tươi của sữa.

Hạ tầng chăn nuôi, các loại thức ăn chứa chất xơ và tinh, nguồn nước, chuồng trại... của dự án nuôi bò sữa tương đồng với dự án bò thịt. Tuy nhiên, do sản phẩm chính của dự án là sữa nên dự án sẽ phải đầu tư thêm các khu vực chức năng để phối giống cho bò mang thai, cho sữa, và khu vực vắt sữa bán tự động.

a) Nhập khẩu và chăn nuôi bò sữa

Công ty chọn bò Holstein Friesian (còn gọi là bò lang trắng đen, bò Hà lan – Viết tắt HF) là giống bò chính để phát triển đàn bò sữa tại Việt Nam. Trên thế giới có rất nhiều giống bò sữa, nhưng tốt nhất và phổ biến nhất vẫn là giống bò Holstein Friesian (HF). Bò có nguồn gốc từ vùng Holland, Netherland (Hà Lan), nên thường được gọi là bò Hà Lan. Đây là giống bò thích nghi rất tốt ở nhiều vùng khí hậu khác nhau trên thế giới. Mặc dù có nguồn gốc ôn đới nhưng đã được nuôi lai tạo thành những dòng có thể nuôi được ở các nước nhiệt đới. Bò HF có màu lang trắng đen, tầm vóc lớn (khối lượng con cái từ 500-600 kg).

Công ty mua bò từ các nhà cung cấp Úc và New Zealand, là các quốc gia có thể mạnh về lĩnh vực chăn nuôi trên thế giới.

- Đối với bò sữa mang thai: Công ty sẽ nhập bò theo đường hàng không về đến cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng và sẽ được vận chuyển theo tuyến đường quốc lộ 1A lên đến trang trại của Công ty. Mỗi chuyến dự kiến sẽ vận chuyển được khoảng 200 con bò cái mang thai.
- Đối với bò cái tơ: Công ty sẽ nhập bò theo đường biển, mỗi chuyến tàu biển dự kiến sẽ chuyển được 2.500 con đến 4.000 con (đối với tàu nhỏ), 15.000 con – 20.000 con (đối với tàu lớn). Sau khi tàu cập bến đội vận tải của Công ty sẽ tiến hành vận chuyển bò về trang trại chăn nuôi.

Đến tháng 6 năm 2015, Công ty đã nhập khẩu 5.382 con bò sữa. Theo kế hoạch, Công ty sẽ mua về 10.700 con bò sữa trong năm 2015 và 10.000 con trong năm 2016. Chi phí mua bò sữa:

- Bò cái tơ: Giá một con bò sữa cái tơ nhập từ Úc về đến trang trại của Công ty là 57 triệu, đơn giá trên đã bao gồm chi phí hải quan, thuế nhập khẩu, chi phí vận chuyển.....
- Bò sữa mang thai: Giá một con bò sữa mang thai từ Úc về đến trang trại của Công ty là 75 triệu, đơn giá trên đã bao gồm chi phí hải quan, thuế nhập khẩu, chi phí vận chuyển.....

b) Chuẩn bị chuồng trại

Kiểu chuồng tạo sự thoải mái nhất cho bò là kiểu chuồng “tự do trong chuồng” có các ô cho bò nằm. Trong một diện tích giới hạn, bò có thể đi lại tự do. Vùng giới hạn này thường nằm ở giữa máng ăn và các ô cho bò nằm nghỉ. Kiểu thiết kế như vậy sẽ giúp cho bò phải đi lại giữa nơi nghỉ và máng ăn uống. Trong các ô bò nằm nghỉ, cát được sử dụng như là vật liệu lót chuồng. Chuồng nuôi bê con sẽ được xây dựng gần chuồng nuôi bò cho sữa, nhằm kích thích bò sữa xuống nhiều sữa hơn, mang lại năng suất tốt hơn.

Chuồng vắt sữa: Chuồng vắt sữa là khu vực lắp đặt hệ thống vắt sữa tự động, được bố trí gần với chuồng nuôi để bò sữa không phải di chuyển quá xa. Một hệ thống vắt sữa quy cách 2x30 có thể vắt cùng lúc 60 con bò mỗi lần.

c) Quy trình chăn nuôi bò sữa và thu hoạch sữa

Cộng ty nhập khẩu bò sữa mang thai và bò cái tơ bằng đường hàng không hoặc đường biển. Bò sữa mang thai lần đầu chỉ cho sữa trong khoảng 90 ngày sau khi sinh với năng suất thấp. Sau thời gian này sẽ được cho thụ tinh bằng phương pháp nhân tạo để mang thai lần 2. Thời gian mang thai kéo dài khoảng 276 đến 295 ngày, và Công ty dự kiến số ngày cho sữa trong giai đoạn này là 240 ngày.

Phương pháp thụ tinh nhân tạo có phân biệt giới tính sẽ đạt tỷ lệ giới tính theo mong muốn là 90%. Tùy vào nhu cầu thực tế, Công ty sẽ tiến hành các phương pháp thụ tinh phù hợp. Chi phí thụ tinh thông thường có chi phí khoảng 100 nghìn đồng, trong khi phương pháp chọn lọc giới tính cao hơn khoảng 10 lần.

Đối với bò sữa mang thai nhập khẩu, Công ty sẽ triển khai khai thác sữa hàng ngày tại khu vực Chuồng vắt sữa. Mỗi con bò được vắt sữa 3 lần/ngày, mỗi lần cho năng suất khoảng 8 lít sữa.

Bò sữa sẽ được thanh lý sau 6 năm và sẽ được tiêu thụ như bò thịt thông thường, thông qua các lò mổ trong nước với giá tiêu thụ tương đương bò thịt.

Bê con sau khi sinh sẽ được tiến hành nuôi tách mẹ (không cho bú mẹ). Các thuận lợi của quy trình này:

- Bê được nuôi dưỡng một cách kinh tế
- Có thể biết chính xác sản lượng sữa thực tế của bò mẹ
- Có thể cho bê uống một lượng sữa chính xác cùng với các loại thức ăn khác
- Bò có thể tiếp tục cho sữa thường xuyên mà không cần sự hiện diện của bê con

Bò mẹ không vướng bận con dưới chân nó sẽ mau chóng hòa nhập với đàn và mau chóng lên giống và sinh sản lại.

Bê con 14 tháng tuổi, tương đương trọng lượng 220 kg (60% trọng lượng bò cái trưởng thành) sẽ được phối giống. Trong giai đoạn mang thai, bò tơ cần được nuôi dưỡng tốt vì nó sẽ ảnh hưởng đến khả năng sản xuất của bò sau này.

d) Thức ăn chăn nuôi

Cũng như thức ăn cho bò thịt, Công ty sử dụng hệ thống TMR để phối trộn thức ăn phù hợp với từng nhóm bò chính, nhóm đang vắt sữa, nhóm cạn sữa và bò tơ để có khẩu phần ăn thích hợp. Công ty đã thiết kế chuồng trại, đường di chuyển thuận tiện để bảo đảm khi tách nhóm bò không bị căng thẳng, ảnh hưởng đến năng suất cho sữa. Khẩu phần ăn phù hợp với từng nhóm bò được lập trình trên máy tính, và ứng dụng lên hệ thống máy móc trộn thức ăn.

e) Sản phẩm

Đối với sữa tươi Công ty sẽ tìm đối tác bao tiêu toàn bộ sản phẩm. Các đối tác được Công ty lựa chọn là các công ty có nhu cầu sử dụng lượng sữa tươi hàng năm lớn dùng để sản xuất các sản phẩm có dùng nguyên liệu là sữa tươi như Công ty Nutifood, Vinamilk... Hiện nay Công ty đã cung cấp sữa nguyên liệu cho Nutifood.

Đối với sản phẩm là bò thịt, công ty sẽ tiêu thụ thông qua các đối tác kinh doanh của mảng chăn nuôi bò thịt. Bò hơi sẽ được vận chuyển từ trang trại chăn nuôi bằng các xe tải chuyên dụng đến các cơ sở giết mổ. Giá bán dự kiến: 70.000 đồng/kg thịt bò hơi.

6.1.6 Hoạt động xây dựng

Hoạt động xây dựng của Công ty chỉ mang tính thời điểm, do giai đoạn đầu, Công ty cần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cũng như hỗ trợ một số dự án nằm trong kế hoạch tài trợ cho chính phủ các nước mà Công ty đang đầu tư phát triển lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi – ngành nghề chính của Công ty.

Năm 2013 công ty bắt đầu có doanh thu xây dựng khoảng 453,9 tỷ, đây là doanh thu từ hoạt động xây dựng sân bay ở Lào và là hợp đồng xây dựng được ký kết đại diện giữa cục hàng không dân dụng Lào và đại diện Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai là công ty TNHH Phát Triển Nông Nghiệp HA Attepeu làm thầu. Doanh thu được ghi nhận theo từng hạng mục xây dựng đã hoàn thành.

Ngoài ra, Công ty có các căn hộ xây để bán là của dự án chung cư Hoàng Anh Đắklăk nằm tại Buôn Mê Thuột thuộc chủ đầu tư là Công ty Cổ Phần Hoàng Anh ĐắkLăk là công ty con của Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai, với tổng giá trị hàng tồn kho đến 31/12/2014 khoảng 170,5 tỷ đồng.

6.2 Doanh thu và lợi nhuận của Công ty

Các hoạt động đóng góp vào doanh thu trong năm 2014 bao gồm: Xây dựng sân bay tại Lào theo cam kết với chính phủ Lào, khai thác và chế biến cao su, sản xuất đường và trồng bắp. Riêng mảng trồng bắp chỉ bắt đầu khai thác từ quý 2 năm 2014, nên năm 2013 Công ty chưa có doanh thu từ nguồn xuất khẩu bắp. Mảng chăn nuôi bò sẽ đóng góp doanh thu và lợi nhuận từ năm 2015.

(đơn vị: triệu đồng)	Năm 2013	Năm 2014	Quý I/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.630.381	2.212.251	506,096
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.630.381	2.212.251	506,096
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	-715.292	-1.184.493	-299,230
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	915.089	1.027.758	206,866
6. Doanh thu hoạt động tài chính	74.134	38.082	13,744
7. Chi phí tài chính	-237.400	-269.882	-82,164
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>-202.338</i>	<i>-254.600</i>	<i>-80,383</i>
8. Chi phí bán hàng	-14.004	-15.753	-6,241
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	-57.169	-87.275	-23,915
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	680.650	692.929	108,290
11. Thu nhập khác	22.892	349.608	1,692
12. Chi phí khác	-24.602	-272.028	-2,714
13. (Lỗ) lãi khác	-1.710	77.580	-1,022
14. Lợi nhuận trước thuế	678.940	770.510	107,268

(đơn vị: triệu đồng)	Năm 2013	Năm 2014	Quý I/2015
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-1.572	-23.035	-99
16. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại	7.957	11.601	-1,096
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	685.326	759.075	106,073
<i>Phân bổ cho:</i>			
- Lợi ích của các cổ đông thiểu số	82.570	387	175
- Lợi nhuận thuộc về cổ đông của công ty mẹ	602.756	758.688	105,898
18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	1.574	1.901	265

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu của HAGL Agrico giai đoạn 2013 – 2014

(đơn vị: triệu đồng)	2013	Tỉ trọng	2014	Tỉ trọng	Q1-2015	Tỉ trọng
Doanh thu	1.630.381	100%	2.212.251	100%	506.096	100%
Xây dựng	453.908	28%	482.056	22%	132.320	26%
Bán mủ cao su	240.924	15%	226.691	10%	30.697	6%
Bán hàng hóa	69.801	4%	200.039	9%	23.228	5%
Mía đường	830.853	51%	1.042.102	47%	298.170	59%
Kinh doanh Căn hộ	24.294	1%	35.079	2%	11.180	2%
Cung cấp dịch vụ	10.600	1%	21.771	1%	1.219	0%
Bấp	-	0%	204.514	9%	9.283	2%

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp của HAGL Agrico giai đoạn 2013 – 2014

(đơn vị: triệu đồng)	2013	Tỉ trọng	2014	Tỉ trọng	Q1-2015	Tỉ trọng
Lợi nhuận gộp	915.089	100%	1.027.758	100%	206.866	100%
Xây dựng	208.772	23%	205.723	20%	52.207	25%
Bán mủ cao su	162.007	18%	117.363	11%	8.176	4%
Bán hàng hóa	10.424	1%	12.869	1%	-8.173	-4%
Mía đường	530.894	58%	560.244	55%	149.683	72%
Kinh doanh Căn hộ	1.269	0%	-46	0%	132	0%
Cung cấp dịch vụ	1.724	0%	3.343	0%	-17	0%
Bấp	-	0%	128.262	12%	4.857	2%

Trong năm 2014, doanh thu của HAGL Agrico tăng trưởng 36%, từ mức 1.630 tỷ năm 2013 lên 2.212 tỷ đồng. Doanh thu bán đường và ngành trồng bắp lần đầu tiên đi vào khai thác là 2 mảng hoạt động kinh doanh chính góp phần tạo nên mức tăng trưởng nói trên. Ngoài ra, doanh thu từ xây dựng sân bay Lào đóng góp khoảng 482 tỷ, chiếm 20% trong cơ cấu doanh thu.

Lợi nhuận gộp năm 2014 của Công ty tăng từ 915 tỷ lên mức 1.028 tỷ đồng, tương đương mức tăng 12%. Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm từ 56% của năm 2013 về mức 46% trong năm 2014, do các nguyên nhân chính sau:

- Ngành Mía đường là mảng đóng góp nhiều vào cơ cấu doanh thu của Công ty trong năm 2014 và 2013 với tỉ trọng tương ứng là 47% và 51%. Năm 2014, giá đường giảm khoảng 9% so với năm

2013, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận gộp của mía đường trong năm 2014 chỉ đạt 54% so với mức 64% một năm trước đó. Năm 2014, Công ty tiêu thụ 83.346 tấn đường, tăng 38% so với mức 60.472 tấn của năm 2013.

- Tương tự mía đường, giá cao su bình quân trong năm 2014 đạt 34,2 triệu đồng/tấn, giảm 44% so với năm 2013, do đó, tỷ suất lợi nhuận gộp giảm từ 67% về 52%. Sản lượng tiêu thụ cao su năm 2014 tăng lên mức 6.625 tấn từ mức 3.956 tấn của năm 2013.

Nhìn chung, tỷ suất lợi nhuận gộp của các mảng kinh doanh chính đều giảm, nhưng tổng lợi nhuận gộp vẫn tăng do Công ty bắt đầu kinh doanh bắp, và sản lượng mía đường tăng lên bù lại cho việc giá bán bình quân giảm xuống.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty tăng lên mức 693 tỷ so với 681 tỷ năm 2013, tăng trưởng 6%. Các chi phí lãi vay và chi phí quản lý, bán hàng đều tăng lên nên mức tăng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm so với mức tăng 12% của lợi nhuận gộp.

Trong năm 2014, thu nhập khác là 349,6 tỷ chủ yếu là chuyển nhượng dự án bao gồm chuyển nhượng vườn cây cao su NT ĐắkYa, chuyển nhượng vườn cây Cao Su NT Kon Thup, chuyển nhượng vườn cây cao su nông trường Lơ Pang, chuyển nhượng chi phí trồng cỏ, chuyển nhượng dự án ĐắkBơ, chuyển nhượng dự án vườn tiêu Hàm Rồng. Chi phí khác trong năm 2014 là 272 tỷ, chủ yếu là chi phí của những dự án chuyển nhượng trên. Nhờ đó, lợi nhuận khác của Công ty năm 2014 đạt 78 tỷ đồng, trong khi năm 2013 Công ty ghi nhận mức lỗ 1,7 tỷ đồng, mức lỗ này chủ yếu do hoạt động thi công công trình đường dây điện cho điện lực Campuachia với mức chi phí là 8 tỷ, trong khi thu nhập từ hoạt động này chỉ được 6,8 tỷ.

Nhờ vào khoản lợi nhuận từ thanh lý tài sản nói trên, tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt mức tăng trưởng 14% so với một năm trước đó, tăng từ 685 tỷ đồng lên 759 tỷ đồng.

6.3 Chi phí

Bảng 8: Cơ cấu chi phí trong những năm gần đây của Công ty

Đvt: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2013			Năm 2014			Quý I/2015		
		Giá trị	%TCP	%TDT	Giá trị	%TCP	%TDT	Giá trị	%TCP	%TDT
1	Giá vốn bán hàng	715.292	68,22%	41,41%	1.184.493	64,75%	45,56%	299.230	72%	57%
2	CP quản lý DN	57.169	5,45%	3,31%	87.275	4,77%	3,36%	23.915	6%	5%
3	Chi phí bán hàng	14.004	1,34%	0,81%	15.753	0,86%	0,61%	6.241	2%	1%
4	Chi phí tài chính	237.400	22,64%	13,74%	269.882	14,75%	10,38%	82.164	20%	16%
5	Chi phí khác	24.602	2,35%	1,42%	272.028	14,87%	10,46%	2.714	1%	1%
Tổng chi phí (TCP)		1.048.466	100,00%	60,70%	1.829.432	100,00%	70,36%	414.264	100,00%	79%
Tổng doanh thu (TDT) (*)		1.727.406			2.599.941			521.532		

(*) Tổng Doanh thu bao gồm: DTT từ hoạt động kinh doanh, DT hoạt động tài chính và DT khác

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2015

Biên lợi nhuận của Công ty trong năm 2014 giảm nhẹ, do tốc độ tăng chi phí cao hơn tốc độ tăng doanh thu. Tổng chi phí năm 2014 chiếm 70,36% tổng doanh thu, trong khi đó năm 2013 là 60,7%, cao hơn 9,67%.

Trong cơ cấu chi phí của HAGL Agrico, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn. Năm 2014 là 64,75%, năm 2013 là 68,22%. Bên cạnh các chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp có sự biến động nhẹ, thì chi phí tài chính chiếm tỷ trọng cao thứ 2 trong cơ cấu chi phí của Công ty có chiều hướng giảm trong tổng chi phí. Cụ thể, tỷ lệ chi phí tài chính trên tổng chi phí giảm từ 22,64% trong năm 2013 còn 14,75% trong năm 2014.

6.4 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Đối với hoạt động chăn nuôi: chịu sự giám sát nghiêm ngặt của đối tác cùng các ban ngành liên quan của chính phủ Úc, bảo đảm tuân thủ hệ thống ESCAS.

Đối với hoạt động trồng cây Công nghiệp ngắn và dài ngày:

- HAGL Agrico có cơ chế quản lý chặt chẽ và khoa học trong việc trồng và chăm sóc cây. Trên thực tế, Công ty có đội ngũ giám sát, chuyên gia trực tiếp tham gia và giám sát chặt chẽ quá trình trồng và chăm sóc cây. Đồng thời Công ty cũng tập trung đầu tư vào việc áp dụng các công nghệ hiện đại giúp kịp thời xử lý các sai sót và tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của cây.
- Các vườn ươm tại các vùng dự án luôn được phát triển dưới sự giám sát nghiêm ngặt của các chuyên gia hàng đầu của Thái Lan. Nhờ đó, giống cây luôn được chọn lựa, kiểm tra kỹ và cho năng suất tốt, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của từng vùng. Trong những năm vừa qua, lượng cây giống đáp ứng đủ nhu cầu trồng mới của Công ty.

6.5 Hoạt động Marketing

Sau hơn 5 năm đi vào hoạt động, HAGL Agrico đã quảng bá hình ảnh thương hiệu của mình thông qua việc phát triển chính sách Marketing, dùng những phương tiện thông tin đại chúng như: truyền hình, báo giấy, báo mạng, thông tin trên những diễn đàn về nông nghiệp...

Bên cạnh đó, hình ảnh của HAGL Agrico còn được củng cố hơn nhờ những hoạt động của công ty mẹ - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, như một số hoạt động xã hội trong và ngoài nước: khánh thành sân bay Attapeu tại Lào vào ngày 30/05/2015; xây dựng 2.000 căn nhà tại tỉnh Attapeu- Lào, Gia Lai, Đắk Lắk cho công nhân cao su của Tập đoàn; tổ chức cứu trợ trực tiếp cho đồng bào Miền trung bị lũ lụt, tặng 1,5 tỷ cho đồng bào Huyện đảo Trường Sa, quỹ tình thương tự nguyện tỉnh Đắk Lắk; ủng hộ Lễ hội văn hóa cồng chiêng tỉnh Gia Lai; chiến lược phát triển bóng đá trẻ.

Website mới của Công ty được đưa vào sử dụng có giao diện và các tính năng hiện đại, tiện dụng, đặc biệt là trang Quan hệ cổ đông với cấu trúc được xây dựng theo chuẩn mực quốc tế, thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc tìm hiểu thông tin và tương tác với Công ty.

Không những vậy, chiến lược Marketing của Công ty còn tập trung đi sâu vào chất lượng sản phẩm nhằm tạo sự khác biệt. Điển hình như sản phẩm thịt bò Úc, tuy chỉ mới gia nhập lĩnh vực này tuy vậy Công ty đã mạnh dạn áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, tạo ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng và có tính cạnh tranh.

6.6 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- **Nhãn hiệu thương mại** Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai
- **Tên viết tắt:** HAGL AGRICO
- **Logo Công ty:**



- **Ý nghĩa Thương hiệu:** Hình ảnh chiếc khiên, với mặt trời mọc trên đỉnh núi là hình ảnh quen thuộc của Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai (“Tập đoàn HAGL”), tượng trưng cho một doanh nghiệp phồn thịnh Pleiku, đại bản doanh của Tập đoàn HAGL và HAGL Agrico. Chiếc bánh răng tượng trưng cho chiến lược phát triển nông nghiệp và HAGL Agrico đã áp dụng trong nhiều năm qua, đó là áp dụng kỹ thuật tiên tiến trên thế giới vào sản xuất nông nghiệp, cải thiện năng suất, hạ giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty.

Là Tập đoàn hoạt động tại nhiều nước, có tính quốc tế cao, Công ty chọn tên thương mại là HAGL Agrico, viết tắt của Hoàng Anh Gia Lai Agricultural Joint Stock Company, để thuận tiện hơn trong giao dịch và dễ nhận biết hơn trong mắt nhà đầu tư, khách hàng và đối tác kinh doanh.

6.7 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 9: Danh sách các hợp đồng dịch vụ có giá trị lớn

TT	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Nội dung	Giá trị Hợp đồng (VNĐ)	Tình trạng HĐ
1.	Cty TNHH PTNN Kham Kauong	20/06/2014	Bán mủ khối	113.658.606.000	Đã thực hiện
2.	Công ty XNK Mittaphap	25/06/2014	Bán mủ khối	88.401.138.000	Đã thực hiện
3.	Laman Sekong Import - export trading Company	25/06/2014	Bán mủ khối	113.658.606.000	Đã thực hiện
4.	Cục hàng không Lào	15/06/2013	Xây dựng sân bay Nongkhang	1.554.132.720.000	Đang thực hiện

Nguồn: HAGL Agrico

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm	Quý I/2015
1	Tổng giá trị tài sản	13.241.306.555	16.970.617.689	28,16%	18.237.428.375
2	Vốn chủ sở hữu	6.182.275.227	6.868.396.998 (*)	11,10%	7.022.462.281
3	Doanh thu thuần	1.630.380.865	2.212.251.019	35,69%	506.096.161
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	680.650.310	692.929.421	1,80%	108.289.838
5	Lợi nhuận khác	(1.710.175)	77.580.170	-4.636,39%	(1.021.747) (**)
6	Lợi nhuận trước thuế	678.940.135	770.509.591	13,49%	107.268.091
7	Lợi nhuận sau thuế	685.325.895	759.075.133	10,76%	106.073.044
8	Lợi nhuận trên một cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.574	1.901	20,78%	265
9	Tỷ lệ chi trả cổ tức	0,26%	2%		0%
10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân	11,09%	11,05%		

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất Quý I/2015

(*) Theo Thông tư 202/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính đã ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn và trình bày BCTC hợp nhất, Mục Lợi ích cổ đông không kiểm soát không phải là khoản mục riêng như trước đây mà gộp chung vào mục vốn chủ sở hữu. Vì vậy, tại BCTC hợp nhất Quý I/2015, số liệu đầu kỳ (ngày 31 tháng 12 năm 2014) tại Mục vốn chủ sở hữu sẽ là 6.890.123.693 ngàn đồng (tăng thêm 21.902.080 ngàn đồng do gộp thêm Lợi ích cổ đông không kiểm soát).

(**) Quý I năm 2015 lợi nhuận khác âm 1,02 tỷ do thu nhập cho hoạt động khác là 1,1 tỷ, trong khi đó chi phí khác là 2,1 tỷ

- Các chỉ số khác: không có
- Ý kiến kiểm toán, hướng xử lý, khắc phục đến thời điểm đăng ký niêm yết: không có

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

7.2.1 Thuận lợi

Các sản phẩm chính của HAGL Agrico là những sản phẩm đến từ trồng trọt và chăn nuôi, được thực hiện trên quy mô lớn, hiện đại hóa và công nghiệp hóa, giảm thiểu sự phụ thuộc vào diễn biến của khí hậu, điều kiện tự nhiên, tuy nhiên, các yếu tố này vẫn có những tác động nhất định đến hoạt động sản xuất của Công ty.

- Các trang trại bò của Công ty đặt tại Gia Lai, có khí hậu mát mẻ quanh năm, là điều kiện thuận lợi để phát triển lĩnh vực chăn nuôi bò thịt và bò sữa.

- Đất đai có địa hình bằng phẳng, độ dốc phù hợp, giúp Công ty có thể dễ dàng triển khai trồng trọt các loại cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày, gồm cao su, cọ dầu, bắp, mía và cỏ chăn nuôi.
- Công ty đã được chính phủ ba nước Đông Dương cho thuê đất dài hạn, với quy mô lớn và liên thửa, giúp Công ty có thể triển khai dự án ở quy mô lớn, có ưu thế về quy mô và dễ dàng áp dụng nhiều công nghệ công - nông nghiệp tiên tiến.
- Quý đất của Công ty được bao bọc bởi hệ thống sông lớn, lưu lượng nước ổn định, đáp ứng hệ thống tưới nhỏ giọt cho trồng trọt và bảo đảm nguồn nước sử dụng cho trang trại bò.
- Các chính sách hỗ trợ của nhà nước như cho thuê đất dài hạn, cấp hạn ngạch nhập khẩu đường vào tiêu thụ trong nước, ưu đãi thuế... giúp Công ty có năng lực cạnh tranh cao hơn.

7.2.2 Khó khăn

Biến động giá hàng hóa trên thế giới sẽ tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của HAGL Agrico, ảnh hưởng đến các kế hoạch lợi nhuận và đầu tư của Công ty. Các loại hàng hóa như cao su, cọ dầu, đường được giao dịch trên các sàn giao dịch hàng hóa thế giới và giá cả thường xuyên biến động. Công ty cần có chính sách kịp thời cùng cơ cấu giá thành sản xuất cạnh tranh để ứng phó kịp thời với các biến động này.

Kinh tế toàn cầu vẫn chưa khởi sắc, nhu cầu tiêu thụ hàng hóa vẫn chưa hồi phục, đặc biệt là cao su, sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của HAGL Agrico, vốn đã đầu tư khá mạnh mẽ vào cao su từ năm 2007.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đòi hỏi lượng lớn vốn đầu tư cùng các cấp nhân sự từ chuyên gia đến lao động phổ thông. Hiện nay, tỉ lệ nợ vay của Công ty tương đối cao, là một cản trở đối với việc huy động thêm vốn mở rộng kinh doanh của Công ty. Các lĩnh vực cao su, cọ dầu cũng đòi hỏi lượng lớn công nhân thu hoạch sản phẩm, trong khi các trang trại của HAGL Agrico lại được phát triển ở các vùng không có dân cư đông đúc, do đó, việc thu hút nhân sự cho các trang trại là một vấn đề không dễ dàng giải quyết.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Lợi thế lớn nhất của Công ty là quỹ đất rộng lớn và đã được triển khai lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt rộng khắp, giúp lĩnh vực trồng trọt đạt năng suất cao so với mức bình quân trong ngành. Là thành viên của Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai, giai đoạn khởi đầu của Agrico tương đối thuận lợi hơn các Công ty nông nghiệp khác khi đầu tư các dự án lớn. Các Công ty mới gia nhập ngành có thể sẽ gặp khó khăn trong việc huy động vốn, nhưng Agrico thông qua Công ty mẹ có thể tiếp cận được nhiều nguồn vốn tín dụng khác nhau, hoặc có thể vay vốn ngân hàng thông qua công ty mẹ. Bên cạnh đó, phần vốn góp của Công ty mẹ cũng như hỗ trợ Công ty con mua máy móc, thiết bị đầu tư cũng tăng dần qua các năm, đáp ứng các nhu cầu đầu tư và mở rộng ngành nghề của Agrico.

8.1.1 Cao su

Công ty chỉ bắt đầu tham gia lĩnh vực trồng cao su từ năm 2007, tuy nhiên, HAGL Agrico có đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, do đó, HAGL Agrico không gặp phải nhiều trở ngại khi tham gia lĩnh vực kinh doanh được coi là mới của Tập đoàn. HAGL Agrico đã có nhiều bước chuẩn bị để có đủ năng lực cạnh tranh với nhiều Công ty đã có bề dày hoạt động trong ngành.

Quý đất rộng lớn với nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi: HAGL Agrico với nhiều đóng góp cho xã hội – cộng đồng tại các quốc gia Việt Nam, Lào và Campuchia đã được chính quyền sở tại giao quyền sử dụng cho xấp xỉ 100.000 ha đất liền thửa, địa thế thuận lợi và bao quanh với hệ thống sông ngòi, phù hợp cho việc phát triển lĩnh vực trồng trọt. Với lợi thế về quỹ đất, Công ty có thể mạnh cạnh tranh với các Công ty khác về năng suất và sản lượng nông sản. Quỹ đất của Công ty có địa hình bằng phẳng, độ cao phù hợp với các loại cây công nghiệp dài hạn.

So với các Công ty cao su thiên nhiên đang niêm yết tại Việt Nam, HAGL Agrico có diện tích rộng hơn đáng kể.

	PHR	DPR	TRC	HRC	TNC
Diện tích	16,200	9,600	7,300	5,000	2,000
Diện tích khai thác	10,700	7,400	5,000	1,800	1,350
Năng suất (tấn/ha)	2	2.3	2.15	1	1.1

Đất tại Lào trước đây là đất rừng nguyên sinh nên rất màu mỡ. Trong 4 đến 5 năm bắt đầu công tác trồng trọt, cây trồng không phát hiện các dịch bệnh. Khu vực lại được ưu đãi do gần sông ngòi, thuận lợi cho công tác tưới tiêu. Khí hậu khô nóng của khu vực cũng rất thuận lợi cho các loại cây công nghiệp của HAGL Agrico. Ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật có thể giúp tăng khả năng phát triển của cây, tuy nhiên, khí hậu cùng các điều kiện thiên nhiên là lợi thế không nhỏ và là yếu tố con người không thể tự tạo ra được.

Đất ở Campuchia, tuy không được ưu đãi bằng đất tại Lào do hệ thống sông ngòi không rộng lớn bằng, song độ cao so với mặt biển, địa hình, chất lượng thổ nhưỡng khá tốt, giúp cây cao su, cọ dầu tại các khu vực này tăng trưởng khá tốt. Chất lượng đất tốt, điều kiện tự nhiên ưu đãi, thêm vào đó diện tích canh tác rộng, những yếu tố này giúp doanh nghiệp có lợi thế hơn hẳn so với các doanh nghiệp khác trong ngành trong việc tiết giảm chi phí, năng suất thu hoạch vượt trội. Các đặc điểm này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh quỹ đất trồng cao su tại Việt Nam hiện không còn, đất nông nghiệp tại Lào cũng hạn chế được cấp phép, quy trình thủ tục pháp lý xin đất tại Lào, Campuchia khá phức tạp, nếu không có quan hệ tốt với các cơ quan chính quyền và cộng đồng dân chúng bản địa thì khó có thể xin được.

Ứng dụng công nghệ giúp cây có năng suất cao hơn. Ngoài việc trồng cây sâu hơn so với phương thức trồng cũ để cây có bộ rễ mọc sâu hơn, lấy được nhiều nước và các khoáng chất trong đất, Công ty đã đầu tư hệ thống tưới nhỏ giọt cho gần như toàn bộ trang trại. Hệ thống ống được kéo đến từng gốc cây và đều đặn cung cấp 2 lít nước mỗi giờ. Đất đai của HAGL Agrico được bao bọc bởi các con sông lớn nên luôn bảo đảm nguồn nước tưới. Ngoài nước, Công ty kết hợp hòa tan các loại phân bón vào nước để cây dễ hấp thu. Cách làm này hiệu quả hơn bón phân truyền thống, do giảm hao hụt.

Chi phí nhân công tương đối cạnh tranh so với các nước trong khu vực. HAGL Agrico và các doanh nghiệp cao su Việt Nam có lợi thế tương đối lớn về chi phí nhân công so với các nước xuất khẩu mủ cao su lớn như Thailand, Malaysia và Indonesia. Với mặt bằng giá mủ cao su hiện nay, lợi thế về giá thành sản xuất của các Công ty Việt Nam là rất lớn, và lợi nhuận sẽ được cải thiện đáng kể khi giá cao su hồi phục.

8.1.2 Mía đường

HAGL Agrico định vị công ty mía đường của mình ở vị thế một Công ty nông nghiệp với thế mạnh về nông nghiệp hơn là một nhà chế biến và phân phối. Chi phí lớn nhất trong cơ cấu giá thành của ngành sản xuất đường Việt Nam là mía nguyên liệu, chiếm hơn hai phần ba giá thành.

Tuy gia nhập lĩnh vực mía đường chậm hơn nhiều doanh nghiệp khác trong nước, Công ty đã có những lợi thế cạnh tranh nhất định, nhất là khi từ năm 2015, Công ty đã chính thức được nhập khẩu đường về Việt Nam.

Thế mạnh về nông nghiệp

Ngoài lợi thế về quỹ đất rộng lớn, Công ty còn có thế mạnh về năng suất canh tác. Các công ty trong ngành có sản lượng mía thu hoạch xoay quanh mốc 60 tấn trên mỗi ha và chữ đường vào khoảng 8,2 đến 10,2. HAGL Agrico có khả năng đạt được năng suất mía cao hơn 2 lần mức bình quân ngành và chữ đường có thể lên đến 12, nhờ vào:

- Điều kiện đất tốt: Vùng nguyên liệu mía của HAGL Agrico trước đây là rừng nguyên sinh, đất đai đã được bồi đắp qua hàng trăm năm, do đó, cây trồng có khả năng phát triển tương đối tốt và ít có dấu hiệu dịch bệnh.
- Hệ thống tưới nhỏ giọt: Khu vực trồng mía của HAGL Agrico được bao quanh bởi hệ thống sông Sê-kông của Lào, nhờ đó, Công ty có thể dễ dàng lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt Israel giúp nâng cao tốc độ tăng trưởng của cây và giảm sự thất thoát phân bón.
- Cơ chế quản lý chặt chẽ và khoa học: Không như các công ty cùng ngành vốn giao lại phần lớn việc trồng và chăm sóc cây cho người nông dân, HAGL Agrico có đội ngũ lãnh đạo, giám sát, chuyên gia và nhân công trực tiếp tham gia trồng và chăm sóc cây. Việc giám sát chặt chẽ quá trình phát triển của mía cộng với việc áp dụng công nghệ hiện đại giúp Công ty kịp thời xử lý các sai sót và tạo điều kiện tốt nhất cho cây phát triển.

Sự vượt trội về năng suất mía và chữ đường cao giúp Công ty có mức chi phí giá thành tính trên 1 tấn mía thấp hơn giá thành của các công ty thu mua mía từ nông dân từ 70 – 80%. Việc tự cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào với giá thành thấp giúp Mía đường HAGL Agrico sẽ có khả năng sinh lời và cạnh tranh tốt so với các công ty trong nước và đường nhập khẩu. Đối với đường nhập khẩu, mà nguồn gốc chủ yếu là từ Thái Lan, ngoài lợi thế chi phí nguyên liệu cạnh tranh, thương hiệu đã được nhiều người tiêu dùng trong nước nhận biết, HAGL Agrico còn có lợi thế về chi phí vận chuyển thấp hơn, do khoảng cách từ Attapeu đến các thị trường lớn nhất tại Việt Nam, gồm TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội... ngắn hơn so với quãng đường đi từ Thái Lan.

HAGL Agrico Mía đường so với các Công ty cùng ngành

Thông tin tổng quan về các Công ty mía đường có quy mô tương đương tại Việt Nam

STT	Tên nhà máy	Diện tích có hoạt động (ha)	Năng suất (tấn/ha)	CCS	Công suất ép (tấn/ngày)	Sản lượng ép (tấn/năm)	Sản lượng đường (tấn/năm)
1	Lam Sơn	17.000	71	10,0	10.500	1.200.000	125.000
2	An Khê	16.000	50	10,0	10.000	800.000	80.000
3	Bourbon TN	15.176	66	8,7	9.800	1.000.000	85.000
4	N.An - Tate&Lyle	19.950	52	10,0	8.400	1.040.000	102.500
5	Khánh Hòa	15.194	50	10,5	8.000	760.000	76.000
6	KCP Phú Yên	19.000	52	9,0	7.200	995.000	88.000

STT	Tên nhà máy	Diện tích có hoạt động (ha)	Năng suất (tấn/ha)	CCS	Công suất ép (tấn/ngày)	Sản lượng ép (tấn/năm)	Sản lượng đường (tấn/năm)
7	Cần Thơ	12.867	93	9,5	6.500	1.200.000	105.000
8	Việt - Đài	12.340	61	10,0	6.000	750.000	75.000
9	Ninh Hòa	12.400	54	10,0	5.200	670.000	67.000
10	Bình Định	8.500	60	10,0	5.000	510.000	51.000

nguồn: Bộ NN&PTNT

HAGL Agrico Mía đường có vùng nguyên liệu nhỏ hơn 10 Công ty nêu trên, chỉ 6.000 ha từ năm 2015, so với 8.500 ha của Công ty đứng thứ 10 trong danh sách là Đường Bình Định. Với năng suất mía đạt 110 – 120 tấn mỗi ha, so với mức bình quân 60,9 ha của ngành, sản lượng mía của Công ty có thể cao hơn Đường Ninh Hòa và Bình Định.

Khác với các Công ty nêu trên, vốn hợp tác với nông dân và sẽ thu mua mía lại vào cuối vụ, HAGL Agrico sở hữu vùng nguyên liệu và tự trồng trọt canh tác với công nghệ hiện đại. Do sở hữu vùng nguyên liệu, Công ty có một số lợi thế sau đây:

- Giá thành mía cạnh tranh hơn so với mía của các hộ nông dân, do sản lượng trên mỗi ha gấp đôi trung bình ngành, đơn giá mỗi tấn mía của HAGL Agrico rẻ hơn đáng kể giá thu mua của các nhà máy đường không sở hữu vùng nguyên liệu. Bên cạnh đó, việc cơ giới hóa toàn bộ giúp năng suất tăng cao và tiết giảm được chi phí nhân công.
- Cụm nhà máy được xây dựng ngay tại vùng nguyên liệu, nhờ đó, chi phí và thời gian vận chuyển được tối ưu hóa. Chi phí đầu tư cho phương tiện vận chuyển, chủ yếu là xe tải, cũng sẽ rất cạnh tranh, do xe của Công ty chỉ hoạt động trong khu vực nội bộ, và hầu như không tham gia giao thông vào hệ thống đường sá nước sở tại. Nhờ đó, Công ty có thể mua sắm xe có giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu chính là vận chuyển mía nguyên liệu về nhà máy.

Năm 2014, Công ty bắt đầu triển khai dự án nuôi bò, và tận dụng hết các phụ phẩm từ chế biến đường, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu.

8.1.3 Cọ dầu

Hiện nay chưa có Công ty Việt Nam nào trồng cây cọ dầu với quy mô lên đến hàng nghìn ha như HAGL Agrico. Các quốc gia trồng và cung cấp dầu cọ hàng đầu thế giới là Malaysia và Indonesia.

Cũng như cao su và mía đường, thế mạnh lớn nhất của HAGL Agrico là quỹ đất rộng lớn và liền thửa, điều kiện đất đai màu mỡ cùng việc áp dụng công nghệ - kỹ thuật phù hợp, giúp cây có thể sinh trưởng tốt và cho năng suất cao.

Do không sử dụng nhiều nhân lực như cao su nên chi phí nhân công của dầu cọ chỉ vào khoảng 30% giá thành, so với mức 60 – 70% của cao su. HAGL Agrico chủ yếu trồng cọ dầu ở Campuchia, nơi có chi phí nhân công tương đối cạnh tranh, giúp Công ty có thể đạt được mức giá thành thấp hơn dầu cọ sản xuất tại các nước khác trong khu vực.

Doanh thu của ngành dầu ăn trong nước ước đạt 30.000 tỷ đồng mỗi năm, Agrico có kế hoạch sẽ tham gia cung ứng nguyên liệu đầu vào cho thị trường nhiều tiềm năng và có quy mô lớn này, thay vì tập trung vào xuất khẩu. Theo thống kê của Bộ Công Thương, hiện thị trường có tổng cộng gần 40 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dầu ăn. Trong đó, dầu cọ là sản phẩm dầu thực vật chính chiếm 70% thị phần, dầu nành chiếm 23%, còn các loại dầu thực vật khác chiếm 7%. Nguồn cung ứng nguyên liệu dầu cọ đầu vào hiện nay chủ yếu nhập khẩu từ các nước Đông Nam Á, với khoảng cách vận chuyển đến

các thị trường lớn của Việt Nam tương đối xa so với khoảng cách từ khu vực trồng cọ của Agrico. Chi phí trồng trọt cạnh tranh cùng chi phí vận chuyển thấp giúp HAGL Agrico có thêm nhiều lợi thế cạnh tranh trong chính sách giá cả khi đưa dầu cọ vào tiêu thụ tại thị trường Việt Nam.

8.1.4 Chăn nuôi bò

HAGL Agrico chỉ mới gia nhập lĩnh vực mới này trong năm 2014, tuy nhiên, Công ty đã nhanh chóng thực hiện nhiều hình thức quảng bá sản phẩm mới để bảo đảm thị trường tiêu thụ cho sản phẩm của mình. Là Công ty niêm yết với các nghĩa vụ công bố thông tin minh bạch cũng là một yếu tố giúp các thông tin về ngành nghề, sản phẩm mới này được cung cấp đến các nhà đầu tư, cũng có thể là những khách hàng sử dụng sản phẩm của HAGL Agrico trong tương lai.

Thị trường tiêu thụ chính của Công ty là Việt Nam, nơi thịt bò nhập khẩu từ Úc đang chiếm ưu thế cao, ước tính lên tới 70% thị phần tiêu thụ do có chất lượng tốt, giá cả không quá chênh lệch với thịt bò nuôi tại Việt Nam. Để nâng cao vị thế cạnh tranh, HAGL Agrico cũng nhập khẩu bò giống từ Úc, sau khi đáp ứng các quy định nghiêm ngặt do Úc quy định, và chú trọng vào giá thành cùng chất lượng sản phẩm. Các Công ty nội địa có quy mô nhỏ, chưa áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, nên khả năng cạnh tranh với HAGL Agrico là chưa cao. Bên cạnh đó, ưu thế về quỹ đất giúp HAGL Agrico có điều kiện nhập bò 14 – 18 tháng tuổi về nuôi vỗ béo, giúp Công ty có giá thành cạnh tranh hơn so với các Công ty chỉ nhập khẩu bò trưởng thành về giết mổ và phân phối. Chăn nuôi bò đòi hỏi các đơn vị chăn nuôi phải có quỹ đất lớn để trồng cỏ, là thành phần thức ăn quan trọng đối với các loài động vật nhai lại.

Công ty chủ động nguồn thức ăn tươi cho bò, gồm cỏ và bắp, tận dụng thêm các phụ phẩm trong quá trình sản xuất mía, nên giá thành thức ăn chăn nuôi có tính cạnh tranh tốt hơn.

Để bảo đảm đầu ra cho lĩnh vực chăn nuôi, HAGL Agrico đã hợp tác với Vissan, là công ty cung cấp các sản phẩm thịt hàng đầu tại Việt Nam với mạng lưới phân phối đã được xây dựng từ nhiều năm. Ngoài ra, Công ty còn phân phối bò đến các cơ sở chế biến tại nhiều địa phương.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành và đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

8.2.1 Cao su

Theo Trung tâm Xúc tiến thương mại, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Việt Nam sẽ tham gia mạng lưới giao dịch cao su Đông Nam Á, cùng với Thái Lan và một số nước sản xuất cao su lớn trong khu vực. Mục đích của việc hội nhập này là ngăn chặn giá cao su giảm, mang lại lợi nhuận hợp lý cho người trồng cao su trong nước. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hợp tác xã Thái Lan Petipong Pungbun Na Ayudhya cùng với các nước trong khu vực sẽ hình thành mạng lưới các nước thành viên, tiến đến định hình thị trường, hình thành mức giá chung cho mặt hàng cao su. Điều này sẽ làm giảm sự phụ thuộc vào giá cao su của các nước ngoài khu vực như hiện nay. Việt Nam sẽ tham gia chặt chẽ hơn cùng với Thái Lan, Indonesia và Malaysia để có những hành động phối hợp cụ thể. Ngoài Việt Nam, ba nước trên cũng thống nhất mời thêm Lào, Campuchia, Myanmar để cùng hợp tác, quản lý giá cao su một cách công bằng.

Nhiều nhận định cho rằng giá cao su thế giới hiện nay khó có thể giảm sâu, do chi phí nhân công của nước sản xuất cao su lớn nhất là Thái Lan có chiều hướng tăng, và phần nào tác động của động thái mua dự trữ cao su của chính phủ Thái Lan. Năm 2013 và 2014, sản lượng cao su của Thái Lan chiếm 35% và 36% sản lượng toàn cầu. Tuy nhiên, giá cao su không được kỳ vọng sẽ tăng mạnh trở lại trong ngắn hạn mặc dù cung và cầu đã dần cân bằng hơn.

Tăng trưởng doanh số xe hơi của Trung Quốc, thị trường tăng trưởng mạnh nhất trên thế giới hiện nay, trong năm 2014 chỉ bằng một nửa so với mức tăng năm 2013. Bên cạnh đó, xuất khẩu vỏ xe của Trung Quốc cũng chịu nhiều ảnh hưởng của thuế chống bán phá giá tại châu Âu và Mỹ. Tồn kho tăng cao và nhu cầu hồi phục yếu vẫn tiếp tục gây áp lực lên giá cao su thiên nhiên. Bên cạnh đó, thuế nhập khẩu vỏ xe Trung Quốc vào Ấn Độ hiện nay là 5%, trong khi thuế nhập khẩu cao su lại lên đến 20%, Hiệp hội Sản xuất vỏ xe Ấn Độ đang đề xuất tăng thuế nhập khẩu đối với vỏ xe Trung Quốc. Trường hợp Ấn Độ giảm nhập khẩu vỏ xe Trung Quốc, hàng hóa này sẽ tràn sang các thị trường khác tại châu Á và kéo mặt bằng giá của cả khu vực xuống mức thấp hơn. Để duy trì lợi nhuận, các nhà sản xuất lốp xe có thể sẽ tìm cách thu mua nguyên liệu ở mức giá thấp.

Dự báo của nhu cầu cao su của Viện nghiên cứu Cao su Quốc tế (IRSG):

(Đơn vị: nghìn tấn)	2013	2014	2015E
Sản lượng	12.079	12.020	12.394
<i>Tăng trưởng</i>		-0,5%	3,1%
Tiêu thụ	11.347	11.994	12.317
<i>Tăng trưởng</i>		5,7%	2,7%
Cung-cầu	732	26	77

Các yếu tố hỗ trợ cho giá cao su:

- Chính phủ Thái Lan hỗ trợ vay ưu đãi để nông dân chuyển từ cao su sang trồng giống cây khác.
- Thái Lan tiếp tục thu mua mủ cao su để hỗ trợ giá tiêu thụ nội địa. Chính phủ tiến hành thu mua bằng cách chào giá cao trong các phiên đấu giá, tuy nhiên, biện pháp này có thể gây ra tác dụng ngược. Sự hỗ trợ của Chính phủ có thể thúc đẩy nông dân tăng sản lượng khai thác, khiến cung tiếp tục vượt cầu. Bên cạnh đó, tồn kho cao có thể buộc chính phủ phải bán một phần dự trữ ra thị trường, gây ảnh hưởng lên giá mủ cao su.
- Chi phí nhân công tăng cao.

Các yếu tố kháng cự đà hồi phục của giá cao su:

- Do là ngành nghề tạo ra nhiều công ăn việc làm tại các quốc gia xuất khẩu cao su hàng đầu, nên việc cắt giảm mạnh sản lượng, dẫn đến giảm việc làm, là điều không dễ xảy ra. Không như các loại tài nguyên khoáng sản khác, vốn có thể giảm sản lượng khai thác dễ dàng tùy thuộc cung – cầu, nếu ngưng cạo cao su một ngày, lượng mủ đó cũng không ảnh hưởng gì đến sản lượng của cây cao su trong những ngày sau đó, do đó, các hộ nông dân cạo mủ hầu như không có nhiều lí do để ngưng cạo.
- Tại các nước Indonesia hay Malaysia, nông dân thường trồng thêm các loại cây khác vào đồn điền cao su. Khi cao su rớt giá, họ có thể chuyển sang thu hoạch các giống cây trồng khác. Điều này không xảy ra tại Thái Lan, do đó, khó kỳ vọng sản lượng của nước xuất khẩu cao su lớn nhất thế giới có thể giảm mạnh.
- Thời gian trồng cây cao su đến thời điểm thu hoạch thường kéo dài 6 – 7 năm, và sản lượng cao su sẽ tăng dần đến khi đạt 25 tuổi. Với việc các lứa cây trồng trước 2008 và 2011 bước vào thời kỳ cho sản lượng tốt, việc đốn hạ số lượng lớn cây cao su để trồng loại cây khác cũng khó có thể xảy ra.

- Diện tích cao su của Trung Quốc và Việt Nam tại các nước Lào, Campuchia và Việt Nam cũng có chiều hướng tăng dần.

Do đó, giá cao su được kỳ vọng sẽ tạo đáy tại thời điểm hiện tại, nhưng triển vọng bật cao lại như giai đoạn 2009 – 2012 là không cao.

8.2.2 Mía đường

Theo Bộ Công thương, ngành mía đường Việt Nam kể từ khi cơ bản hình thành ngành mía đường Việt Nam như hiện nay, Nhà nước đã luôn quan tâm quy hoạch, đầu tư hỗ trợ phát triển và bảo hộ bằng hàng rào thuế quan cao. Cho đến khi Việt Nam đàm phán gia nhập WTO, giai đoạn đầu Việt Nam vẫn kiên quyết đưa mặt hàng đường ra khỏi danh mục hàng hóa cam kết giảm thuế. Chỉ đến cuối năm 2006, khi đàm phán những vòng cuối cùng ngay trước khi gia nhập WTO, Việt Nam mới chấp nhận nới lỏng một phần mức độ bảo hộ thông qua việc cam kết cấp hạn ngạch thuế quan hạn chế cho việc nhập khẩu đường hàng năm với thuế suất thấp hơn thuế suất thông thường và số lượng tăng dần qua từng năm. Tuy nhiên, theo lộ trình đó, đến năm 2015, Việt Nam mới phải cấp hạn ngạch thuế quan khoảng 81.000 tấn đường với mức thuế suất ưu đãi dành cho các thành viên WTO là 25% đối với đường thô và 40% đối với đường trắng. Trong khi thuế suất thông thường ngoài hạn ngạch là 80% đối với đường thô và 85% đối với đường trắng. Theo cam kết hội nhập chung của các nước ASEAN, mức thuế suất ưu đãi trong hạn ngạch đối với các thành viên ASEAN là 5% đối với cả đường trắng và đường thô và sẽ tự do hóa nhập khẩu đường của các nước ASEAN vào thời điểm năm 2018. Riêng theo thỏa thuận với Lào, xuất phát từ tình hữu nghị đặc biệt và quan hệ chiến lược về chính trị, kinh tế và các mặt quan hệ khác, từ năm 2011 đến nay, Việt Nam dành cho Lào ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu 2,5% đối với mặt hàng đường của Lào khi nhập khẩu nằm trong hạn ngạch chung theo cam kết của Việt Nam trong WTO qua biên giới hai nước. Ngành mía đường nhìn chung đang được hưởng nhiều chính sách bảo hộ hơn các ngành sản xuất quan trọng khác của Việt Nam như dệt may, da giày, gạo, cà phê...

Dù được bảo hộ trong thời gian dài, ngành mía đường Việt Nam vẫn chưa thể phát triển và cải thiện sức cạnh tranh. Theo Bộ Công thương, ngành mía đường Việt Nam còn tồn tại 4 bất cập:

- Giá thành quá cao: các doanh nghiệp mía đường không chú trọng phát triển vùng nguyên liệu mà chủ yếu thu mua từ nông dân, vốn cũng có chi phí trồng trọt khá cao do sử dụng giống mía cũ, canh tác lạc hậu, năng suất thấp. Công nghệ sản xuất lạc hậu, quy mô nhỏ khiến nhiều công ty mía đường không có lợi thế về quy mô sản xuất, làm đội giá thành lên cao.
- Không chủ động được nguồn nguyên liệu: hiện tượng “được mùa, mất giá” là khá phổ biến tại nhiều lĩnh vực trồng trọt ở Việt Nam. Quan hệ người nông dân – nhà máy mía đường nhiều năm qua không thay đổi, người nông dân thường ở thế yếu. Khi giá đường giảm, các nhà máy thường giảm giá thu mua mía, người nông dân không yên tâm trồng mía và sẵn sàng chuyển sang loại cây khác, khiến các nhà máy khó chủ động được nguồn nguyên liệu.
- Về phương thức kinh doanh: đối với các khách hàng là những nhà sản xuất bánh kẹo, nước giải khát hoặc các khách hàng tiêu dùng lớn, liên kết giữa nhà sản xuất mía đường và khách hàng này là không bền vững, do chất lượng đường không ổn định. Đối với thị trường nội địa, các nhà sản xuất không chủ động lập kênh phân phối, mà thường thông qua trung gian, giá cả chủ yếu do các trung gian này quyết định.
- Liên kết giữa các thành viên trong Hiệp hội mía đường chưa thật sự chặt chẽ, hỗ trợ tốt cho nhau.

Chủ trì cuộc họp Ban chỉ đạo liên bộ về quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô quý I/2015 ngày 30 tháng 3 năm 2015, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng của Việt Nam đặc biệt nhấn mạnh việc xóa bỏ cơ chế bảo hộ 2 ngành mía đường và sắt thép để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Việc dỡ bỏ bảo hộ, đặt các danh nghiệp vào thị trường cạnh tranh hơn là phương pháp hiệu quả buộc các doanh nghiệp phải đổi mới để tồn tại, đồng thời, mở ra cơ hội cho các nhà sản xuất mới, tuy thành lập muộn hơn nhưng chú trọng phát triển công nghệ, quy trình sản xuất và kiểm soát tốt giá thành.

8.2.3 Cọ dầu

Trong số 10 loại cây cung ứng nguyên liệu cho ngành sản xuất dầu ăn, cọ dầu chiếm khoảng 5,5% tổng diện tích đất, nhưng cung ứng tới 32% sản lượng dầu và chất béo trong năm 2012, theo sau là đậu nành với tỉ lệ 22,4%. Cọ dầu là loại cây cho dầu hiệu quả nhất thế giới, khi mỗi ha cọ dầu có thể sản xuất được lượng dầu cao gấp 10 lần các loại cây nguyên liệu khác. Năm 2012, thế giới tiêu thụ khoảng 52,1 triệu tấn dầu cọ, do đó, lượng cung tăng thêm từ Việt Nam là không đáng kể.

Malaysia và Indonesia là hai quốc gia cung cấp dầu cọ thô hàng đầu thế giới với thị phần lên đến 85%. Các nước cung ứng cọ dầu còn lại gồm Thái Lan, Columbia, Nigeria, Papua New Guinea và Ecuador.

Với việc mở rộng quỹ đất tương đối dễ dàng, cùng giá dầu cọ tăng cao giai đoạn 2008 – 2011 khiến diện tích trồng cọ dầu tại Indonesia và Malaysia tăng thêm 700.000 ha. Tuy nhiên, áp lực từ các tổ chức phi chính phủ cùng việc quỹ đất mới thu hẹp, diện tích trồng mới đã giảm xuống từ 2012. Cây cọ dầu chỉ có thể khai thác sau khi trồng từ ba đến bốn năm, mức tăng trưởng sản lượng bình quân 7,4%/năm trong 10 năm qua có thể giảm xuống 4% từ 2016, theo CLSA. Tuy nhiên, nhu cầu đối với dầu cọ vẫn được kỳ vọng sẽ duy trì mức tăng trưởng bình quân 6.7% trong ba năm vừa qua, nhờ vào lĩnh vực sản xuất nhiên liệu sinh học tại châu Á đang phát triển cùng mức tăng trưởng tiêu thụ thực phẩm tốt ở Trung Quốc và Ấn Độ. Do đó, CLSA kỳ vọng năm 2016, cầu sẽ vượt cung và giá sẽ nhích nhẹ lên.

Việt Nam hiện nay vẫn nhập khẩu dầu cọ từ các nước lân cận. Năm 2013, Việt Nam nhập khẩu 76 ngàn tấn dầu thực vật thô, trong đó, dầu cọ chiếm khoảng 10 ngàn tấn. HAGL Agrico có kế hoạch sẽ nhập khẩu dầu về tiêu thụ tại Việt Nam.

8.2.4 Chăn nuôi bò

Việt Nam là đất nước nông nghiệp, có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc trồng trọt – chăn nuôi, tuy nhiên, thịt bò ngoại đang ồ ạt tràn vào thị trường nội địa, chủ yếu là thịt bò nhập khẩu về từ Úc. Năm 2013, Việt Nam trở thành khách hàng lớn thứ ba của Úc khi nhập khẩu 70.000 con bò. Con số năm 2013 nhanh chóng bị vượt qua khi chỉ trong 6 tháng đầu năm 2014, Việt Nam tiếp tục nhập về 72.000 con bò Úc và ước tính cả năm sẽ nhập khẩu trên 150.000 con, và trở thành khách hàng lớn thứ 2 của thịt bò Úc sau Indonesia. Theo Cục Chăn nuôi, bò sống nhập khẩu từ Úc về Việt Nam đạt số lượng khá lớn và dự kiến sẽ còn tăng lũy tiến trong các năm sau, trước hết là do nhu cầu tiêu thụ thịt bò trong nước ngày càng tăng mạnh.

Mặc dù chịu thuế suất nhập khẩu 5% cho bò và 8% cho thịt qua chế biến, bò Úc vẫn đang được ưa chuộng trên thị trường do giá bán chỉ tương đương thịt bò nuôi trong nước.

Do có chi phí chăn nuôi thấp, công nghệ hiện đại, quy mô lớn và năng suất cao, giá thành bò Úc sau khi gánh cả thuế nhập khẩu, chi phí vận chuyển và các chi phí kinh doanh khác vẫn có giá bán rất cạnh tranh so với thị bò Việt Nam.

Ngành chăn nuôi bò thịt ở Việt Nam hiện nay vẫn chưa được phát triển ở quy mô công nghiệp, sản lượng và hiệu quả thấp, chất lượng không đồng đều và giá thành cao. Tham gia lĩnh vực này phần lớn vẫn là các hộ nông dân. So với bò Úc, bò Việt Nam có trọng lượng chỉ bằng 50% và nguồn cung còn

thiếu. Để có thể không mất vị thế cạnh tranh với thịt nhập khẩu ngay trên sân chơi nội địa, cần có các doanh nghiệp lớn, áp dụng công nghệ chăn nuôi hiện đại để nâng cao chất lượng và hiệu quả chăn nuôi.

HAGL Agrico đang có chiến lược “công nghiệp hóa – cơ giới hóa” lĩnh vực chăn nuôi bò thịt, theo chiến lược Công ty đã thực hiện khi triển khai dự án mía đường. Khi sản lượng cao gấp đôi so với trung bình ngành, và chi phí nhân công được rút ngắn, giá thành của sản phẩm sẽ giảm xuống đáng kể, đó là lí do giá thành mía của HAGL Agrico thấp hơn giá các nhà máy đường thu mua của nông dân từ 50% đến 60%.

Khi có giá thành thấp, chất lượng thịt cải thiện, cộng với chi phí vận chuyển ít hơn và không chịu thuế nhập khẩu, các doanh nghiệp trong nước sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để cạnh tranh với thịt bò nhập khẩu.

Quy mô tiêu thụ thịt bò của thị trường 90 triệu dân Việt Nam ước tính lên đến 1.8 triệu con bò mỗi năm, và có xu hướng tăng tỉ lệ thuận với chất lượng sống, điều kiện kinh tế cùng mức tăng dân số. Hiện nay, Việt Nam vẫn nhập khẩu trâu, bò từ các nước Úc, Thái Lan, Ấn Độ, do đó, tiềm năng để HAGL Agrico thâm nhập thị trường là tương đối cao.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2014 là 14.355 người.

Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty:

TT	Trình độ chuyên môn	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và trên đại học	528	3,68%
2	Cao đẳng, trung cấp, nghiệp vụ	2.054	14,31%
3	Công nhân lao động phổ thông	11.823	82,01%
Tổng cộng		14.355	100,00%

Nguồn: HAGL Agrico

9.2 Chính sách đối với người lao động

9.2.1 Thời gian làm việc và nghỉ phép

- HAGL Agrico thực hiện chế độ làm việc 5,5 đến 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện công việc đòi hỏi mà các Công ty con có thể thay đổi thời giờ làm việc trong ngày cho phù hợp hoặc làm thêm giờ nhưng vẫn bảo đảm số giờ tiêu chuẩn của ngày làm việc.
- Nhân viên được nghỉ 1 đến 1,5 ngày/tuần. Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12, 14 hoặc 16 ngày/năm tùy theo từng điều kiện làm việc. Nếu chưa đủ 12 tháng thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính tương ứng với số tháng làm việc trong năm. Ngoài ra, tất cả các nhân viên được nghỉ Lễ theo quy định của Pháp luật Việt Nam và các nước sở tại nơi HAGL Agrico đang có các hoạt động sản xuất kinh doanh.

9.2.2 Chính sách đào tạo

- Tuyển dụng nhân sự mới theo quy trình được thiết lập để đảm bảo nhân viên mới có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Trong dài hạn, Công ty ưu tiên nguồn nhân lực ở địa phương vì có tính ổn định và chất lượng khá cao.
- Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn, thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng, chuyên môn cần thiết được thực hiện tại nơi làm việc hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Tập đoàn được lập ra từ đầu năm. Để thực hiện tốt việc đào tạo, Công ty và người lao động có thỏa thuận cam kết về nghĩa vụ và quyền lợi của hai bên trong quá trình học tập, khả năng công tác và thời gian phục vụ Công ty sau khi học tập.

10. Chính sách cổ tức

Công ty chi trả cổ tức cho các cổ đông theo kết quả sản xuất kinh doanh, sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Trong khi thanh toán số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Tỷ lệ cổ tức sẽ căn cứ theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Bảng 11: Tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm

Năm	2012	2013	2014
Tỷ lệ chi trả cổ tức	0%	0,26%	2%
Hình thức chi trả	-	Tiền mặt	Tiền mặt

Nguồn: HAGL Agrico

11. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản trong năm vừa qua

11.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc: 10 - 50 năm

Máy móc và thiết bị 5 - 20 năm

Phương tiện vận chuyển 8 - 20 năm

Thiết bị văn phòng 3 - 10 năm

Vật nuôi 6 năm

Phần mềm máy tính 5 năm

Tài sản khác 8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 20	Giá trị còn lại

11.1.2 Thu nhập bình quân

Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty trong năm 2014 là 7.500.000 đồng/người/tháng và dự kiến trong năm 2015 là 8.200.000 đồng/người/tháng.

11.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định.

11.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

Bảng 12: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: ngàn đồng

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2013	31/12/2014
Thuế giá trị gia tăng	110.177.207	250.852.246
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.309.178	4.464.177
Thuế thu nhập cá nhân	1.383.815	1.136.926
Các loại thuế khác	15.872	361.486
TỔNG CỘNG	113.886.072	256.814.835

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014

11.1.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị.

Từ khi thành lập đến năm 2014, Công ty chưa thực hiện trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông thống nhất để lại lợi nhuận nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh của Công ty.

11.1.6 Tổng dư nợ vay

Bảng 13: Tổng dư nợ vay của Công ty

Đơn vị tính: ngàn đồng

Tên Ngân hàng	31/12/2013	31/12/2014
I. Vay và nợ ngắn hạn	689.521.789	3.739.373.145
1. Vay ngắn hạn ngân hàng	351.019.744	828.650.337
2. Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	-	2.000.000.000
3. Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả	249.278.400	640.151.353
4. Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	89.223.645	270.571.455
II. Vay và nợ dài hạn	4.779.359.713	3.620.745.061
1. Vay dài hạn	4.779.359.713	3.620.745.061
Trong đó:		
(*) Vay dài hạn Ngân hàng	2.061.637.405	2.659.318.516
Tổng dư nợ vay (I+II)	5.468.881.502	7.360.118.206

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014

- ❖ Chi tiết các khoản “Vay ngắn hạn ngân hàng” Mục I.1 bảng 14 trên

Bảng 14: Chi tiết khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Đơn vị tính: ngàn đồng

Ngân hàng	31/12/2014	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản thế chấp
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 101/14/NHNT, ngày 10 tháng 4 năm 2014, phụ lục: số 02/101/14/NHNT ngày 18 tháng 6 năm 2014	257.978.770	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2015 đến ngày 17 tháng 6 năm 2015	10%/năm	Tín chấp
<i>Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (“Lao – Viet Bank”), chi nhánh Attapeu</i>				
Hợp đồng vay số 028/LVB.NVKD/2012, ngày 19 tháng 10 năm 2012, phụ lục: 03-028/2012, ngày 12 tháng 12 năm 2014	102.573.256	26 tháng 6 năm 2015	Lãi suất thả nổi, từ 8,5% đến 11,5%/năm trong năm 2014	Một phần Khách sạn Hoàng Anh Attapeu - do HA Attapeu sở hữu
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 088/NHLV-ATP/2014, ngày 2 tháng 10 năm 2014	106.547.691	Từ ngày 6 tháng 10 năm 2015 đến ngày 11 tháng 12 năm 2015	8,5%/năm	Toàn bộ các công trình xây dựng, thiết bị máy móc phục vụ dự án nuôi bò và toàn bộ đàn bò được nhập vào của TNHH HA Quang Minh sẽ phát sinh sau đầu tư
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 089/LVB.ATP/2014, ngày 2 tháng 10 năm 2014	21.312.720	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	5,5%/năm	Tài sản hình thành từ nguồn vay (đàn bò thuộc dự án nuôi bò)
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”), chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/5331375/HĐTD ngày 25 tháng 6 năm 2014	273.860.292	Từ ngày 29 tháng 2 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015	Lãi suất thả nổi, từ 5,5% đến 9%/năm	Tín chấp
TỔNG CỘNG	828.650.337			

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014

- ❖ Chi tiết “Vay dài hạn trái phiếu” đến hạn trả Mục I.2 bảng 14 trên

Ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VNĐ) do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“VPBS”) thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm 1 năm. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 11,37%/năm cho ba (3) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước (“SBV”) bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ

3%/năm. Trong trường hợp SBV hủy bỏ quy định về lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của VPBS bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (“ECS”) căn cứ theo các hợp đồng vào ngày 7 tháng 12 năm 2012, ngày 25 tháng 12 năm 2012 và ngày 27 tháng 12 năm 2012 với số tiền thu được là 750 tỷ VNĐ, 450 tỷ VNĐ và 800 tỷ VNĐ. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 2.000 tỷ VNĐ. Mục đích phát hành trái phiếu này là để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; tái cấu trúc nợ vay của Nhóm Công ty và bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Nhóm Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 143 triệu cổ phiếu của Công ty được nắm giữ bởi Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền. Thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền là bốn (4) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các trái phiếu này đã được phân loại sang khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

- ❖ Chi tiết “*Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả*” mục I.4, và chi tiết “*Vay dài hạn ngân hàng*” mục II.1, bảng 14 trên

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
<i>Ngàn VNĐ</i>				
<i>BIDV, chi nhánh Bình Định</i>				
Hợp đồng vay số 01/2012/BIDV-HAGL_Attapeu, ngày 22 tháng 3 năm 2012	623.871.717	Hoàn trả trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 23 tháng 4 năm 2012)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng Đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,5%/năm (7% đến 8%/năm trong	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Hoàng Anh Gia Lai - Attapeu

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản thế chấp
	Ngàn VNĐ		năm 2014)	
Hợp đồng vay số 01/2013/BIDV-Attapeu, ngày 18 tháng 2 năm 2013	555.372.761	Hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 18 tháng 4 năm 2013)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng Đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5%/năm (7%/năm trong năm 2014)	Một phần dự án 7.950 ha cao su và 2.000 ha cọ dầu tại tỉnh Attapeu, Lào và tất cả khoản đầu tư vào HA Attapeu
TỔNG CỘNG	<u>1.179.244.478</u>			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	202.471.608			
<i>BIDV, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD, ngày 1 tháng 4 năm 2010	<u>694.183.233</u>	Hoàn trả trong vòng 130 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 28 tháng 4 năm 2010)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng Đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (7,5% đến 8%/năm trong năm 2014)	Dự án trồng 10.000 ha cao su tại tỉnh Attapeu, Lào
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	8.549.600			
<i>Sacombank, chi nhánh Đà Nẵng</i>				
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153, ngày 3 tháng 1 năm 2014	<u>262.454.605</u>	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 3 tháng 1 năm 2014)	1,125%/tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 4 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,3333%/tháng (12% đến 13%/năm trong năm 2014)	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Bình Hiên, Bình Thuận, Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Phát triển nhà Hoàng Anh Gia Lai; 200 căn hộ và quyền sử dụng đất tại Bà Thạc Gián, Thạc Gián, Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Sacombank, chi nhánh Thủ Đức

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản thế chấp
<i>Ngàn VNĐ</i>				
Hợp đồng tín dụng số LD1333200419, ngày 29 tháng 11 năm 2013	<u>250.000.000</u>	Hoàn trả trong vòng 66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 6 tháng 12 năm 2013)	Lãi suất thả nổi từ 8% đến 13%/năm	Quyền sử dụng đất ở Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng và quyền sử dụng đất ở Nam Dương, Hải Châu, Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
<i>ACB, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng tín dụng số GILDN02041110, ngày 4 tháng 11 năm 2010	<u>147.455.793</u>	Hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 4 tháng 11 năm 2010)	Lãi suất thả nổi từ 11,4% đến 12%/năm	19 triệu cổ phiếu của Công ty và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai trị giá 74 tỷ VNĐ
<i>Trong đó :</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	24.617.765			
<i>Lao - Viet Bank, chi nhánh Attapeu</i>				
Hợp đồng vay số 025/LVB.NVKD/2012, ngày 10 tháng 9 năm 2012	61.113.649	Hoàn trả trong vòng 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 10 tháng 9 năm 2012)	13,5%/năm trong năm đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3%/năm (13,5% đến 13,75%/năm trong năm 2014)	Một phần Khách sạn Hoàng Anh Attapeu và nhà máy chế biến mù cao su - do HA Attapeu sở hữu

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản thế chấp
	Ngàn VNĐ			
Hợp đồng vay số 010/2013/LVB-ATTAPEU, ngày 15 tháng 3 năm 2013	64.866.758	Hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 21 tháng 3 năm 2013)	12,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh hai lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng + 3%/năm (13,5% đến 13,75%/năm trong năm 2014)	Một phần dự án 7.950 ha cao su và 2.000 ha cọ dầu tại tỉnh Attapeu, Lào
TỔNG CỘNG	125.980.407			
<i>Trong đó :</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	34.932.482			

11.1.7 Tình hình công nợ

a. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	2.283.017.339	3.716.204.578	4.056.654.878
1	Phải thu khách hàng	772.886.447	1.429.634.589	1.546.132.123
2	Trả trước cho người bán	1.011.925.475	1.661.487.304	1.647.720.545
3	Các khoản phải thu khác	498.522.472	626.979.445	864.698.970
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(317.055)	(1.896.760)	(1.896.760)
II	Khoản phải thu dài hạn	-	280.000.000	289.474.381
1	Phải thu dài hạn khác	-	280.000.000	289.474.381
@	Tổng cộng	2.283.017.339	3.996.204.578	4.346.129.259

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất Quý I/2015.

- ❖ Chi tiết “Phải thu khách hàng” Mục I.1 bảng 15 trên

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu khách hàng

Đơn vị tính: ngàn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ (i)	441.147.015	958.028.240
Các khoản phải thu từ dịch vụ xây dựng (ii)	330.421.720	470.501.762
Phải thu tiền bán căn hộ	1.317.712	1.104.587
TỔNG CỘNG	772.886.447	1.429.634.589

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014

- (i) Đây chủ yếu là các khoản phải thu liên quan đến việc bán hàng cho Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Laman - Sekong, Công ty Xuất nhập khẩu Hữu Nghị và Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp KhamKuong với số tiền lần lượt là 329.864.299 ngàn VNĐ, 425.462.663 ngàn VNĐ và 122.455.129 ngàn VNĐ.
- (ii) Đây là khoản phải thu Chính phủ Lào liên quan đến việc xây dựng sân bay

b. Các khoản phải trả

Bảng 17: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Các chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/3/2015
I	NỢ NGẮN HẠN	2.115.045.468	6.293.225.751	6.746.322.180
1	Vay và nợ ngắn hạn	689.521.789	3.739.373.145	3.717.950.085
2	Phải trả cho người bán	326.743.202	247.166.661	377.452.320
3	Người mua trả tiền trước	102.293.662	126.467.449	122.320.699
4	Thuế và các khoản phải nộp cho NN	113.886.072	256.814.835	282.248.844
5	Phải trả người lao động	33.271.336	27.209.734	28.827.829
6	Chi phí phải trả	24.813.660	34.999.733	54.193.954
7	Phải trả phải nộp khác	824.515.747	1.861.194.194	2.163.328.449
II	NỢ DÀI HẠN	4.922.391.142	3.787.268.245	4.468.643.914
1	Phải trả dài hạn khác	143.031.429	166.523.184	69.814.266
2	Vay và nợ dài hạn	4.779.359.713	3.620.745.061	4.398.829.648
@	NỢ PHẢI TRẢ (I+II)	7.037.436.610	10.080.493.996	11.214.966.094

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất Quý I/2015

Đối với các khoản nợ đến hạn trong năm 2015, kế hoạch thanh toán của Công ty ngoài việc một phần dùng tiền bán hàng để trả đối với các khoản *Phải trả người bán, Phải trả người lao động, Chi phí phải trả, Thuế và các khoản phải nộp cho NN*; một phần Công ty sẽ thực hiện cầm trả công nợ phải thu chính phủ Lào; và gia hạn khoản vay trái phiếu của VPBS với tổng giá trị là 2.000 tỷ đồng.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Quý I/2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,6	0,8	0,8
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,2	0,6	0,6
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	53	59	61
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	113,8	146,8	159,7
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	1,1	1,2	0,37
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,14	0,15	0,03
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	42	34,3	21
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12	11,6	2
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,8	5	1
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	41,7	31,3	21

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất Quý I/2015

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Từ năm 2013, Công ty bắt đầu đẩy mạnh đầu tư, dẫn đến các khoản vay và phải trả Công ty tăng thêm, dẫn đến các hệ số thanh toán giảm xuống tương ứng. Năm 2014, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm xuống dưới 1 do khoản nợ ngắn hạn tăng thêm 198%. Nợ ngắn hạn tăng mạnh chủ yếu do các khoản vay dài hạn của Công ty đến hạn phải trả, dẫn đến khoản Vay và nợ ngắn hạn tăng 443%, đáng kể là khoản Trái phiếu trị giá 2.000 tỷ. Các chỉ tiêu không biến động trong Quý I năm 2015.

Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Do tài sản chưa đưa vào khai thác và tạo ra dòng tiền, Công ty chủ yếu dựa vào nguồn vốn góp thêm của các cổ đông và các khoản tín dụng, trái phiếu. Trong 2013, Công ty đầu tư phát triển

dự án theo cơ cấu vốn vay – vốn góp theo tỉ lệ gần với 50 – 50. Năm 2014, lãi suất ngân hàng tại Việt Nam giảm xuống mức thấp do điều kiện vĩ mô tốt dần lên, thanh khoản hệ thống ngân hàng cải thiện, Công ty đã tận dụng thêm nguồn vốn vay ngân hàng để tiếp tục hoàn thành các kế hoạch đầu tư của mình, dẫn đến cơ cấu nợ vay trên vốn chủ sở hữu tăng lên 146,8% từ mức 113,8% của năm 2013. Trong Quý I năm 2015, Công ty tiếp tục vay thêm vốn ngân hàng để tài trợ lĩnh vực chăn nuôi nên cơ cấu nợ vay tăng nhẹ.

Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Diện tích cao su đưa vào khai thác bắt đầu tăng nhanh từ năm 2013, bên cạnh đó, Công ty hoàn tất đầu tư cụm công nghiệp mía đường trong năm 2012 và đưa vào khai thác từ năm 2013. Lĩnh vực mía đường mang lại hiệu quả kinh tế tốt, giúp doanh thu của Agrico tăng mạnh, chỉ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân tăng đều qua các năm và dự kiến sẽ tiếp tục tăng khi giai đoạn đầu tư kiến thiết chuẩn bị kết thúc.

Giá vốn hàng bán tăng đều với mức tăng doanh thu, hàng tồn kho được đưa vào lưu thông, tiêu thụ, giúp vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng dần.

Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Trong năm 2013, diện tích cao su đến độ tuổi khai thác tăng lên đáng kể, giúp doanh thu từ mủ cao su tăng 419%. Giá mủ cao su đạt đỉnh năm 2011 và giảm dần cho đến hiện tại, năm 2013, giá cao su vẫn còn ở mức khả quan, giúp tỷ suất lợi nhuận của mảng cao su tương đối tốt. Bên cạnh đó, cụm công nghiệp mía đường bắt đầu sản xuất vụ đầu tiên với hiệu quả kinh tế tốt, giúp cải thiện các chỉ tiêu lợi nhuận.

Năm 2014, giá cao su giảm nhưng sản lượng mía đường tiếp tục tăng, cộng với việc mảng kinh doanh trồng cây ngắn ngày (bắp) cho hiệu quả cao, doanh thu và lợi nhuận tiếp tục đà tăng trưởng. Tuy nhiên, do giá các mặt hàng cao su và đường tiếp tục giảm, ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời chung của Agrico.

Quý I năm 2015, giá cả hàng hóa, gồm đường và cao su giảm nhẹ nên tỷ suất lợi nhuận của Công ty giảm xuống. Bên cạnh đó, Công ty bán thanh lý một số hàng hóa ở mức giá thấp, biên lợi nhuận thấp, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận của toàn Công ty chịu một phần ảnh hưởng.

12. Hội đồng Quản trị; Ban Giám đốc; Ban Kiểm soát; Giám đốc tài chính; Kế toán trưởng

Bảng 19: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

9	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
I.	Hội đồng quản trị			
1.	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	1963	230046495
2.	Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	1973	024786987
3.	Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên HĐQT	1977	230511800
4.	Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên HĐQT	1977	230527099
5.	Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT	1971	024334410
6.	Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên HĐQT	1961	230026262
7.	Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên HĐQT	1969	230940923
II.	Ban Giám đốc			
1.	Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng giám đốc	1977	230527099
2.	Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc	1960	230282812
3.	Ông Phan Thanh Thủ	Phó Tổng Giám đốc	1963	230046771
4.	Ông Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	1963	230468424
5.	Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	1961	230026262
6.	Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc	1969	230940923
7.	Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	1977	230513786
III.	Ban kiểm soát			
1.	Ông Lê Hồng Phong	Trưởng BKS	1980	025268052
2.	Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS	1975	025347705
3.	Bà Đào Định Phương	Thành viên BKS	1988	025864361
IV.	Kế toán trưởng			
1.	Ông Đỗ Văn Hải	Kế toán trưởng	1984	230592196

12.1 Hội Đồng Quản Trị

12.1.1 Ông Đoàn Nguyên Đức – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Đoàn Nguyên Đức
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1963
- Nơi sinh: Bình Định
- Số chứng minh nhân dân: 230046495
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 143 Trần Phú, TP Pleiku, Gia Lai
- Trình độ chuyên môn: Quản lý tổng thể
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1992 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT – CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HAG: HOSE)
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Hoàng Thị Ngọc Bích	Vợ	0	0%
2.	Đoàn Hoàng Anh	Con	0	0%
3.	Đoàn Hoàng Nam	Con	0	0%
4.	Đoàn Hoàng Nam Anh	Con	0	0%
5.	Đoàn Nguyên Lộc	Anh ruột	0	0%
6.	Đoàn Thị Nguyên Dung	Em ruột	0	0%
7.	Đoàn Nguyên Ngôn	Em ruột	0	0%
8.	Đoàn Thị Nguyên Vinh	Em ruột	0	0%
9.	Đoàn Nguyên Thịnh	Em ruột	0	0%
10.	Đoàn Thị Nguyên Xuân	Em ruột	0	0%
11.	Đoàn Nguyên Thu	Em ruột	0	0%
12.	Đoàn Thị Nguyên Thảo	Em ruột	0	0%
13.	Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Em ruột	0	0%
14.	Đoàn Tiến Quyết	Cha	0	0%
15.	Nguyễn Thị Thơm	Mẹ	0	0%
16.	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Cổ đông lớn đồng thời là người có liên quan	563.106.700	79.52%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.1.2 Ông Võ Trường Sơn – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Võ Trường Sơn
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1973
- Nơi sinh: An Giang
- Số chứng minh nhân dân: 024786987
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

-
- Địa chỉ thường trú: 158/55 Phạm Văn Chiêu, P 9, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính, Cử nhân Luật, Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA), Hội viên Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA).
 - Quá trình công tác:
 - Từ tháng 8/1996 đến tháng 11/2003: Công tác tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C).
 - Từ tháng 11/2003 đến tháng 10/2008: Chủ nhiệm kiểm toán cao cấp tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Từ tháng 10/2008 đến nay
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT
 - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám Đốc – Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG: HOSE)
 - Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: 563.106.700 cổ phần, chiếm 79.52% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Lâm Hoàng Yến	Vợ	0	0%
2.	Võ Hoàng Long	Con	0	0%
3.	Võ Hoàng Yến Nhi	Con	0	0%
4.	Võ Thanh Lộc	Em ruột	0	0%
5.	Võ Thị Kim Phượng	Em ruột	0	0%
6.	Võ Thị Thẩm Thúy Hằng	Em ruột	0	0%
7.	Võ Thị Bé Sáu	Em ruột	0	0%
8.	Võ Thanh Tùng	Em ruột	0	0%
9.	Võ Ngọc Dự	Cha	0	0%
10.	Trần Thị Thẩm	Mẹ	0	0%
11.	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Cổ đông lớn đồng thời là người có liên quan	563.106.700	79.52%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.1.3 Ông Đoàn Nguyên Thu – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Đoàn Nguyên Thu
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1977
- Nơi sinh: Bình Định
- Số chứng minh nhân dân: 230511800
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 143 Trần Phú, Tp Pleiku, Gia Lai.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - ĐH Kinh tế TP.HCM, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – ĐH Fullerton, Hoa Kỳ.
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1999 đến năm 2000: Công tác tại Công ty TNHH Hoàng Anh Sài Gòn
 - Từ năm 2003 đến năm 2004: Công tác tại Công Ty TNHH Việt May

-
- Từ năm 2004 đến năm 2006 Công tác tại Xí nghiệp Tư Doanh Hoàng Anh Gia Lai
 - Từ năm 2006 đến nay: Công tác tại Tập đoàn - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
 - Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT
 - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai
 - Phó Tổng Giám đốc CTCP Hoàng Anh Gia Lai
 - Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Nguyễn Thị Huỳnh Lê	Vợ	0	0%
2.	Đoàn Nguyên Lê Khanh	Con	0	0%
3.	Đoàn Nguyên Khôi	Con	0	0%
4.	Đoàn Nguyên Lê Khánh	Con	0	0%
5.	Đoàn Nguyên Lộc	Anh ruột	0	0%
6.	Đoàn Nguyên Đức	Anh ruột	0	0%
7.	Đoàn Thị Nguyên Dung	Chị ruột	0	0%
8.	Đoàn Nguyên Ngôn	Anh ruột	0	0%
9.	Đoàn Thị Nguyên Vinh	Chị ruột	0	0%
10.	Đoàn Nguyên Thịnh	Anh ruột	0	0%
11.	Đoàn Thị Nguyên Xuân	Chị ruột	0	0%
12.	Đoàn Thị Nguyên Thảo	Em ruột	0	0%
13.	Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Em ruột	0	0%
14.	Đoàn Tiến Quyết	Cha	0	0%
15.	Nguyễn Thị Thơm	Mẹ	0	0%
16.	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Cổ đông lớn đồng thời là người có liên quan	563.106.700	79.52%
17.	Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Người có liên quan	0	0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.1.4 Ông Nguyễn Xuân Thắng - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Xuân Thắng
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1977
- Nơi sinh: Nam Định
- Số chứng minh nhân dân: 230527099
- Quốc tịch: Việt Nam

-
- Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: 118 Nguyễn Thái Bình, Phường Iakring, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai
 - Trình độ chuyên môn: Đại học – Ngành Tài chính doanh nghiệp
 - Quá trình công tác:
 - Từ năm 1999 đến năm 2000: Công tác tại Công ty Cà phê 15 – Binh Đoàn 15, tỉnh Gia Lai
 - Từ năm 2000 đến năm 2003: Công tác tại Công ty TNHH Hưng Bình, Tp Pleiku, tỉnh Gia Lai
 - Từ năm 2003 đến năm 2004: Công tác tại Công ty TNHH Trung Hiếu, Tp Pleiku, tỉnh Gia Lai
 - Từ năm 2004 đến năm 2005: Công tác tại Tổng công ty viễn thông quân đội tại Gia Lai
 - Từ năm 2005 đến năm 2007: Công tác tại Trường trung học lâm nghiệp Tây Nguyên
 - Từ năm 2007 đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
 - Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
 - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc CTCP Hoàng Anh Gia Lai
 - Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,0007% vốn điều lệ
 - Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Phan Thị Thơm	Vợ	0	0%
2.	Nguyễn Thị Xuân Thảo	Con	0	0%
3.	Nguyễn Thị Huyền Chi	Con	0	0%
4.	Nguyễn Thắng Đạt	Con	0	0%
5.	Nguyễn Thị Thu Thủy	Chị ruột	0	0%
6.	Nguyễn Thị Kim Thịnh	Em ruột	0	0%
7.	Nguyễn Xuân Thanh	Cha	0	0%
8.	Nguyễn Thị Hồng	Mẹ	0	0%
9.	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Cổ đông lớn đồng thời là người có liên quan	563.106.700	79.52%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.1.5 Bà Võ Thị Huyền Lan - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Võ Thị Huyền Lan
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1971
- Nơi sinh: Tiền Giang
- Số chứng minh nhân dân: 024334410
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 285/192 Cách Mạng Tháng 8, Q10, TP Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - ĐH Kinh Tế TPHCM, MBA Thương Mại Cao Cấp HEC-Pháp, Thạc sỹ Tài Chính - ĐH Dauphine – Pháp
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1996 đến năm 1998: Kế toán trưởng Công ty Prezioso
 - Từ năm 1998 đến năm 2002: Kế toán trưởng Công ty Escape Bourbon An Lạc (BigC) Việt Nam

- Từ năm 2002 đến năm 2006: Phó Tổng Giám Đốc - Giám Đốc Tài Chính hệ thống Siêu thị BigC Việt Nam
- Từ năm 2006 đến năm 2013: Thành viên HĐQT - Công ty CP Điện Quang
- Từ năm 2010 đến nay. Thành viên HĐQT CTCP Hoàng Anh Gia Lai
- Hiện nay:
 - Tổng Giám đốc Jaccar Holdings.
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Long Hậu. kiêm Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Khu CN Hiệp Phước.
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn.
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Âu Việt
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Tổng Giám đốc Jaccar Holdings
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Long Hậu (LHC: HOSE)
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Khu CN Hiệp Phước
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Âu Việt
 - Thành viên HĐQT CTCP Hoàng Anh Gia Lai
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Ngô Long Bình	Chồng	0	0%
2.	Ngô Quý Hà Giang	Con	0	0%
3.	Ngô Hoàng Khánh Dương	Con	0	0%
4.	Võ Thị Huyền Phượng	Chị ruột	0	0%
5.	Võ Thị Huyền Linh	Chị ruột	0	0%
6.	Võ Thị Huyền Châu	Em ruột	0	0%
7.	Võ Thị Huyền Trân	Em ruột	0	0%
8.	Võ Văn Giai	Cha	0	0%
9.	Phạm Thị Tố	Mẹ	0	0%
10.	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Cổ đông lớn đồng thời là người có liên quan	563.106.700	79.52%
11.	Công ty Cổ phần Long Hậu	Người có liên quan	0	0%
12.	Công ty Cổ phần Khu CN Hiệp Phước	Người có liên quan	0	0%
13.	Công ty Cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn	Người có liên quan	0	0%
14.	Công ty Cổ phần Việt Âu	Người có liên quan	0	0%
15.	Công ty Jaccar Holdings	Người có liên quan	0	0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.1.6 Ông Nguyễn Ngọc Ánh – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Ánh
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1961

-
- Nơi sinh: Bình Định
 - Số chứng minh nhân dân: 230026262
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: 367 Trường Chinh, P.Trà Bá, TP.Pleiku, Tỉnh Gia Lai
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Cơ khí
 - Quá trình công tác:
 - Từ năm 1984 đến năm 1989: Công tác tại Nhà máy Cơ khí Đăk Lăk
 - Từ năm 1989 đến năm 1993: Công tác tại Nhà máy Cơ khí 17-3 Thành phố Pleiku
 - Từ năm 1995 đến năm 1997: Công tác tại Công ty Mía đường Gia Lai
 - Từ năm 1997 đến năm 2002: Giám đốc Nhà máy đường Bourbon Gia Lai
 - Từ năm 2002 đến năm 2007: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai
 - Từ năm 2007 đến năm 2009: Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường nhiệt điện Gia Lai
 - Từ năm 2009 đến năm 2011: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mía đường nhiệt điện Gia Lai, kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Điện Gia Lai
 - Hiện nay: Giám đốc – Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai
Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu
 - Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
 - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai
Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu
 - Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Nguyễn Thị Hiếu Thảo	Vợ	0	0%
2.	Nguyễn Thị Hiếu Thương	Con	0	0%
3.	Nguyễn Quốc An Chinh	Con	0	0%
4.	Nguyễn Thị Hiếu Thụy	Con	0	0%
5.	Nguyễn Ngọc Châu	Cha	0	0%
6.	Nguyễn Thị Đúng	Mẹ	0	0%
7.	Nguyễn Thị Hồng	Chị ruột	0	0%
8.	Nguyễn Thị Hiệp	Em ruột	0	0%
9.	Nguyễn Thị Tuyết	Em ruột	0	0%
10.	Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Người có liên quan	0	0%
11.	Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Người có liên quan	0	0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.1.7 Ông Nguyễn Quan Anh – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Quan Anh
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1969
- Nơi sinh: Bình Định
- Số chứng minh nhân dân: 230940923
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn 2, xã An Phú, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Trình độ chuyên môn:
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1993 đến năm 2005: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh gỗ Hoàng Anh Gia Lai, từ năm 2002 giữ chức vụ Giám đốc Xí nghiệp
 - Từ năm 2006 đến năm 2009: Giám đốc Công ty Gỗ xuất khẩu Hoàng Anh Gia Lai

- Từ năm 2010 đến tháng 6/2012: Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai
 - Từ tháng 9/2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai, kiêm Giám đốc Công ty Khoáng sản Kon Tum
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 5000 cổ phần, chiếm 0.0007% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: 5000 cổ phần, chiếm 0.0007% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Hồ Thị Việt	Vợ	0	0%
2.	Nguyễn Thị Lệ Vi	Con	0	0%
3.	Nguyễn Trung Nguyên	Con	0	0%
4.	Nguyễn Hồ Trung Kiên	Con	0	0%
5.	Nguyễn Hồng Phượng	Anh ruột	0	0%
6.	Nguyễn Văn Chấn	Anh ruột	0	0%
7.	Nguyễn Thị Lan	Chị ruột	0	0%
8.	Nguyễn Thị Cân	Chị ruột	0	0%
9.	Nguyễn Bay	Cha	0	0%
10.	Huỳnh Thị Yến	Mẹ	0	0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.2 Ban Giám đốc

12.2.1 Ông Nguyễn Xuân Thắng – Tổng Giám đốc

Thông tin tương tự như Mục 12.1.4

12.2.2 Ông Trịnh Xuân Nhân – Phó Tổng Giám đốc

- | | |
|---|--|
| - Họ và tên: | Trịnh Xuân Nhân |
| - Giới tính: | Nam |
| - Năm sinh: | 1960 |
| - Nơi sinh: | Quảng Ngãi |
| - Số chứng minh nhân dân: | 230282812 |
| - Quốc tịch: | Việt Nam |
| - Dân tộc: | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú: | 63B Hùng Vương, TP Pleiku, Gia Lai |
| - Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kinh tế |
| - Quá trình công tác: | |
| ▪ Từ năm 2010 đến tháng 04/2015: | Công tác tại Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai |
| ▪ Từ Tháng 04/2015 đến nay: | Công tác tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai |
| - Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: | Phó Tổng Giám đốc |
| - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Không |
| - Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: | 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ |
| ▪ Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: | 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ |
| ▪ Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: | 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ |
| - Số cổ phần của những người có liên quan: | |

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Nguyễn Thị Kim Cúc	Vợ	0	0%
2.	Trịnh Nữ Linh Giang	Con	0	0%
3.	Trịnh Nữ Thi Nguyên	Con	0	0%
4.	Trịnh Xuân Vạn	Em ruột	0	0%
5.	Trịnh Thị Ngọc Hân	Em ruột	0	0%
6.	Trịnh Thị Kiều Hạnh	Em ruột	0	0%
7.	Trịnh Thị Thu Hà	Em ruột	0	0%
8.	Trịnh Thị Thanh Hòa	Em ruột	0	0%
9.	Trịnh Xuân Anh	Em ruột	0	0%
10.	Trịnh Ngân	Cha	0	0%
11.	Đoàn Thị Thoa	Mẹ	0	0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.2.3 Ông Phan Thanh Thủ - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Phan Thanh Thủ
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1963
- Nơi sinh: Gia Lai
- Số chứng minh nhân dân: 230046771
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 545A Trường Chinh, Phường Chi Lăng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Trình độ chuyên môn: Nghệ thuật âm nhạc Huế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1984 đến năm 1992: Công tác tại Đoàn nghệ thuật Đam San
 - Từ năm 1993 đến năm 2003: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh Gia Lai
 - Hiện nay: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai.
Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh

- Anh Attapeu
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Phó Tổng Giám đốc
 - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu .
 - Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Nguyễn Thị Hoa	Vợ	0	0%
2.	Phan Thị Liễu Thi	Con	0	0%
3.	Phan Duy	Con	0	0%
4.	Phan Vũ	Anh ruột	0	0%
5.	Phan Thanh Hiếu	Em ruột	0	0%
6.	Phan Thị Ánh Nguyệt	Em ruột	0	0%
7.	Phan Thanh Phong	Em ruột	0	0%
8.	Phan Thanh Sơn	Em ruột	0	0%
9.	Phan Thanh Thủy	Em ruột	0	0%
10.	Phan Thanh Long	Em ruột	0	0%
11.	Phan Biểu	Cha	0	0%
12.	Trần Thị Sậu	Mẹ	0	0%
13.	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Cổ đông lớn đồng thời là người có liên quan	563.106.700	79.52%
14.	Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Người có liên quan	0	0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.2.4 Ông Hoàng Đình Quý - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Hoàng Đình Quý
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1963
- Nơi sinh: Gia Lai
- Số chứng minh nhân dân: 230468424
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 89/48 Nguyễn Đình Chiểu, P.Tây Sơn, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1983 đến năm 1987: Đi bộ đội thuộc đơn vị C6E546-F473 – Binh đoàn 12.
 - Từ năm 1988 đến năm 2007: Công tác tại Công ty TNHH MTV Cao su Chư Pah
 - Từ năm 2008 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần cao su Hoàng Anh Quang Minh.
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần cao su Hoàng Anh Quang Minh.
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 1000 cổ phần, chiếm 0.00014% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Phạm Thị Hồng Vân	Vợ	0	0%
2.	Hoàng Đình Nam	Con	0	0%
3.	Hoàng Đình Hải	Con	0	0%
4.	Hoàng Đình Cửu	Anh ruột	0	0%
5.	Hoàng Đình Hồng	Anh ruột	0	0%
6.	Hoàng Khai	Cha	0	0%
7.	Trần Thị Chút	Mẹ	0	0%
8.	Công ty Cổ phần cao su Hoàng Anh Quang Minh.	Người có liên quan	0	0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.2.5 Ông Nguyễn Ngọc Ánh - Phó Tổng Giám đốc

Thông tin tương tự như Mục 12.1.6

12.2.6 Ông Nguyễn Quan Anh - Phó Tổng Giám đốc

Thông tin tương tự như Mục 12.1.7

12.2.7 Bà Võ Thị Mỹ Hạnh – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Võ Thị Mỹ Hạnh
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1977
- Nơi sinh: Gia Lai
- Số chứng minh nhân dân: 230513786
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 09 Tầng Bạt Hổ, TP.Pleiku, Gia Lai
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2001 đến 2006: Công tác tại Xí Nghiệp Tư doanh Hoàng Anh. Giữ chức trưởng phòng kinh doanh năm 2004.
 - Từ năm 2006 đến 2008: Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia lai. Giữ chức vụ Phó

- giám đốc chi nhánh Nhà máy gỗ nội thất Hoàng Anh Gia Lai
- Năm 2009: Giữ chức vụ Phó phòng Kế hoạch Đầu tư và Dự án từ tháng 1 đến tháng 4/2009. Giữ chức Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai từ tháng 4/2009.
 - Từ năm 2009 đến nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai. Giữ chức Giám đốc từ tháng 9/2013. Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai từ tháng 12/2014. Phó Giám đốc tài chính Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai kể từ tháng 2/2015. Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Phó Tổng Giám đốc
 - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Giám đốc Công ty cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai
 - Phó Giám đốc phụ trách tài chính Bệnh viện Đại học Y Dược – Hoàng Anh Gia Lai.
 - Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
 - Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 5.000 cổ phần, chiếm 0,0007% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,0007% vốn điều lệ
 - Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Lê Đại Quang	Chồng	0	0%
2.	Võ Đình Phúc	Em ruột	0	0%
3.	Võ Thị Kim Thủy	Em ruột	0	0%
4.	Võ Văn Dũng	Cha	0	0%
5.	Huỳnh Thị Hồng	Mẹ	0	0%
6.	Công ty cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Người có liên quan	0	0%
7.	Bệnh viện Đại học Y Dược – Hoàng Anh Gia Lai.	Người có liên quan	0	0%
8.	Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Người có liên quan	0	0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.3 Ban Kiểm Soát

12.3.1 Ông Lê Hồng Phong – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Lê Hồng Phong
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1980
- Nơi sinh: Buôn Ma Thuột
- Số chứng minh nhân dân: 025268052
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 82F Cư xá Cửu Long, Ngô Tất Tố, P22, Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2003 đến năm 2004: Trợ lý kiểm toán Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tư vấn tài chính Sài Gòn (AFC Sài Gòn)
 - Từ năm 2004 đến năm 2010: Trợ lý kiểm toán, nhóm trưởng kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
 - Từ năm 2010 đến năm 2011: Chuyên viên ban kiểm soát nội bộ phụ trách về tài chính Tập đoàn Đất Xanh
 - Từ năm 2011 đến nay: Phó phòng kiểm toán nội bộ Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Trưởng Ban kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó phòng Kiểm toán nội bộ Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Bùi Thị Ngọc Anh	Vợ	0	0%
2.	Lê Hồng Ngọc	Con	0	0%
3.	Lê Phúc Bình	Con	0	0%
4.	Lê Hồng Anh	Anh	0	0%
5.	Lê Hồng Thủy	Cha	0	0%
6.	Đỗ Thị Tuyết Nhung	Mẹ	0	0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.3.2 Ông Phạm Ngọc Châu – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Phạm Ngọc Châu
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1975
- Nơi sinh: Tây Ninh
- Số chứng minh nhân dân: 025347705
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 132/20A Tân Mỹ, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp. HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2001 đến năm 2003: Làm việc tại Công ty CP Phát Triển Sản Xuất Thương Mại Sài Gòn (SADACO)
 - Từ năm 2004 đến năm 2007: Làm việc tại Công ty TNHH Âu Á
 - Từ năm 2008 đến năm 2012: Làm việc tại Công ty CP Quản lý Bất động sản Hoàng Anh Gia Lai
 - Từ năm 2012 đến nay: Làm việc tại Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai

- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên BKS
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Nguyễn Thị Thu Lan	Vợ	0	0%
2.	Phạm Nhật Duy	Con	0	0%
3.	Phạm Phúc Duy	Con	0	0%
4.	Phạm Văn Hùng	Anh	0	0%
5.	Phạm Thị Như Hoa	Chị	0	0%
6.	Phạm Phương Thảo	Em	0	0%
7.	Phạm Phương Nam	Em	0	0%
8.	Phạm Văn Nết	Cha	0	0%
9.	Nguyễn Thị Cánh	Mẹ	0	0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.3.3 Bà Đào Định Phương – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Đào Định Phương
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1988
- Nơi sinh: Phú Yên
- Số chứng minh nhân dân: 025 864 361
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 66/16F Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2010 đến năm 2012 Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
 - Từ năm 2013 đến nay Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên BKS
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên kiểm toán nội bộ, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Đào Ninh	Cha	0	0%
2.	Phan Thị Thủy	Mẹ	0	0%
3.	Đào Đức Minh	Em ruột	0	0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.4 Kế toán trưởng

12.4.1 Ông Đỗ Văn Hải – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Đỗ Văn Hải
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1984
- Nơi sinh: Gia Lai
- Số chứng minh nhân dân: 230592196

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Cao ốc An Lộc 1, Phường An Phú, Quận 2
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh Tế TPHCM - Kế toán và Kiểm Toán
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2006 đến năm 2007: Làm việc tại Chi nhánh Công ty Kiểm Toán CPA Hà Nội
 - Từ năm 2007 đến năm 2008: Làm việc tại công ty TNHH SCS Global (Việt Nam)
 - Từ năm 2008 đến năm 2015: Làm việc tại Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Kế toán trưởng
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1	Phạm Thị Ngọc Linh	Vợ	0	0%
2	Đỗ Phan Anh	Con	0	0%
3	Đỗ Văn Phong	Anh	0	0%
4	Đỗ Thị Bạch Tuyết	Chị	0	0%
5	Đỗ Văn Hòa	Anh	0	0%
6	Đỗ Văn Thuận	Anh	0	0%
7	Đỗ Nộ	Cha	0	0%
8	Nguyễn Thị Hồng Ký	Mẹ	0	0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 20: Hàng tồn kho

Đơn vị: ngàn đồng

Hàng tồn kho	31/12/2013	31/12/2014
Thành phẩm	26.140.286	114.732.141
Hàng hóa	1.214.122	316.840
Chi phí sản xuất dở dang	421.770.021	703.075.370
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hoạt động sản xuất</i>	<i>209.288.475</i>	<i>346.900.219</i>
<i>Giá trị các căn hộ đang xây để bán</i>	<i>204.631.945</i>	<i>170.579.766</i>
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	<i>7.849.601</i>	<i>44.311.866</i>
<i>Bò thịt</i>	<i>-</i>	<i>141.250.534</i>
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	<i>-</i>	<i>32.985</i>
Nguyên vật liệu	282.577.717	305.221.847
Công cụ, dụng cụ	65.817.380	17.290.299
TỔNG CỘNG	797.519.526	1.140.636.497

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014

Bảng 21: Tình hình tài sản cố định của Công ty

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Tên Tài Sản	31/12/2013		31/12/2014	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.138.850.970	1.079.479.587	1.221.103.529	1.107.872.740
2.	Máy móc thiết bị	1.066.810.582	994.699.048	1.202.083.826	1.048.256.690
3.	Phương tiện vận tải	308.661.250	259.813.315	947.311.879	865.963.552
4.	Thiết bị văn phòng	1.193.612	577.552	1.145.439	334.791
5.	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	490.754.240	482.407.896	1.135.705.300	1.104.065.107
6.	Tài sản khác	9.195.150	8.048.393	11.870.016	9.386.975
	Tổng cộng	3.015.465.804	2.825.025.791	4.519.219.989	4.135.879.855

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014

Bên cạnh các tài sản cố định nêu trên, Công ty đã được các cơ quan có thẩm quyền tại ba nước Đông Dương cấp phép thuê dài hạn hơn 88.000 hecta đất để triển khai các dự án nông nghiệp, phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, với thời hạn thuê đất là 50 năm tại Việt Nam, Lào và 70 năm tại Campuchia. Hợp đồng thuê đất tại Lào sẽ lần lượt hết hạn từ năm 2056 đến 2061, trong khi các hợp đồng thuê đất tại Campuchia sẽ hết hạn trong giai đoạn 2079 đến 2081.

(đơn vị: hecta)	Cao su	Cọ dầu	Mía đường	Chăn nuôi
Lào	24.563	3.380	6.165	5.080
Campuchia	11.471	26.620		4.600
Việt Nam	2.394			3.965
Tổng cộng	38.428	30.000	6.165	13.645

Với thời hạn thuê đất dài, Công ty có nhiều điều kiện thuận lợi để thực hiện chiến lược đầu tư dài hạn, trồng các loại cây nông – công nghiệp dài ngày, bảo đảm nguồn thu nhập ổn định trong tương lai.

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2015 và 2016

14.1 Kế hoạch

Bảng 22: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015 và 2016

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Dự kiến năm 2015		Dự kiến năm 2016	
				Giá trị	(+/-) so với năm 2014	Giá trị	(+/-) so với năm 2015
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.212	6.174	179%	9.685	57%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	771	1.500	95%	3.100	107%
3	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	6.868	10.323	50%	13.323	29%
4	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	35%	24%		32%	
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11%	17%		25%	
6	Cổ tức	%	2%	10%		15%	

Nguồn: HAGL Agrico

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2015 và 2016

Ngoài nguồn lợi nhuận ổn định của dự án Mía đường kể từ năm 2013, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ đến từ những dự án sau:

- Diện tích cao su đến tuổi cạo mủ tăng lên và năng suất cạo bắt đầu tỉ lệ thuận với độ tuổi của cây, do đó, sản lượng mủ năm 2015 và 2016 dự kiến sẽ tăng 37% và 189% so với sản lượng năm 2014, tương ứng với sản lượng 9.705 tấn và 20.504 tấn. Giá mủ cao su hiện nay tương đối thấp và chưa có dấu hiệu hồi phục rõ nét, Công ty do đó lập kế hoạch kinh doanh của lĩnh vực này tương đối thận trọng, với tỷ trọng lần lượt 3% và 6% lợi nhuận gộp năm 2015 và 2016, với giả định giá mủ cao su xoay quanh mốc 29 – 30 triệu đồng một tấn.

- Dự án nuôi bò thịt triển khai từ năm 2014 sẽ bắt đầu được khai thác trong năm 2015. Công ty dự kiến tiêu thụ khoảng 80.000 con bò trong năm 2015 và tăng gấp đôi sản lượng năm 2016. Với giá bán dự kiến khoảng 75.000 cho mỗi kilogram thịt bò hơi khi bò đạt trọng lượng khoảng 500 kg, Công ty có thể thu về lần lượt khoảng 3.000 tỷ và 6.000 tỷ đồng doanh thu bán bò trong năm 2015 và 2016, tương ứng với tỉ trọng 50% và 63% trong cơ cấu doanh thu. Lợi nhuận gộp của lĩnh vực chăn nuôi bò sữa vào khoảng 35% đến 37%, và lần lượt đóng góp 54% và 60% cho kế hoạch lợi nhuận của Công ty trong năm 2015 và 2016. Thị trường Việt Nam tiêu thụ khoảng 1,8 triệu con bò mỗi năm, do đó, nguồn cung của Công ty là không lớn và có thể được thị trường hấp thụ nhanh chóng.
- Công ty triển khai dự án chăn nuôi bò sữa song song với bò thịt, song quy mô đàn bò chỉ bằng 10% đàn bò thịt. Bò sữa cũng sẽ tạo ra doanh thu và lợi nhuận từ năm 2015. Theo kế hoạch, bò sữa sẽ đóng góp khoảng 7% lợi nhuận năm 2015 và 13% trong năm 2016.
- Dự án cọ dầu trồng năm 2012 sẽ bắt đầu tạo ra doanh thu từ năm 2016, tuy nhiên, do diện tích khai thác còn ít nên tỉ trọng doanh thu chỉ chiếm khoảng 1%.
- Mía đường sẽ hoạt động ổn định với doanh thu hàng năm khoảng 800 tỷ đồng và tỷ suất lợi nhuận gộp 57%.

14.3 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua

Công ty đã hoàn tất việc trồng cao su, mía đường và cọ dầu theo kế hoạch đã báo cáo Đại hội đồng cổ đông năm 2015. Trong năm 2015 và 2016, Công ty sẽ tập trung phát triển đàn bò với quy mô dự kiến như sau:

- Năm 2015: 251.000 bò thịt và 10.700 bò sữa
- Năm 2016: 231.000 bò thịt và 10.000 bò sữa
- Các công trình phụ trợ: đồng cỏ trên quỹ đất sẵn có, chuồng trại, hệ thống chế biến thức ăn.

Tổng chi phí mua bò vào khoảng 5.000 tỷ đồng mỗi năm, tuy nhiên, Công ty sẽ thu hồi vốn và có lợi nhuận sau 6 tháng kể từ ngày nhập khẩu bò thịt về Việt Nam, do Công ty nhập bò 16 – 18 tháng tuổi, và nuôi vỗ béo 6 tháng, khi bò đạt trọng lượng 500 – 550kg sẽ cung ứng ra thị trường.

14.4 Kế hoạch tăng vốn điều lệ:

Công ty sẽ sử dụng nguồn lợi nhuận từ các ngành nghề kinh doanh hiện tại cùng vốn vay để phát triển dự án, và chưa có kế hoạch nâng vốn điều lệ trong giai đoạn 2015 – 2016.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai cũng như về các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

HAGL Agrico đang sở hữu những tài sản có giá trị cao, gồm quỹ đất lên đến 100.000 hecta đã được trồng kín những loại cây công nghiệp và nông nghiệp, và đang dần đi vào giai đoạn khai thác, tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Trong lĩnh vực trồng trọt, mảng Mía đường đang hoạt động hiệu quả, năng suất cao và tạo ra lợi nhuận và dòng tiền ổn định cho Công ty. Diện tích cao su đến thời điểm khai thác cũng đang tăng dần, giúp công ty cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và dòng tiền đầu tư, và tạo ra nguồn lợi nhuận tăng dần đều cho Công ty, do diện tích cao và năng suất cây sẽ tăng đều trong ít nhất năm (05) năm tới. Tương tự cao su, cọ dầu bắt đầu trồng từ năm 2012 cũng sẽ bắt đầu tạo ra lợi nhuận từ năm 2016. Tuy giá cả ba mặt hàng này đã giảm nhiều trong thời gian qua, HAGL Agrico vẫn sẽ có thể có lợi nhuận tốt từ việc kinh doanh này, do Công ty có chi phí thuê – mua đất phù hợp, giá thành sản xuất cạnh tranh nhờ việc áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, từ đó thu được năng suất tốt hơn so với bình quân của từng ngành.

Từ năm 2015, Công ty sẽ có thêm nguồn thu lớn từ mảng Chăn nuôi bò thịt và bò sữa. Bò sữa ban đầu sẽ triển khai ở quy mô nhỏ, Công ty tập trung đẩy mạnh lĩnh vực chăn nuôi bò thịt với quy mô tiêu thụ năm 2015 và 2016 lên đến 80.000 và 150.000 con. Công ty mua bò 16 tháng tuổi từ Úc và nuôi vỗ béo tại trang trại tại Việt Nam khoảng 6 đến 7 tháng, và tiêu thụ tại thị trường trong nước khi bò đạt đến trọng lượng trên 500 kg. Đây là lĩnh vực có rào cản gia nhập ngành khá cao, do các Công ty phải đáp ứng tiêu chuẩn ESCAS, đồng thời, phải có quỹ đất đủ lớn và nguồn lực tài chính để trồng cỏ, phát triển vùng thức ăn, cùng nguồn nước ổn định, dồi dào. Thị trường Việt Nam tiêu thụ xấp xỉ 1,8 triệu con bò hàng năm, do đó, nguồn cung tăng thêm từ HAGL Agrico là không đáng kể, và sẽ không gây tác động nhiều đến giá cả mặt hàng này. Sau khi nhập bò về Việt Nam, chi phí lớn nhất là thức ăn, nhưng HAGL Agrico với thế mạnh trong lĩnh vực trồng trọt có thể cung ứng thức ăn cho các trang trại ở mức giá cạnh tranh, giúp lĩnh vực chăn nuôi có giá thành thấp, bảo đảm hiệu quả sinh lời của dự án chăn nuôi.

Công ty vẫn đang trong giai đoạn đầu tư, dòng tiền thu hàng năm sẽ được ưu tiên tái đầu tư và hoàn thành các nghĩa vụ với các bên cho vay, do đó, Công ty thận trọng đề ra kế hoạch chi trả cổ tức cho các năm 2015 và 2016 lần lượt là 10% và 15% tính trên mệnh giá, và sẽ xin chấp thuận của Đại hội đồng thông qua các mức chi trả cổ tức nêu trên trong các kỳ đại hội cổ đông sắp tới.

Ghi chú: Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo, không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 đã thông qua việc sẽ thực hiện sửa đổi một số điều khoản trong Điều lệ Công ty theo những nội dung thay đổi của Luật Doanh nghiệp năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01/7/2015, đồng thời ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc sửa đổi và công bố thông tin Điều lệ Công ty đã được sửa đổi theo những nội dung được ĐHĐCĐ thông qua. Các nội dung được sửa đổi sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2015.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán:

- ❖ Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá:

- ❖ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết:

- ❖ Tổng số chứng khoán niêm yết: 708.143.895 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:

- ❖ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: **563.122.700 cổ phiếu**, đây là số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phần này trong 6 tháng tiếp theo, bao gồm:
 - Số lượng cổ phiếu của Hội đồng Quản trị nắm giữ là : 10.000 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu của Ban kiểm soát nắm giữ là : 0 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu của Ban Giám đốc nắm giữ là : 6.000 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu của Giám đốc tài chính nắm giữ là : 0 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu của Kế toán trưởng nắm giữ là : 0 cổ phiếu; và
 - Số lượng cổ phiếu của cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát là : 563.106.700 cổ phiếu.
- ❖ Danh sách cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và cổ đông lớn là người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Số CMND/ĐKKD
I	Hội đồng quản trị (HĐQT)			
1.	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	-	230046495
2.	Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	-	024786987
3.	Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên HĐQT	-	230511800
4.	Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên HĐQT	5.000	230527099
5.	Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT	-	024334410
6.	Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên HĐQT	-	230026262
7.	Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên HĐQT	5.000	230940923
II	Ban Giám đốc (BGĐ)			
1.	Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng giám đốc	Đã liệt kê mục I.4	230527099

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Số CMND/ĐKKD
2.	Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc	-	230282812
3.	Ông Phan Thanh Thủ	Phó Tổng Giám đốc	-	230046771
4.	Ông Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	1.000	230468424
5.	Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	-	230026262
6.	Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc	Đã liệt kê mục I.7	230940923
7.	Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	5.000	230513786
III	Ban kiểm soát (BKS)			
8.	Ông Lê Hồng Phong	Trưởng BKS	-	025268052
9.	Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS	-	025347705
10.	Ông Đào Định Phương	Thành viên BKS	-	025864361
IV	Kế toán trưởng			
11.	Ông Đỗ Văn Hải	Kế toán trưởng	-	230592196
V	Cổ đông lớn là người có liên quan đến thành viên HĐQT, BGD, BKS			
12.	Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Cổ đông lớn	563.106.700	5900377720

Nguồn: HAGL Agrico

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai là giá được tính toán dựa trên phương pháp so sánh các chỉ số giữa Công ty với các công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TPHCM. Các chỉ số so sánh:

- Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần (P/E); và
- Hệ số giá thị trường trên Giá trị sổ sách của Công ty (P/B).

Ghi chú: Đây chỉ là hai trong những phương pháp tính giá mà nhà đầu tư có thể tham khảo, ngoài ra, giá của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai còn phụ thuộc vào cung cầu thị trường.

Thông tin các chỉ số P/E và P/B của các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TPHCM thời điểm đóng cửa phiên giao dịch ngày 8 tháng 7 năm 2015 theo dữ liệu thống kê của SSI:

- P/E bình quân: 13,9
- P/B bình quân: 2,7

5.1 Phương pháp so sánh Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần: Price/Earnings (P/E)

Dựa trên giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần (hay lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu, “EPS”) của các doanh nghiệp niêm yết, hệ số P/E trung bình được tính toán. Từ đó:

Giá trị của cổ phiếu HAGL AGRICO = P/E bình quân x EPS (HAGL Agrico)

Lợi nhuận của Công ty theo kế hoạch năm 2015 vào khoảng 1.500 tỷ đồng; Tổng số cổ phần đang lưu hành là 708.143.895; EPS năm 2015 của HAGL Agrico dự kiến là 2.118 đồng/cổ phiếu;

Chỉ số P/E bình quân các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TPHCM là 13.9 lần, giá dự kiến cổ phiếu của CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai theo phương pháp so sánh P/E:

$$\begin{aligned}
 \text{Giá cổ phiếu dự kiến niêm yết} &= \text{P/E bình quân đã điều chỉnh x EPS năm 2015 của HAGL AGRICO} \\
 &= 13,9 \times 2.118 \\
 &= \mathbf{29.440 \text{ đồng/cổ phiếu}}
 \end{aligned}$$

5.2 Phương pháp so sánh hệ số Giá thị trường trên Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/B hay PB):

- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu} = \frac{\text{Tổng tài sản} - (\text{Tài sản vô hình} + \text{Nợ})}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu của CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai tại các thời điểm như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015 (kế hoạch)
Tổng tài sản – (Tài sản vô hình + Nợ)	triệu đồng	5.268.021	6.203.669	6.847.610	10.323.000
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	triệu cổ phiếu	365	399	399	708
Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	14.445	15.545	17.159	14.578

Giá trị của cổ phiếu HAGL AGRICO = P/B bình quân x Giá trị sổ sách (HAGL Agrico)

Chỉ số P/B bình quân các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TPHCM là 2.7 lần, giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh chỉ số P/B được tính toán như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá cổ phiếu dự kiến niêm yết} &= \text{P/B bình quân} \times \text{Giá trị sổ sách} \\ &= 2,7 \times 14.578 \\ &= \mathbf{39.360 \text{ đồng/cổ phiếu}} \end{aligned}$$

5.3 Tổng hợp giá tham chiếu của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai:

Phương pháp tính/Hệ số sử dụng	Giá trị (đồng/cổ phiếu)	Tỷ trọng	Giá tương ứng (đồng/cổ phiếu)
P/E	29.440	50%	14.720
Giá trị sổ sách	39.360	50%	19.680
Tổng			34.400

Với hai phương pháp định giá cổ phần, giá trị hợp lý của mỗi cổ phiếu HAGL Agrico nằm trong khoản từ 29.440 đến 39.360 đồng.

Tổng hợp 2 phương pháp so sánh, với tỉ trọng 50% mỗi phương pháp, giá trị hợp lý của cổ phiếu HAGL Agrico khi so sánh với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TPHCM là 34.400 nghìn đồng.

Tuy nhiên, do lĩnh vực hoạt động trồng trọt và chăn nuôi là một lĩnh vực còn mới so với ngành nghề của các doanh nghiệp niêm yết hiện nay, Hội đồng Quản trị Công ty thận trọng quyết định mức giá trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai là 28.000 đồng/cổ phiếu.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định tại Luật Đầu Tư và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên SGDC TP.HCM thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 0,73% vốn điều lệ.

7. Các loại thuế liên quan

7.1 Đối với Công ty

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Theo nghị định số 218/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2013, những trường hợp thuộc diện áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 22% sẽ chính thức được áp dụng thuế suất 20%.

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất lần lượt là 24% và 20% trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn giảm TNDN theo các Giấy phép Đăng ký Kinh doanh, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

b. Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của *Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013* và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

c. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Do hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, Công ty được hưởng các ưu đãi thuế như sau:

- Ngành cao su:
 - i. Công ty TNHH PTNN Hoàng Anh Attapeu: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 đến 2019, và áp dụng mức thuế 10% từ năm 2020.
 - ii. Công ty TNHH CNNN Cao su Hoàng Anh Quang Minh: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.
 - iii. Hợp tác kinh doanh: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 đến 2019, và áp dụng mức thuế 10% từ năm 2020.

iv. Các công ty trồng cao su tại Rattanakiri: áp dụng thuế suất 0% đến năm 2018 và 20% từ năm 2019

- Ngành mía đường: áp dụng thuế suất 0% đến năm 2018 và 10% từ năm 2019
- Cọ dầu: áp dụng thuế suất 0% đến năm 2020 và 10% từ năm 2021.
- Bò thịt: 0% đến năm 2018, các năm sau đó phụ thuộc vào thuế suất tại từng khu vực HAGL Agrico triển khai dự án nuôi bò, cụ thể, 20% tại Việt Nam, 24% tại Lào và 20% tại Campuchia, và sẽ có thể thay đổi tại từng thời điểm tùy thuộc vào pháp luật và quy định tại từng thời điểm của pháp luật.
- Bò sữa: áp dụng thuế suất 0% đến năm 2019 và 20% từ năm 2020.

7.2 Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4a, Điều 2, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ khoản 5, Điều 16, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

- Thu nhập từ cổ tức:

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của

Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%.

Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

Trụ sở chính: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 84 59 2222285

Fax: 84 59 2222218

Website: haagrico.com.vn

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Hội sở

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 2897

Fax: (84.8) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ

Địa chỉ: 92-98 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821 8567

Fax: (84.8) 3291 0590

Chi nhánh Vũng Tàu

Địa chỉ: Số 04 Lê Lợi, Tp. Vũng Tàu

Điện thoại: (84.64) 3521 906

Fax: (84.31) 3521 907

Chi nhánh Nha Trang

Địa chỉ: 50 Lê Thanh Phương, Tp. Nha Trang

Điện thoại: (84.58) 3816 969

Fax: (84.58) 3816 968

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3936 6321

Fax: (84.4) 3936 6311

Chi nhánh Trần Bình Trọng

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3942 6718

Fax: (84.4) 3942 6719

Chi nhánh Mỹ Đình

Địa chỉ: Tầng G, Toà nhà The Manor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3794 6699 Fax: (84.4) 3794 6677

Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Q.Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Điện thoại: (84.31) 3569 123 Fax: (84.31) 3569 130

3. Tổ chức kiểm toán:**CÔNG TY TNHH Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 28 - Tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 5252 Fax: (84.8) 3824 5250

Email: eyhcmc@vn.ey.com Website: www.ey.com

VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất
- Phụ lục 2:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết
- Phụ lục 3:** Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- Phụ lục 4:** Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2013
- Phụ lục 5:** Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2014
- Phụ lục 6:** Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2015
- Phụ lục 7:** Các văn bản pháp lý khác

Gia Lai, ngày 09 tháng 7 năm 2015

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI



ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN XUÂN THẮNG
Tổng Giám đốc

ĐỖ VĂN HẢI
Kế toán trưởng

LÊ HỒNG PHONG
Trưởng Ban kiểm soát

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)



NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

Giám đốc Phụ trách phía Nam Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư